



TRẦN NAM DŨNG (Tổng Chủ biên) – KHÚC THÀNH CHÍNH (Chủ biên)
ĐINH THỊ XUÂN DUNG – NGUYỄN KÍNH ĐỨC
ĐINH THỊ KIM LAN – HUỲNH THỊ KIM TRANG

Vở bài tập **TOÁN**



TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TRẦN NAM DŨNG (Tổng Chủ biên) – KHÚC THÀNH CHÍNH (Chủ biên)
ĐINH THỊ XUÂN DUNG – NGUYỄN KÍNH ĐỨC
ĐINH THỊ KIM LAN – HUỲNH THỊ KIM TRANG

Vở bài tập
TOÁN

1

TẬP MỘT

Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM





Lời nói đầu

Quý thầy cô, quý phụ huynh và các em học sinh thân mến.

Để củng cố và rèn luyện các kiến thức, kĩ năng; phát triển năng lực toán học cũng như các phẩm chất cho học sinh theo chương trình giáo dục phổ thông mới, nhóm tác giả **Chân trời sáng tạo** trân trọng giới thiệu bộ sách **VỎ BÀI TẬP TOÁN** dùng cho cấp Tiểu học.

Bộ sách gồm 10 tập, tương ứng với mỗi lớp 2 tập. Trong mỗi tập sách, các nội dung được giới thiệu theo trình tự sách giáo khoa Toán Tiểu học với hệ thống bài tập đa dạng và phong phú. Trong mỗi phần, các bài tập tự luận và trắc nghiệm được giới thiệu đan xen và đặc biệt có một số đề kiểm tra dùng để tham khảo.

Bộ sách này có thể coi như nguồn tư liệu trong quá trình dạy học.

Giáo viên có thể lựa chọn những nội dung phù hợp với các đối tượng học sinh, các em không nhất thiết phải làm hết các bài trong sách.

Học sinh có thể dùng **VỎ BÀI TẬP TOÁN** trong buổi học thứ nhất (khi đã làm hết các bài trong sách giáo khoa), đặc biệt hữu ích ở buổi học thứ hai và trong các giờ tự học.

Với những tình huống và hình vẽ vui nhộn, gần gũi với cuộc sống, bộ sách tạo điều kiện để học sinh tương tác với sách qua nhiều hình thức (viết, vẽ, tô màu, ...), chúng tôi hi vọng bộ sách này thực sự mang đến niềm vui cho các em khi học toán.



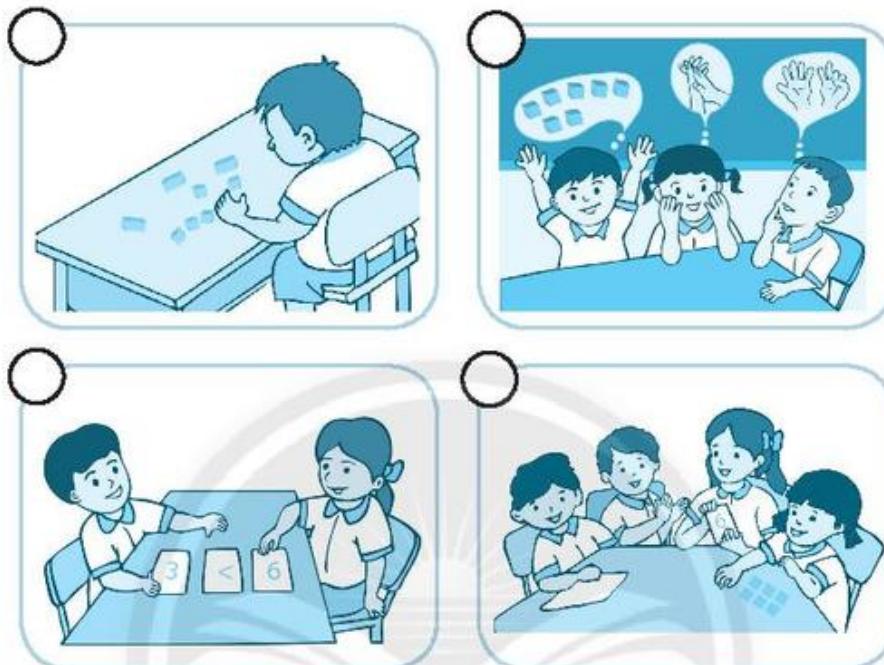
MỤC LỤC

Lời nói đầu	3
Lớp 1 của em	5
1. Làm quen với một số hình	
• Vị trí	7
• Khối hộp chữ nhật – Khối lập phương	9
• Hình tròn – Hình tam giác – Hình vuông – Hình chữ nhật	10
• Xếp hình	12
• Thực hành và trải nghiệm: Vị trí và hình quanh em	13
2. Các số đến 10	
• Các số 1, 2, 3	16
• Các số 4, 5	17
• Tách – Gộp số	20
• Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	24
• So sánh các số: bằng, lớn hơn, bé hơn	26
• Các dấu $=, >, <$	28
• Số 6	31
• Số 7	34
• Số 8	37
• Số 9	40
• Số 0	43
• Số 10	45
• Em làm được những gì?	50
• Thực hành và trải nghiệm	52
• Kiểm tra	54
3. Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10	
• Phép cộng	58
• Phép cộng trong phạm vi 10	62
• Cộng bằng cách đếm thêm	68
• Phép trừ	73
• Phép trừ trong phạm vi 10	76
• Trừ bằng cách đếm bớt	82
• Em làm được những gì?	86
• Ôn tập Học kì 1	91
• Thực hành và trải nghiệm	99
• Kiểm tra Học kì 1	101

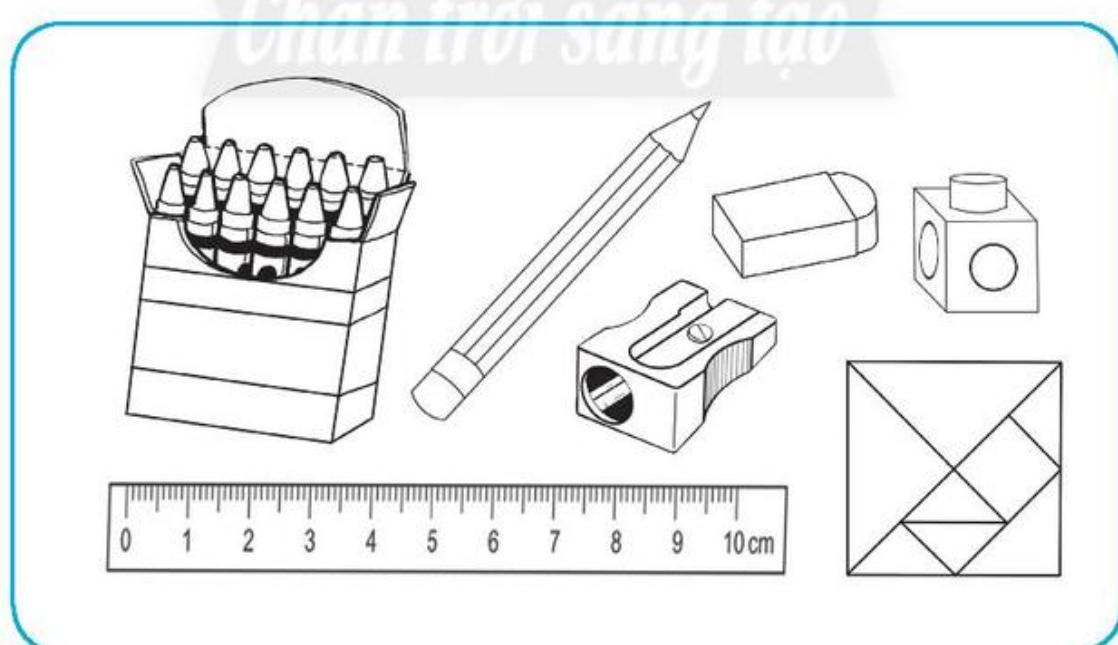


LỚP 1 CỦA EM

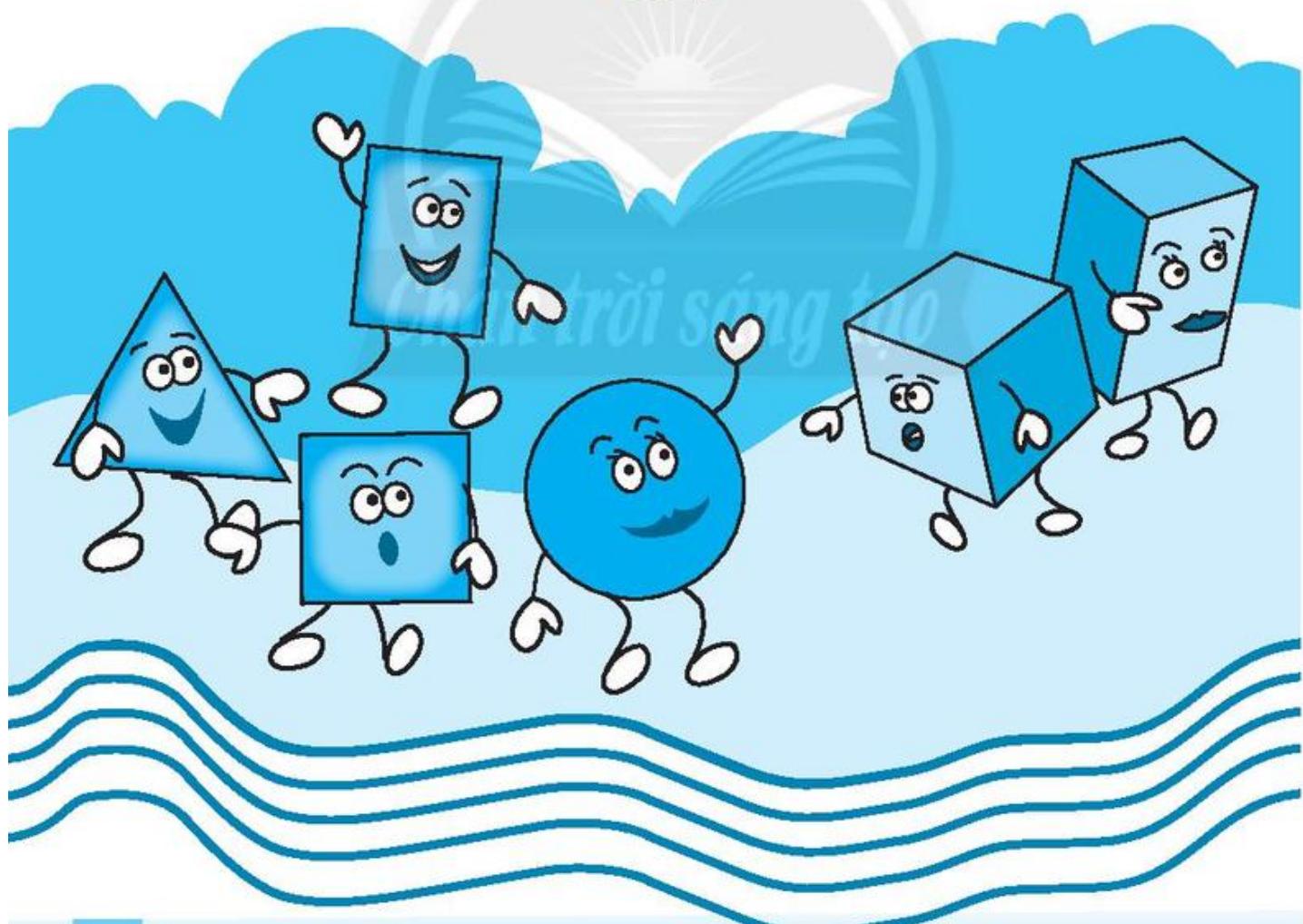
- 1 Đánh dấu vào tranh hoạt động nhóm.



- 2 Tô màu rồi gọi tên các đồ dùng học tập.



1. Làm quen với một số hình

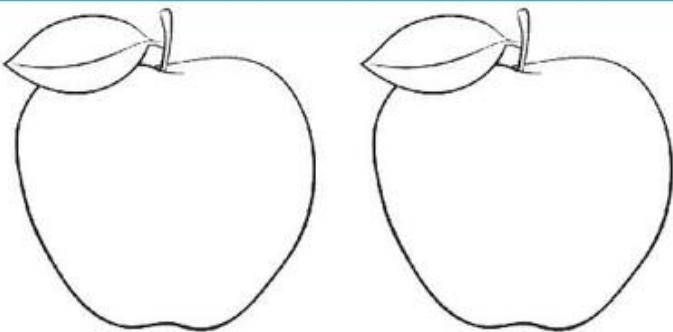




VỊ TRÍ

Tô màu đỏ vào hình ảnh:

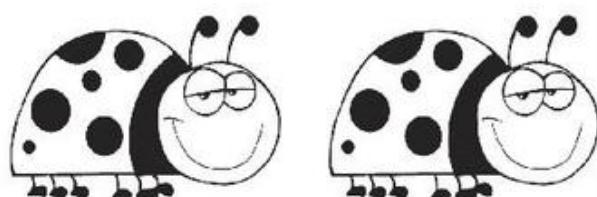
1 Bên phải



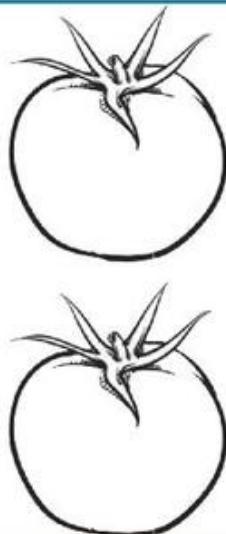
2 Ở giữa



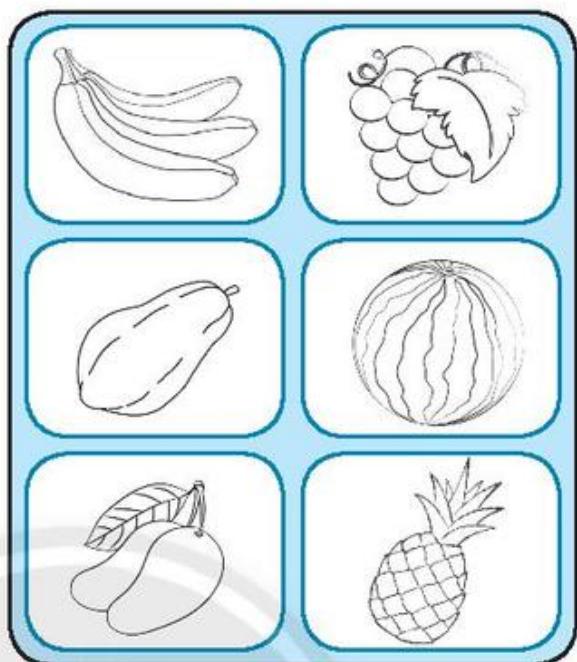
3 Phía trước



4 Phía dưới



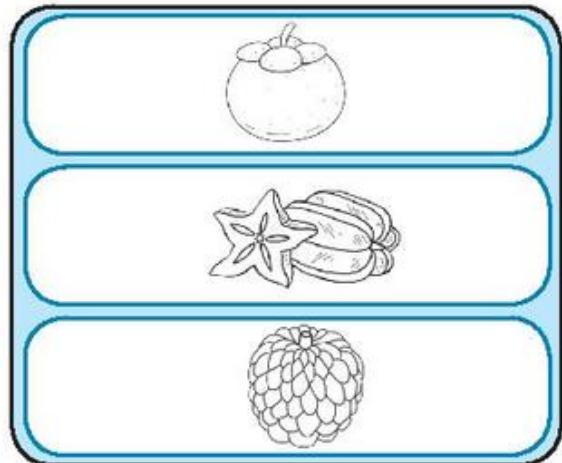
5 Tô màu rồi nói vị trí của trái cây (hoa quả).



a) Ô bên trái: màu vàng.
Ô bên phải: màu xanh.



b) Ô ngoài cùng, bên trái: màu đỏ.
Ô ngoài cùng, bên phải: màu vàng.
Ô ở giữa: màu xanh.



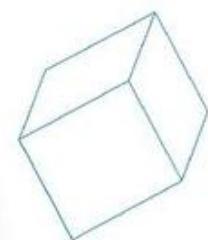
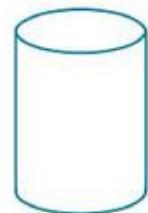
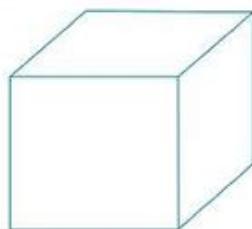


KHỐI HỘP CHỮ NHẬT KHỐI LẬP PHƯƠNG

1 Tô màu:

Khối hộp chữ nhật: màu vàng.

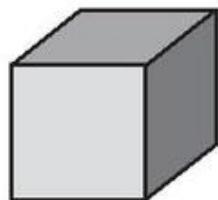
Khối lập phương: màu đỏ.



2 Khoanh (theo mẫu):



Khối hộp chữ nhật



Khối lập phương





HÌNH TRÒN – HÌNH TAM GIÁC HÌNH VUÔNG – HÌNH CHỮ NHẬT

1 Tô màu:

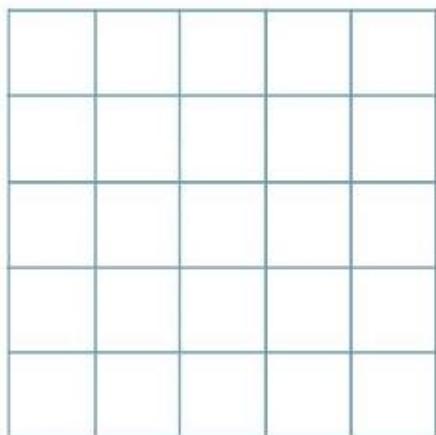
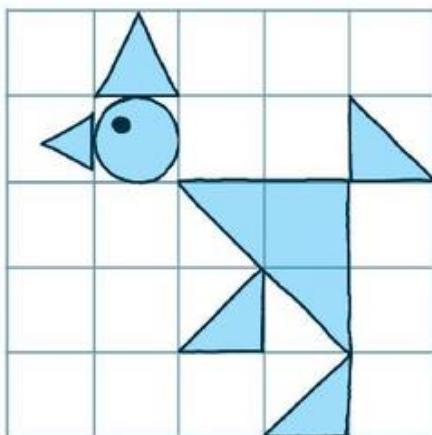
Hình tam giác: màu xanh.

Hình vuông: màu vàng.



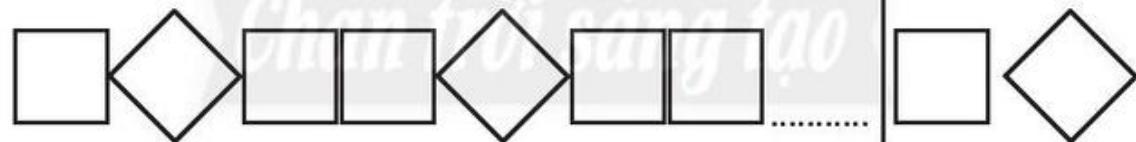
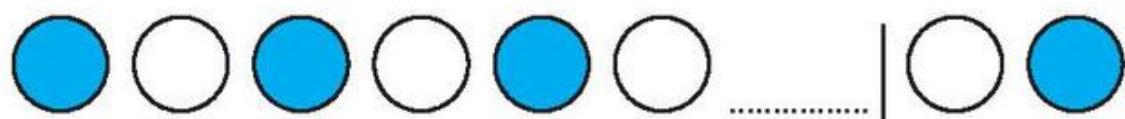
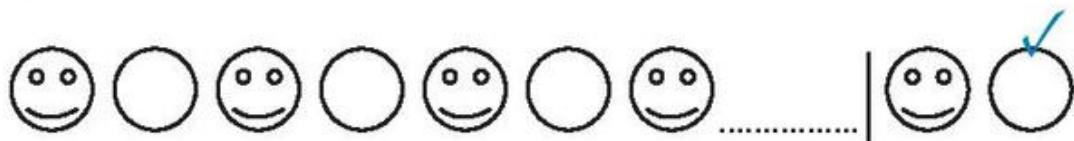
2 Vẽ lại theo mẫu.

Mẫu:

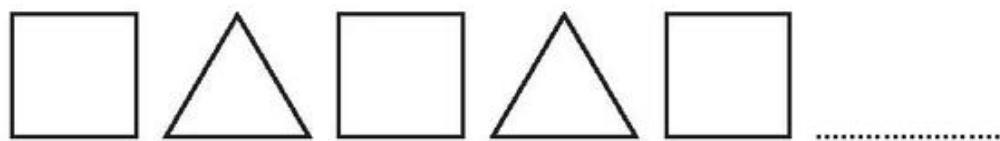


3 Tiếp theo là hình nào? (Đánh dấu () theo mẫu).

Mẫu:



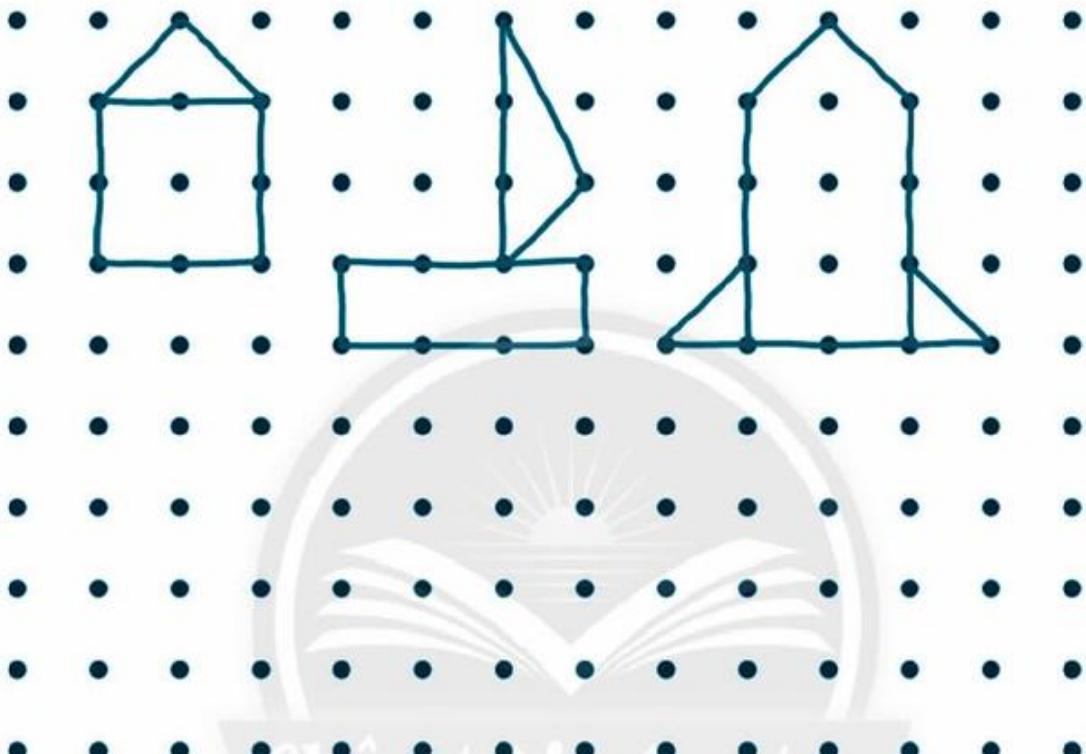
4 Vẽ tiếp một hình vào chỗ chấm.



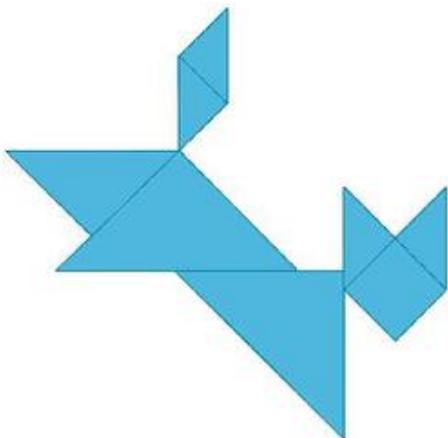


XẾP HÌNH

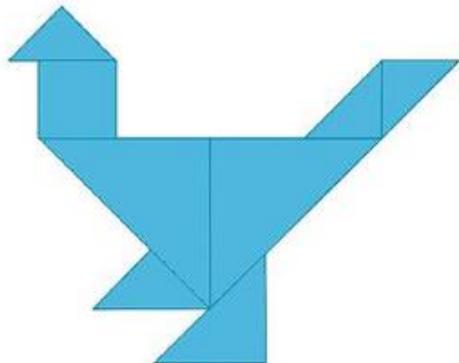
1 Vẽ (theo mẫu).



2 Xếp hình (theo mẫu).



Con mèo



Con gà



THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

VỊ TRÍ VÀ HÌNH QUANH EM

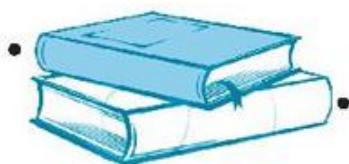
1

Nói để tìm nón (mũ) của mỗi bạn: Nón của bạn trai ở bên phải.



2

Nói để tìm sách của mỗi bạn: Sách của bạn gái ở dưới.



3

Tô màu:

- Sách và quần áo của bạn gái: màu đỏ.
- Sách và quần áo của bạn trai: màu xanh.

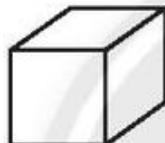
Nói vị trí sách của mỗi bạn.



4 Bạn ở vị trí nào không đội nón bảo hiểm? (Đánh dấu).



5 Nối hình vẽ với tên hình.



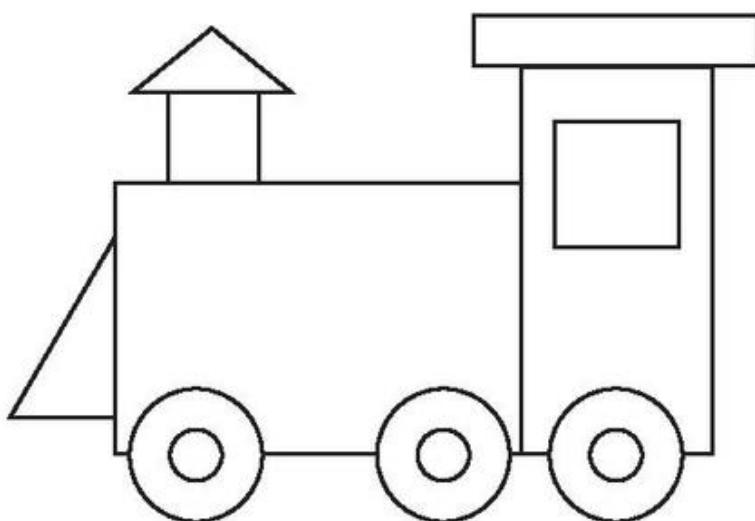
Khối hộp chữ nhật



Khối lập phương

6 Tô màu xe lửa:

- xanh lá
- đỏ
- cam
- vàng



2. Các số đến 10





CÁC SỐ 1, 2, 3

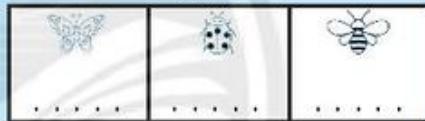


1 1 2 3

2 Số?

1	2	3
2	
.....	2	1

3 Đếm rồi viết số.



4 Quan sát và điền số.

Mẫu:



3 gồm 1 và 2

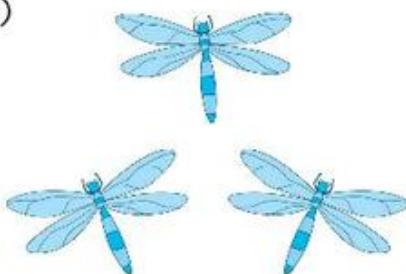
3 gồm 2 và 1

a)



..... gồm và

b)



..... gồm và

..... gồm và



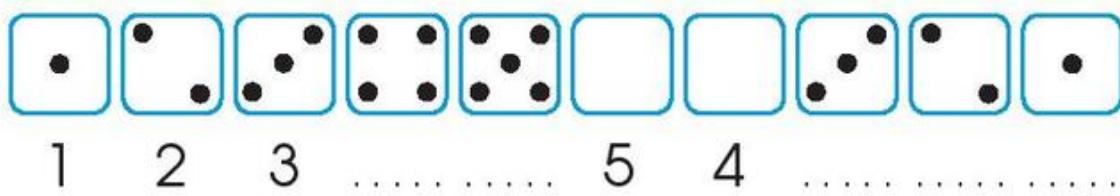
CÁC SỐ 4, 5



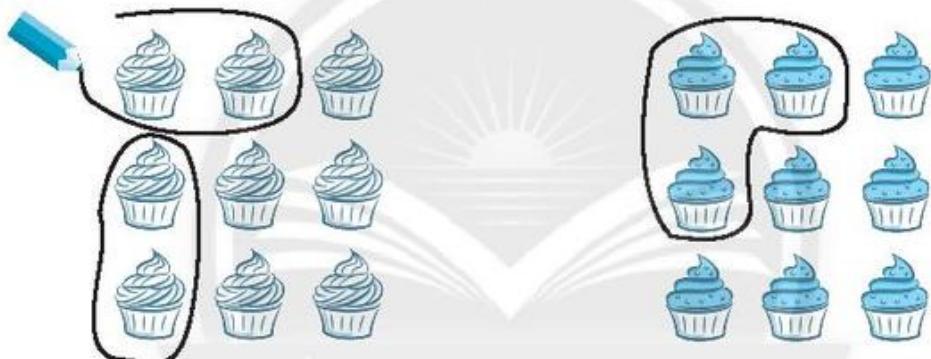
4

5

- 2 Viết số, vẽ chấm tròn.



- 3 Đếm rồi khoanh (theo mẫu).



2

3

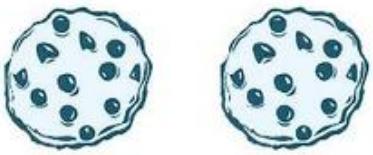


4

5

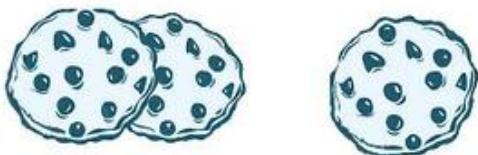
4 Điền số rồi nói theo mẫu câu.

a)



Gộp và được

b)



Gộp và được

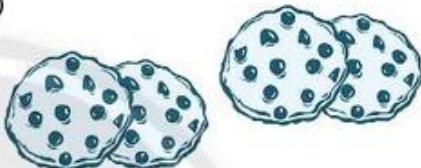
5 Điền số rồi nói theo mẫu câu.

a)



Gộp và được
.... gồm và

b)



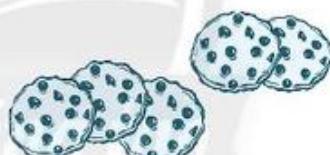
Gộp và được
.... gồm và

c)



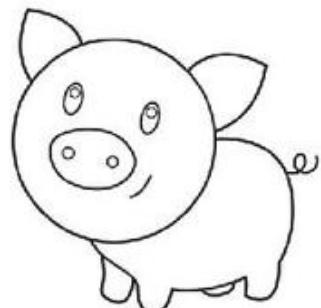
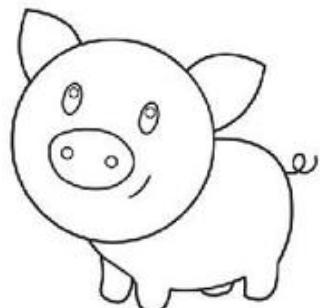
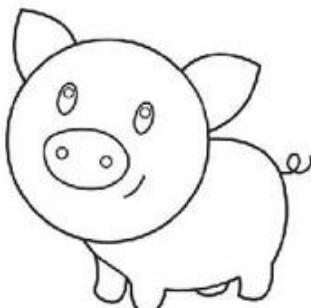
Gộp và được
.... gồm và

d)



Gộp và được
.... gồm và

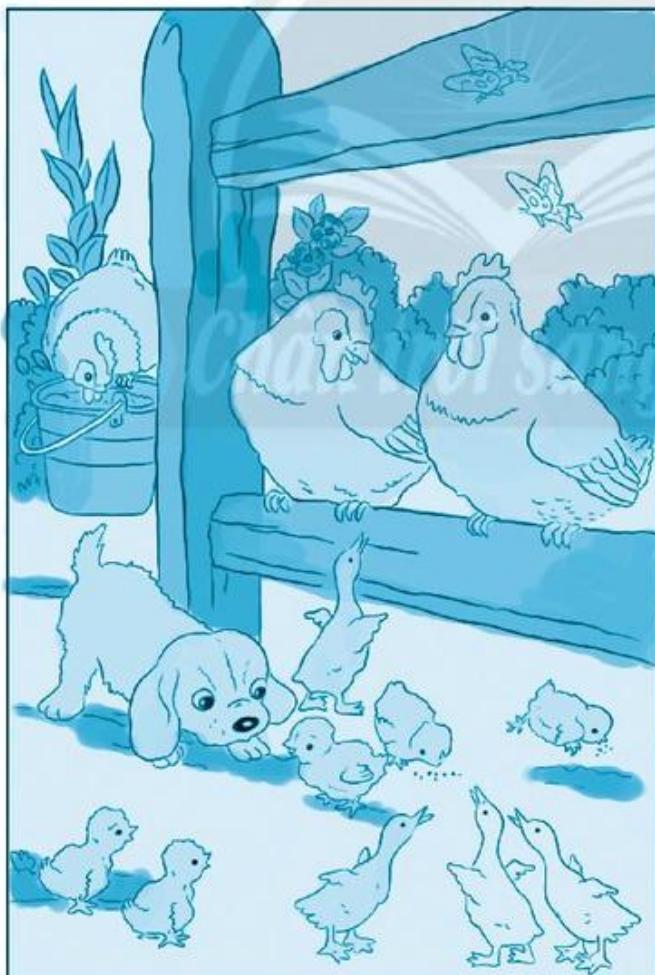
6 Tô màu phù hợp với câu nói: Ba gồm hai và một.



7 Mỗi chiếc xe có mấy bánh xe?

 1 2 3 4

8 Đếm rồi viết số.





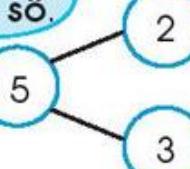
TÁCH – GỘP SỐ

- 1 Diễn số rồi nói theo mẫu câu tách – gộp.

Mẫu:



Đây gọi là
sơ đồ
tách – gộp số.



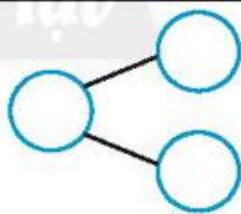
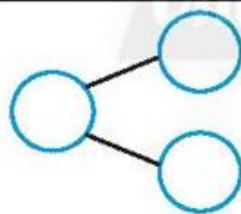
Gộp ... và ... được ...

Có 2 bạn nam và 3 bạn nữ

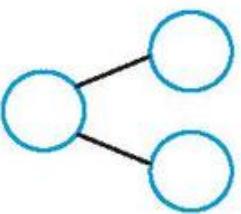
a)



b)

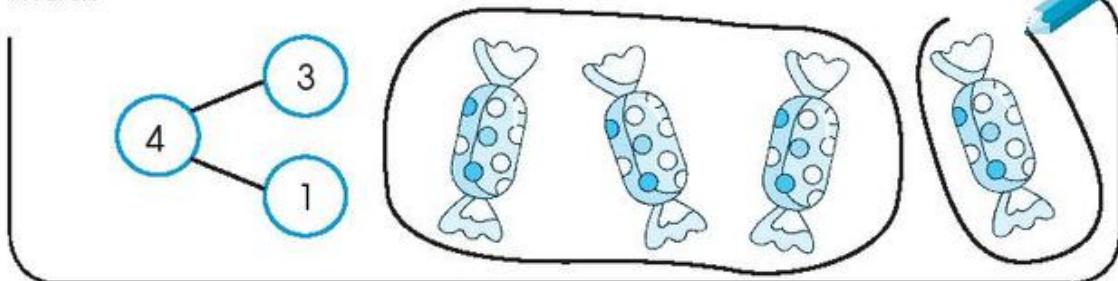


c)

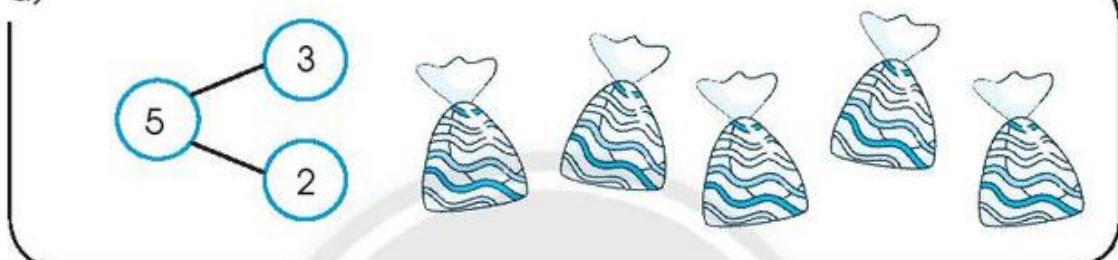


2 Làm theo mẫu.

Mẫu:



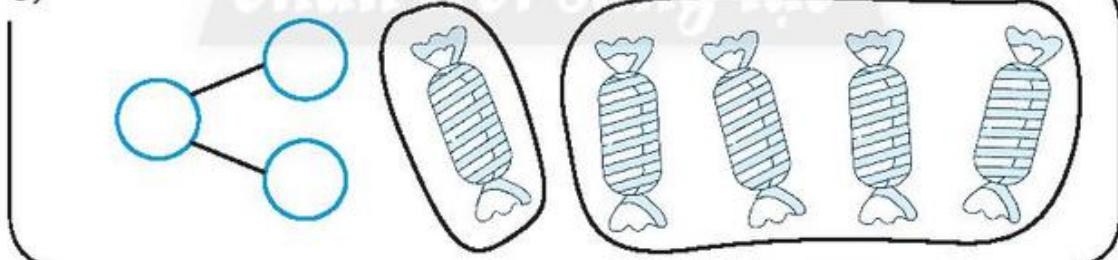
a)



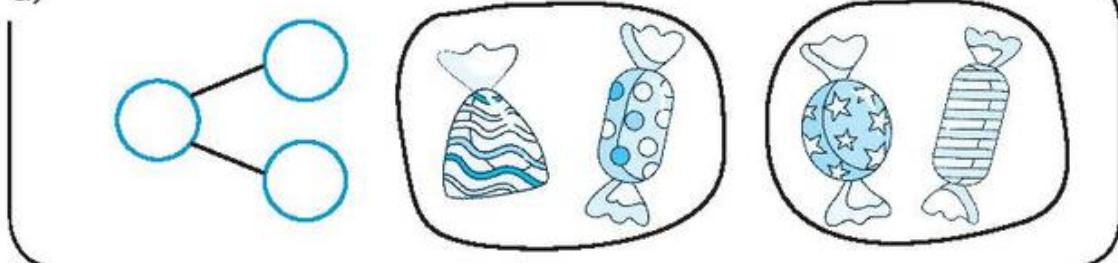
b)



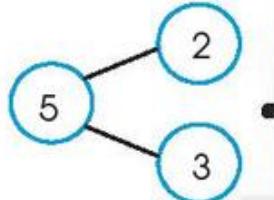
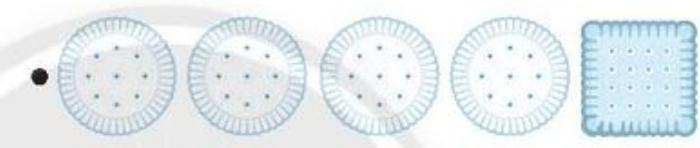
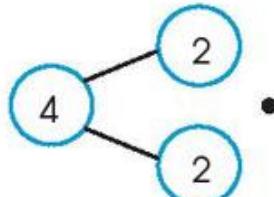
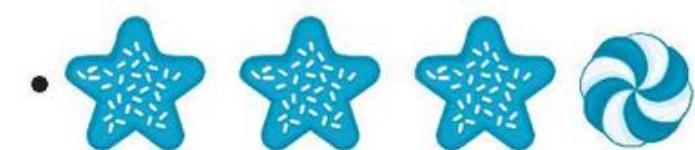
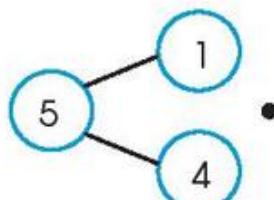
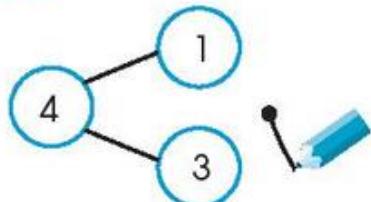
c)



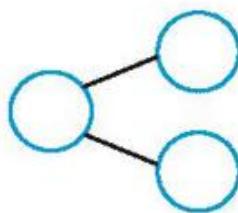
d)



3 Nối sơ đồ tách - gộp số với hình vẽ phù hợp.



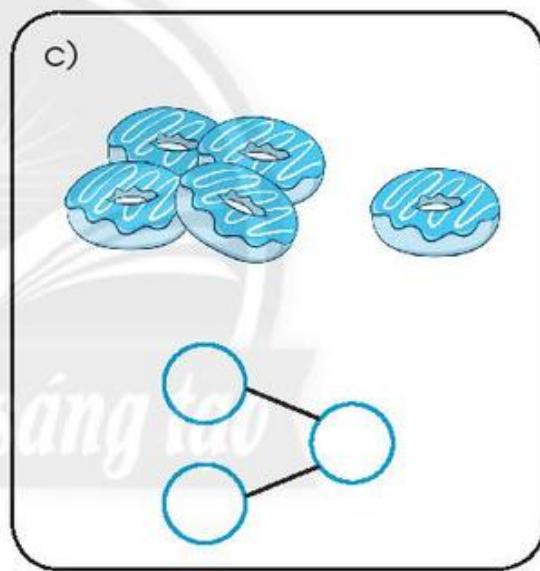
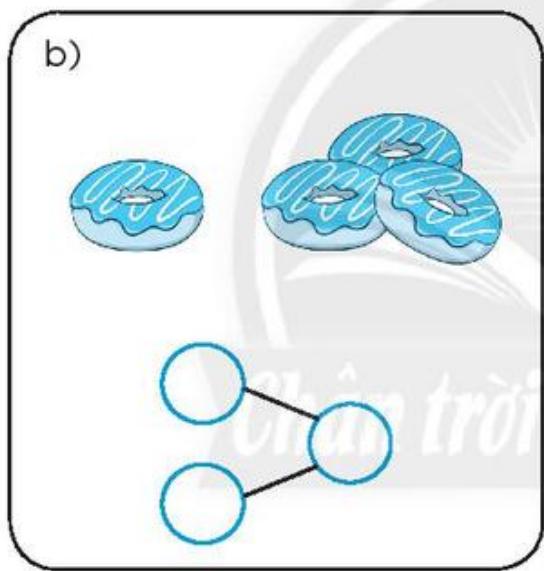
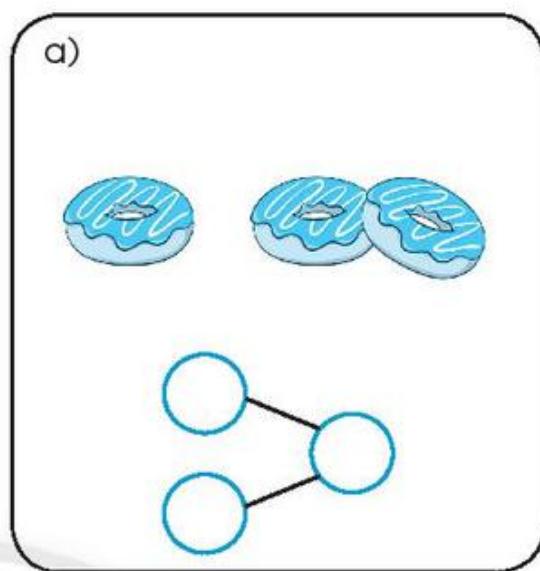
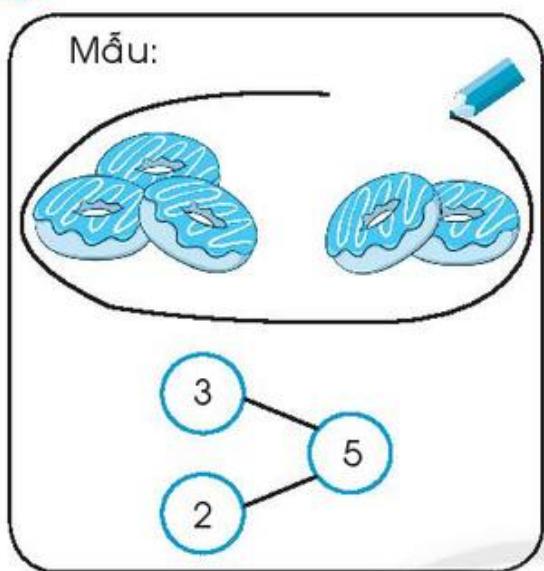
4 Viết số rồi nói theo mẫu câu.



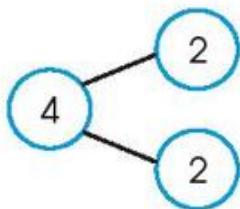
Có
và
Có tất cả

Có tất cả
gồm
và

5 Làm theo mẫu.



6 Vẽ hình phù hợp.





BẰNG NHAU, NHIỀU HƠN, ÍT HƠN

1 Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn?

a)



b)

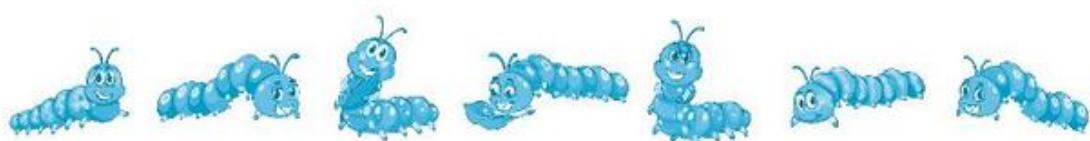


c)

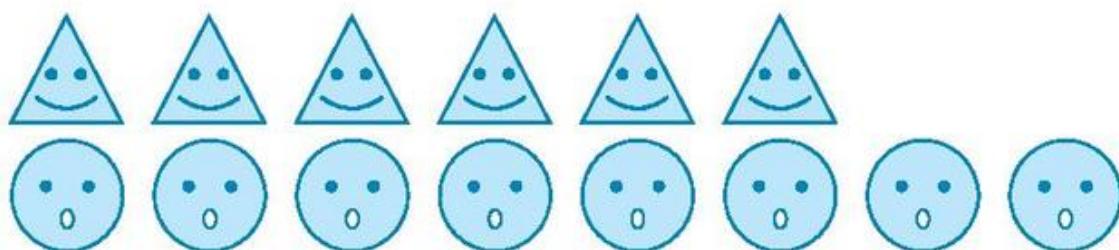


2 Làm cho bằng nhau bằng cách:

a) Gạch bớt.



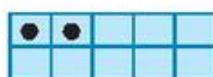
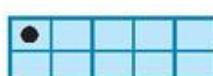
b) Vẽ thêm.





SO SÁNH CÁC SỐ: BẰNG, LỚN HƠN, BÉ HƠN

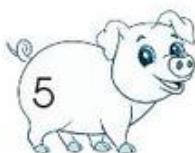
1 Số?



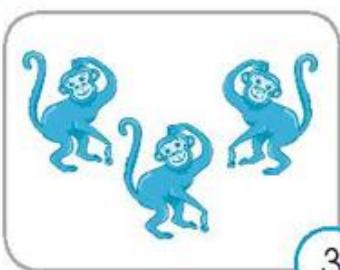
2 Số?



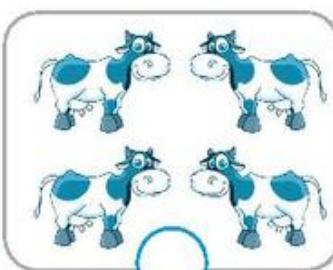
3 Đánh dấu (✓) vào số lớn hơn.



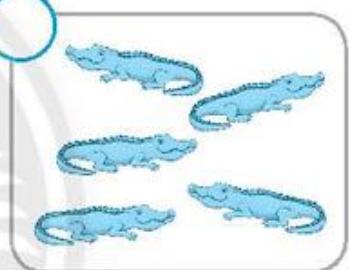
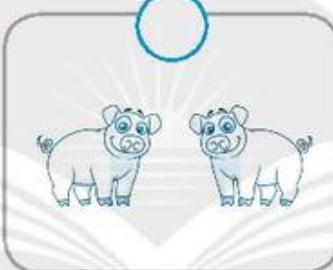
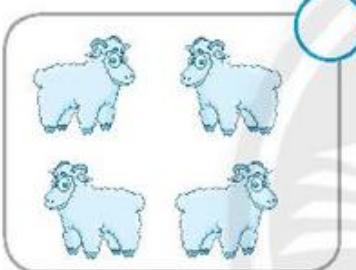
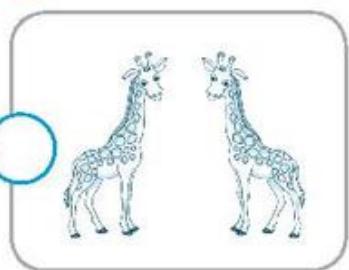
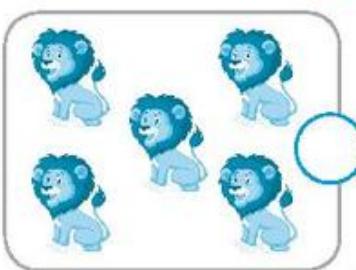
4 Điền số rồi làm theo mẫu.



3

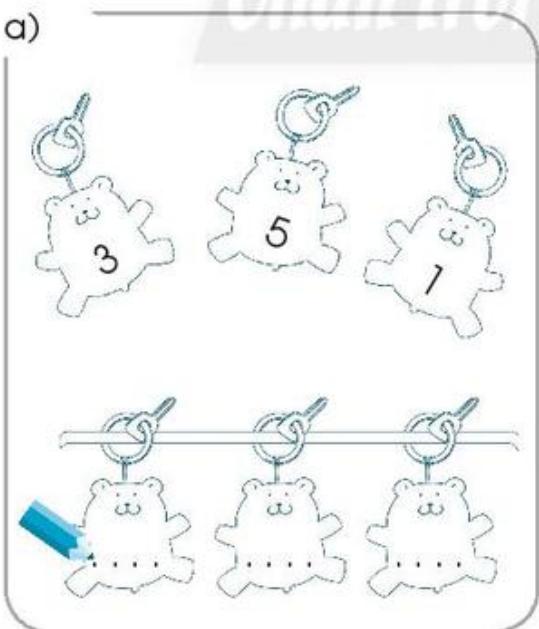


3

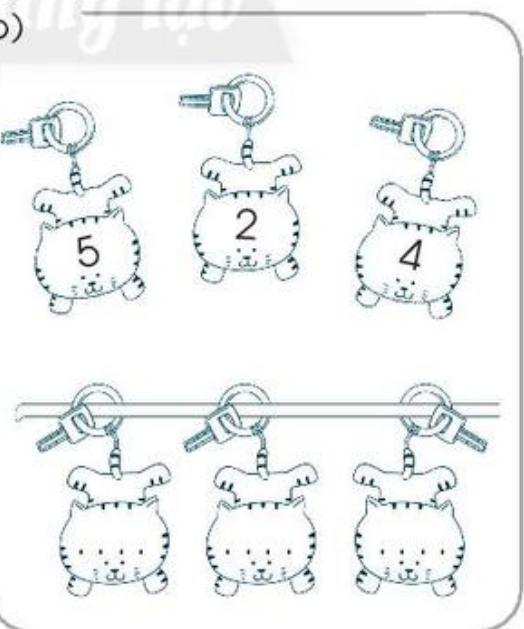


5 Viết các số theo thứ tự từ bé đến lớn.

a)



b)





CÁC DẤU $=$, $>$, $<$

Tớ là
dấu bé hơn.



Tớ là
dấu lớn hơn.



$=$

$>$

$<$

- 2 Viết 3 và 5 vào ô trống.

<

>

<

>

>

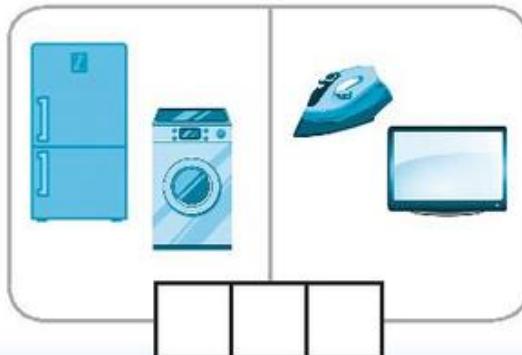
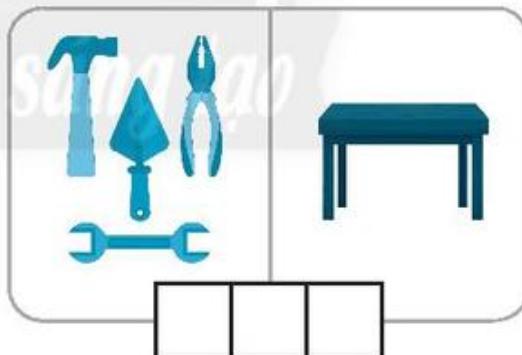
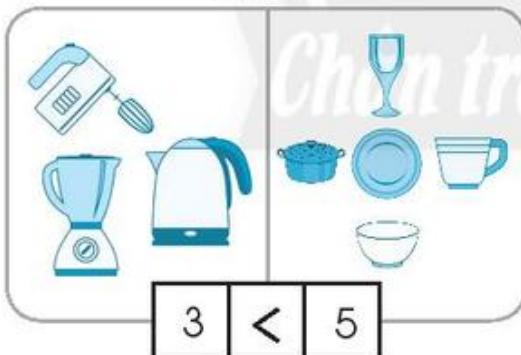
<

<

<

- 3 Đếm, viết rồi so sánh số.

Mẫu:



4

>	1	3
-------------	---	---

=	4	4
----------	---	---

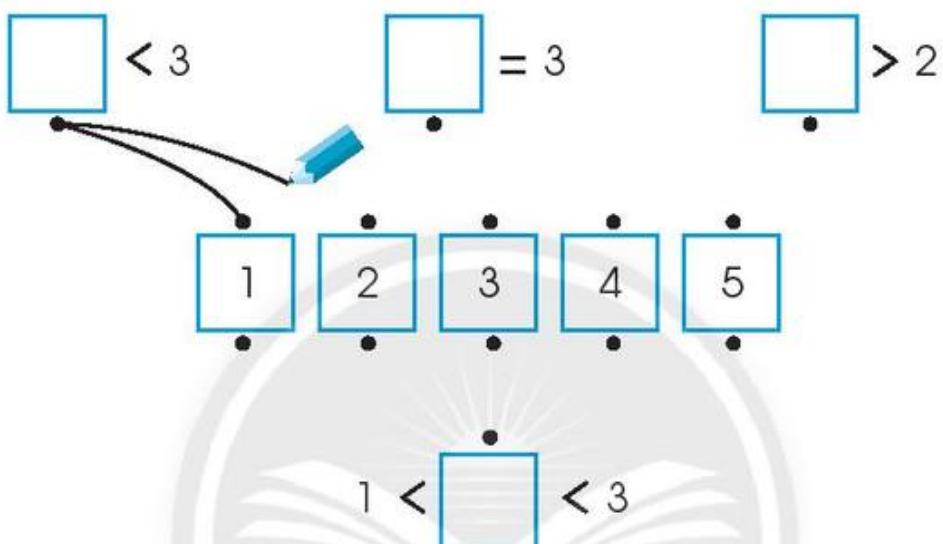
<	2	4
-------------	---	---

5	4	4
---	---	---

4	5	5
---	---	---

5	5	5
---	---	---

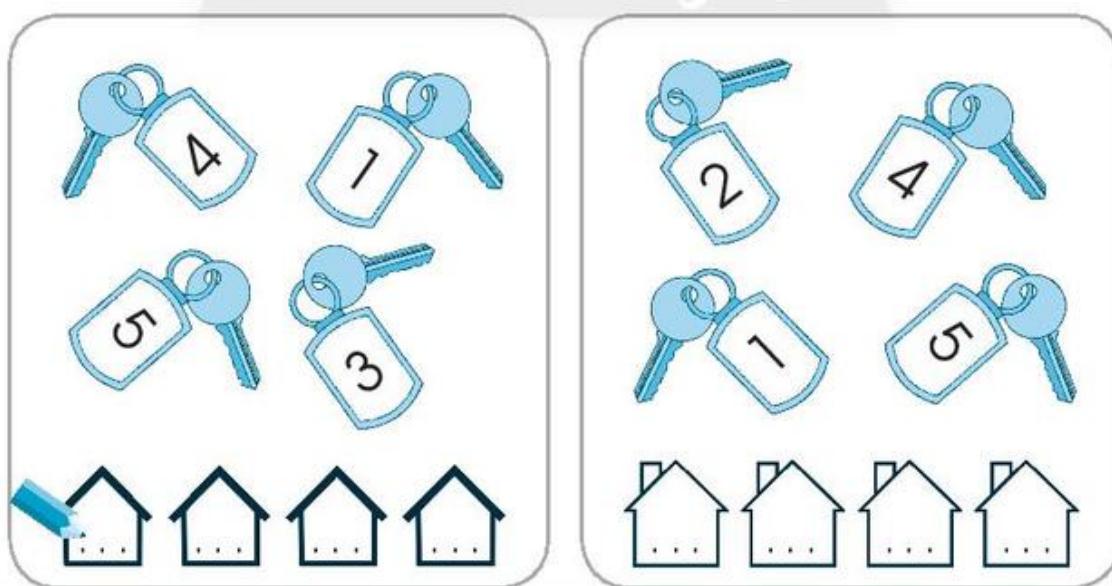
5 Nối.



6 Viết các số theo thứ tự:

a) Từ bé đến lớn.

b) Từ lớn đến bé.



7 Viết số rồi đánh dấu (\checkmark) vào số lớn nhất.



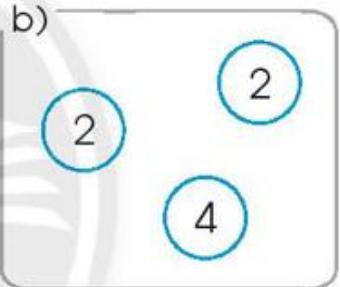
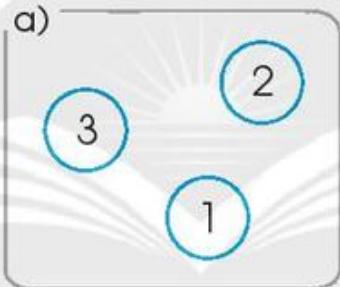
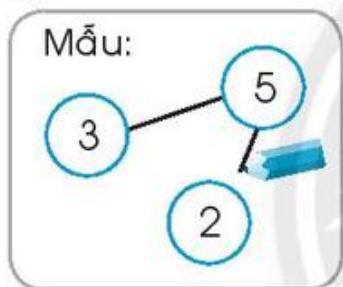
8 a) Khoanh vào số lớn nhất:

1	4	3
---	---	---

b) Khoanh vào số bé nhất:

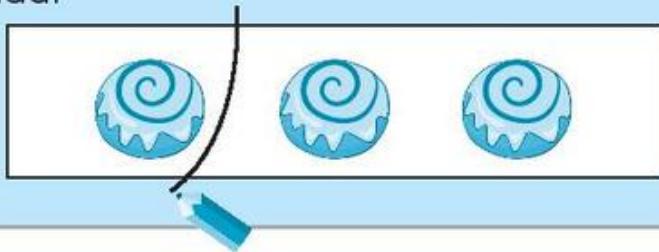
4	5	2
---	---	---

9 Nối để tạo thành sơ đồ tách - gộp số.

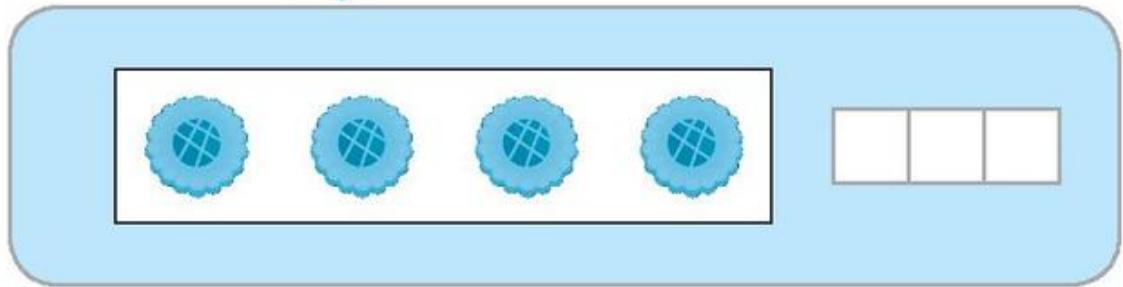


10 Tách, viết số rồi so sánh.

Mẫu:



1	<	2
---	---	---



--	--	--



SỐ 6

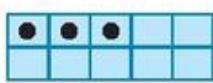


1 2 3 4 5 6

6

2 Nối.

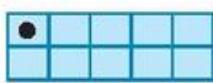
1



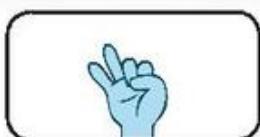
2



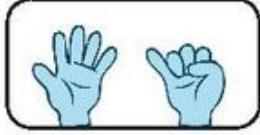
3



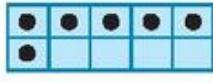
4



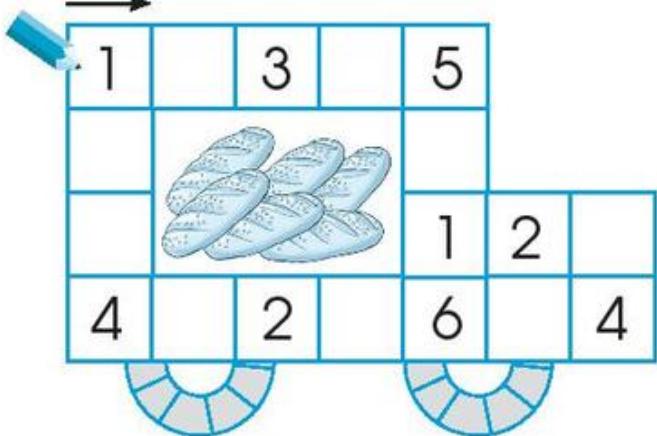
5



6



3 a) Số?



b) Tô cùng màu các cặp số 5 và 1, 4 và 2.

4



$$1 \square 2$$

$$3 \square 5$$

$$6 \square 5$$

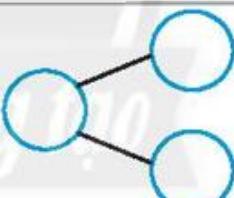
$$2 \square 1$$

$$5 \square 3$$

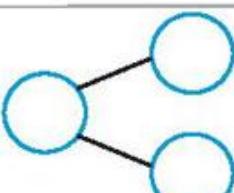
$$5 \square 6$$

5 Số?

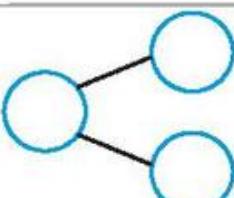
a)



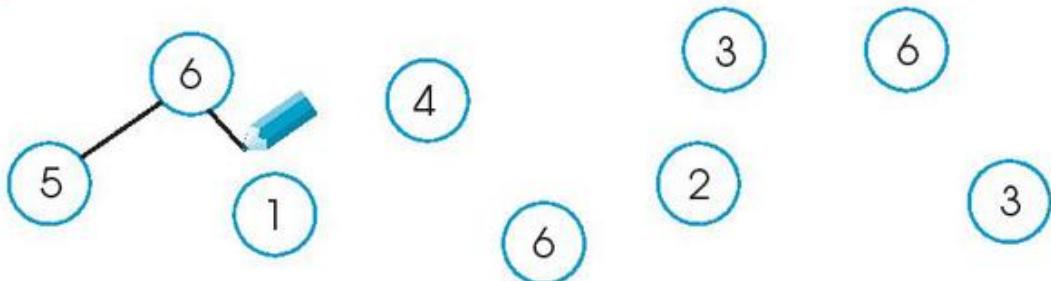
b)



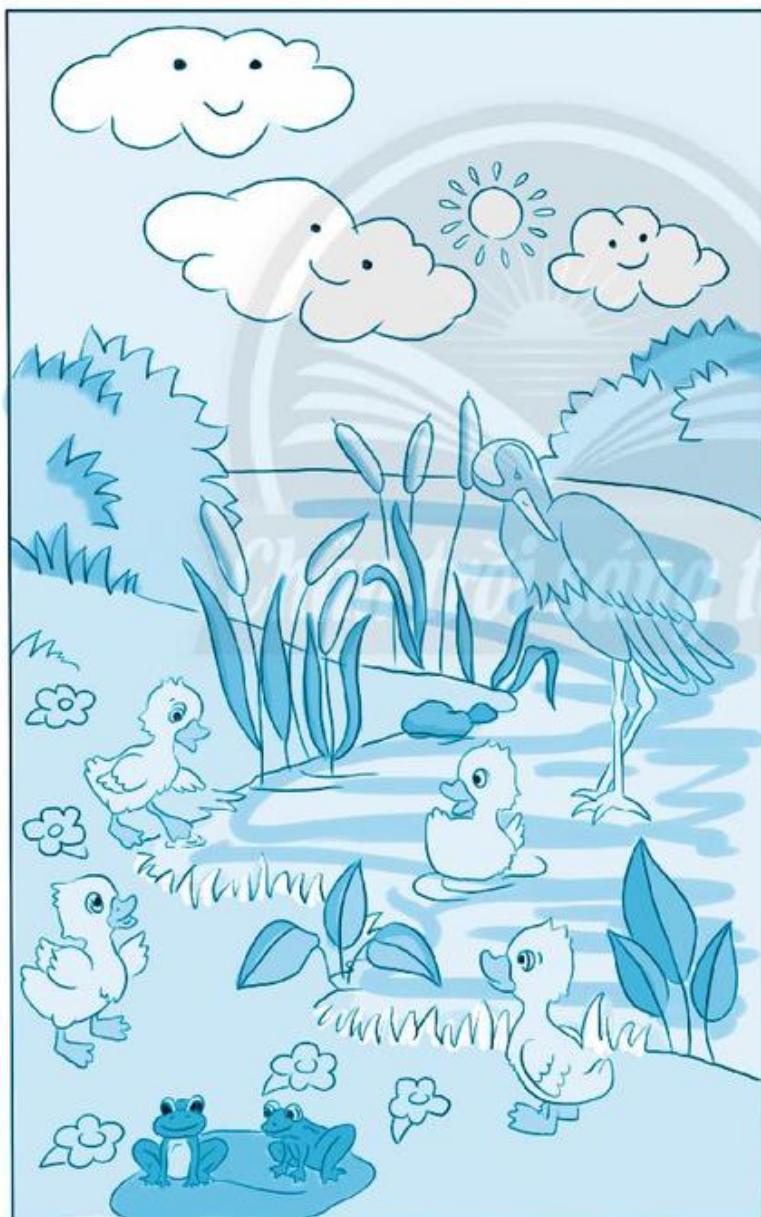
c)



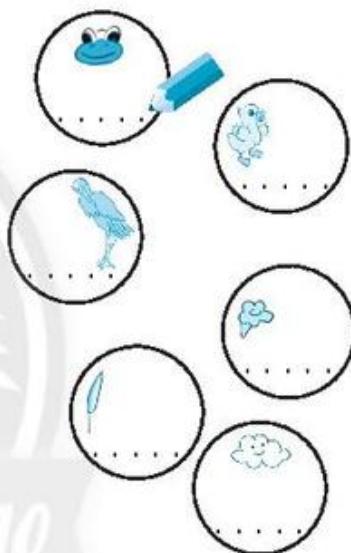
6 Nối để có sơ đồ tách – gộp số.



7



a) Số?



b) Nói theo tranh.

Có ... con vịt
và ... con ếch.
Có tất cả ... con
vịt và ếch.

Có tất cả ... con
vịt và ếch
gồm ... con vịt
và ... con ếch.



SỐ 7

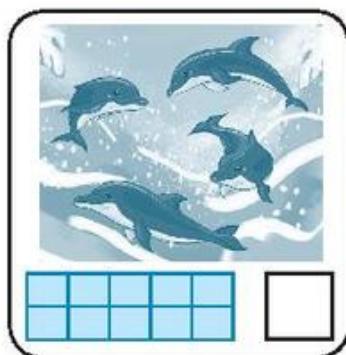
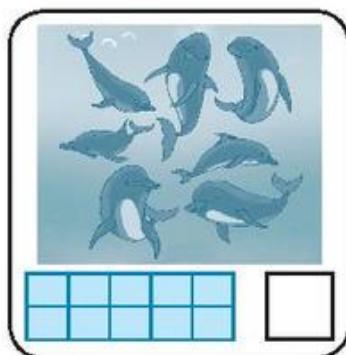
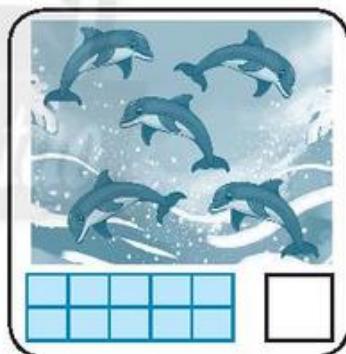
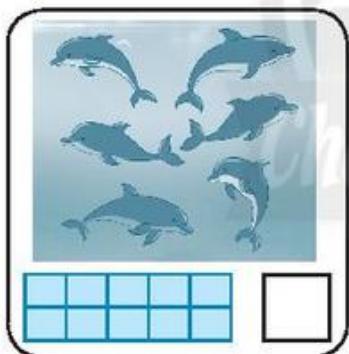
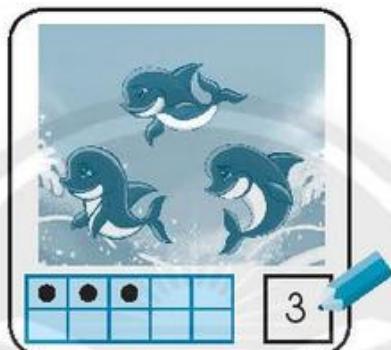


1 2 3 4 5 6 7

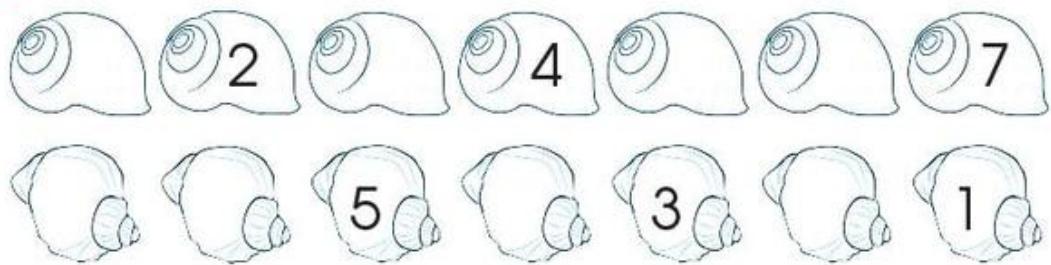
7

- 2 Làm theo mẫu.

Mẫu:

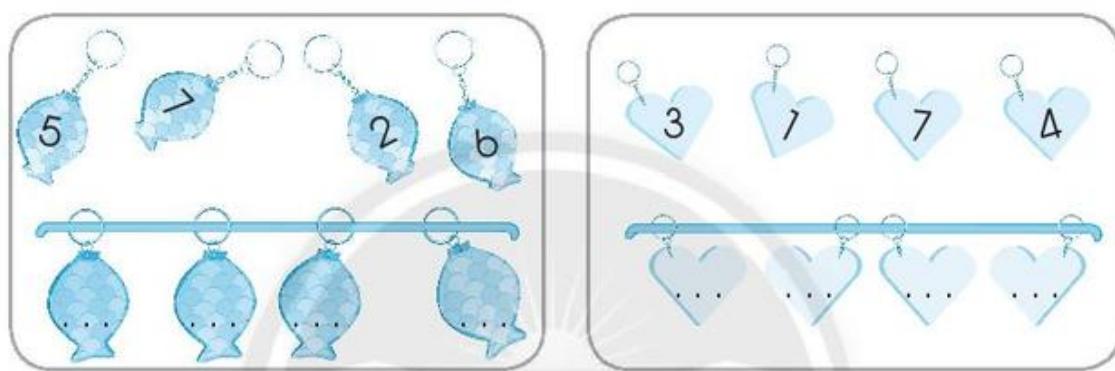


3 Số?

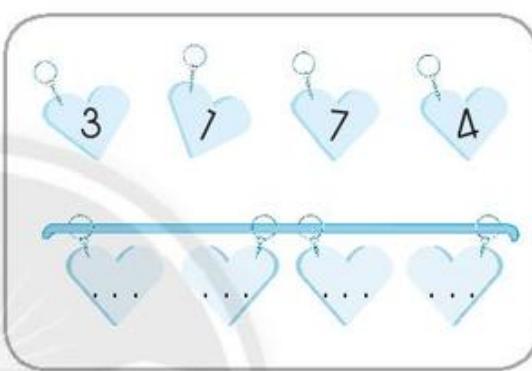


4 Viết các số theo thứ tự:

a) Từ bé đến lớn.

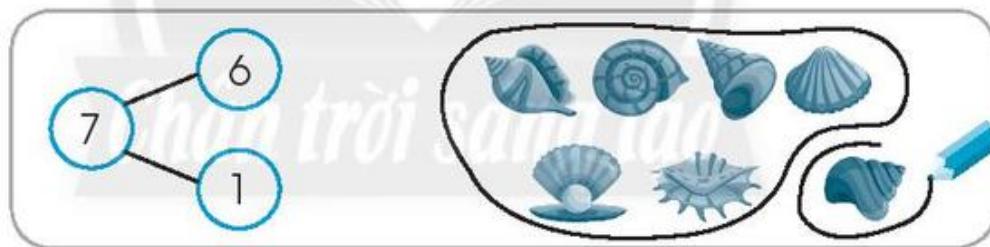


b) Từ lớn đến bé.



5 Làm theo mẫu.

Mẫu:



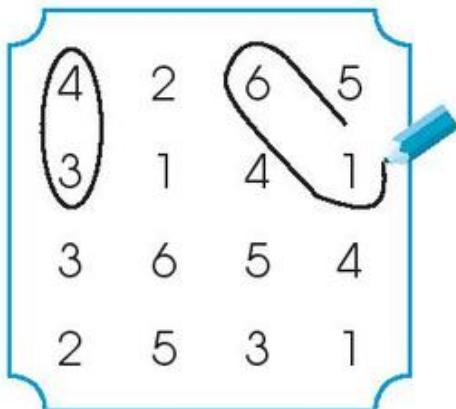
a)



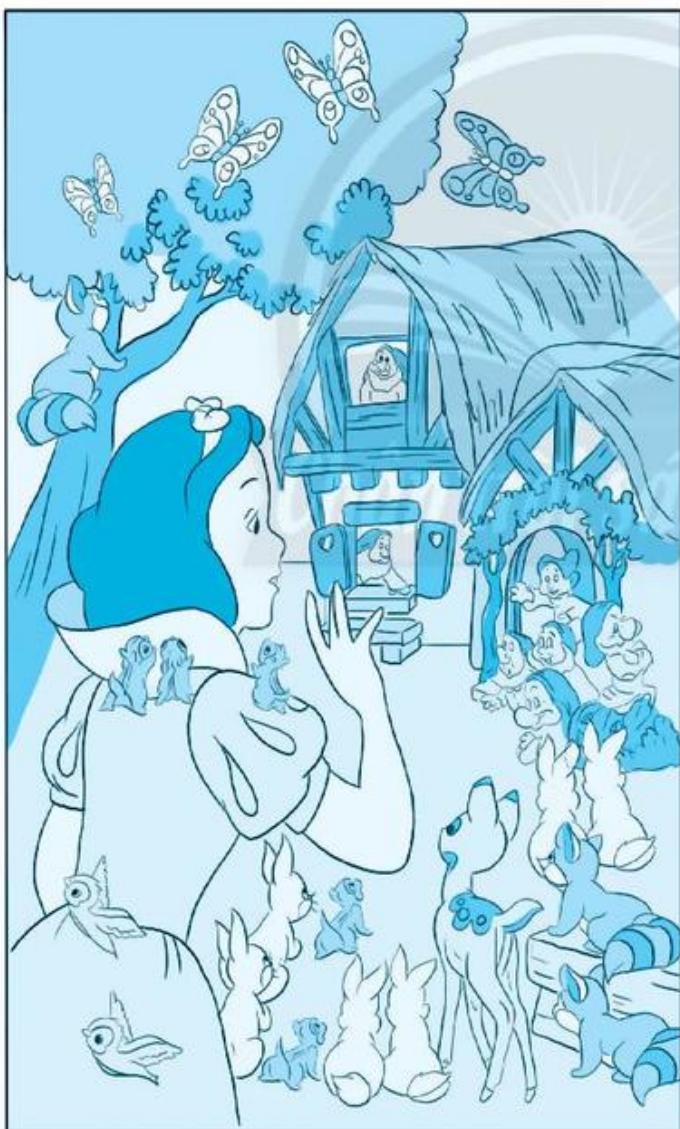
b)



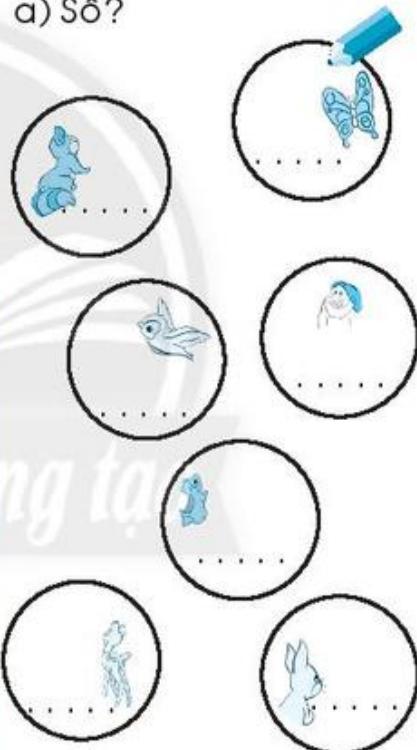
6 Khoanh các nhóm hai số tạo thành 7.



7



a) Số?



b) Nói theo tranh.

Có 3 con bướm,
thêm 1 con bướm.
Có tất cả 4 con bướm.



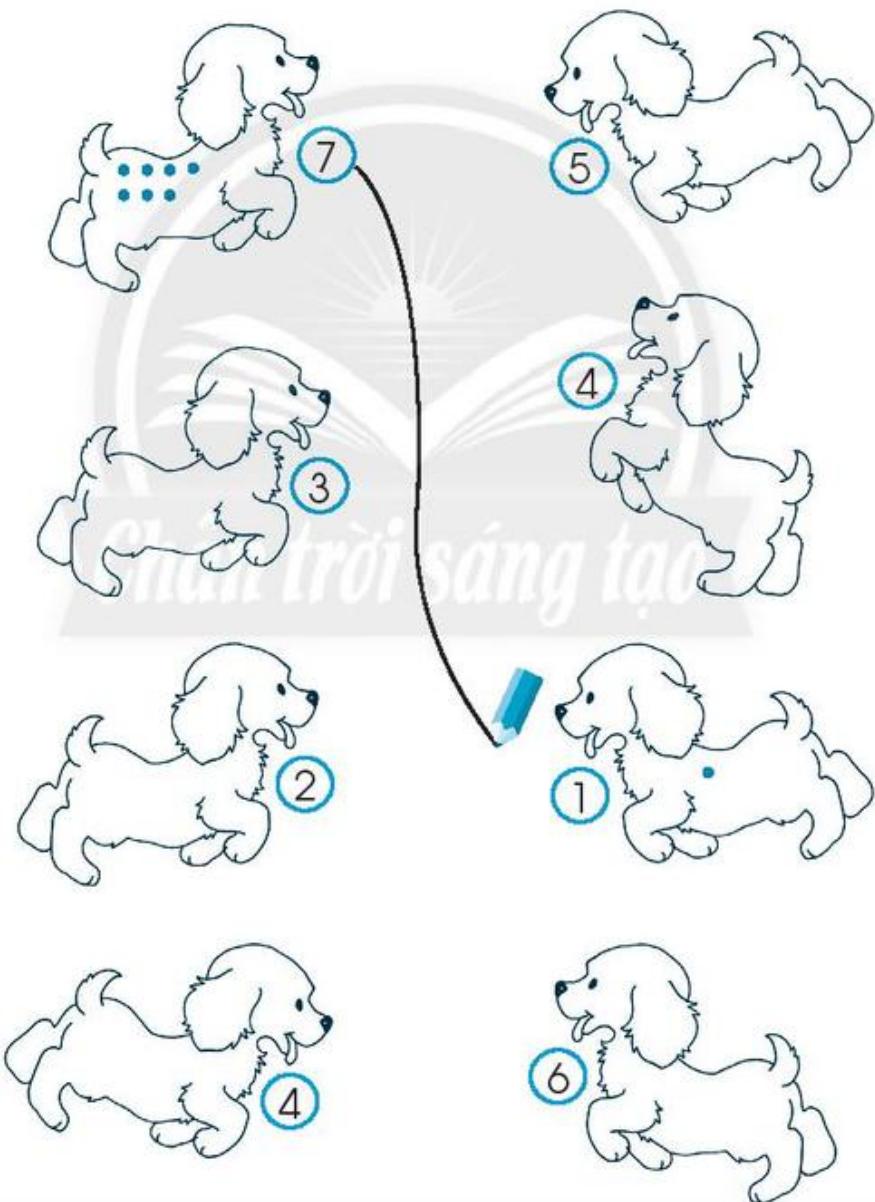
SỐ 8



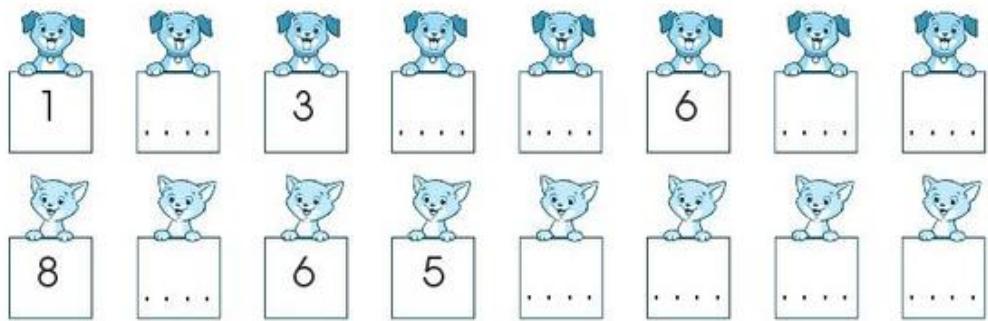
8

1 2 3 4 5 6 7 8

- 2 Vẽ đủ số chấm tròn rồi nối hai số tạo thành 8.



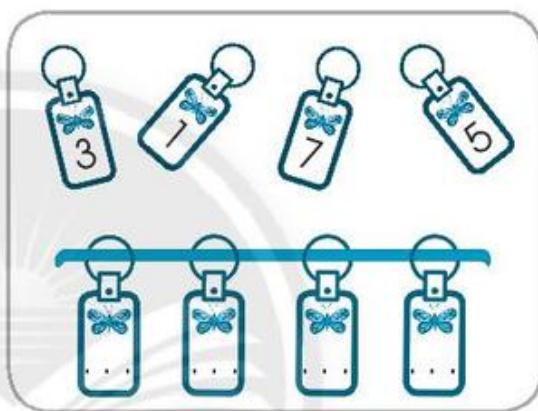
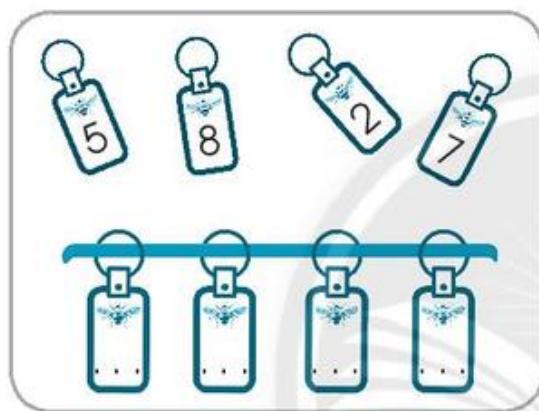
3 Số?



4 Viết các số theo thứ tự:

a) Từ bé đến lớn.

b) Từ lớn đến bé.



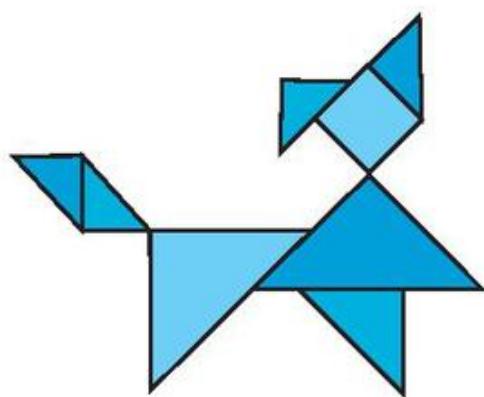
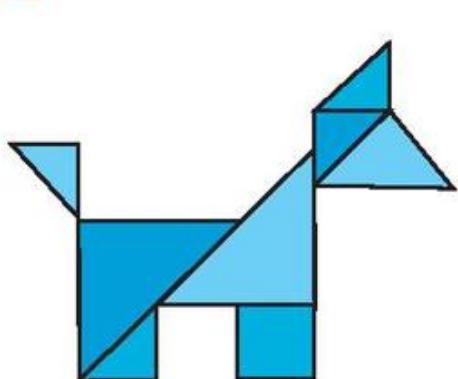
5 a) Khoanh vào số lớn nhất:

6 8 3

b) Khoanh vào số bé nhất:

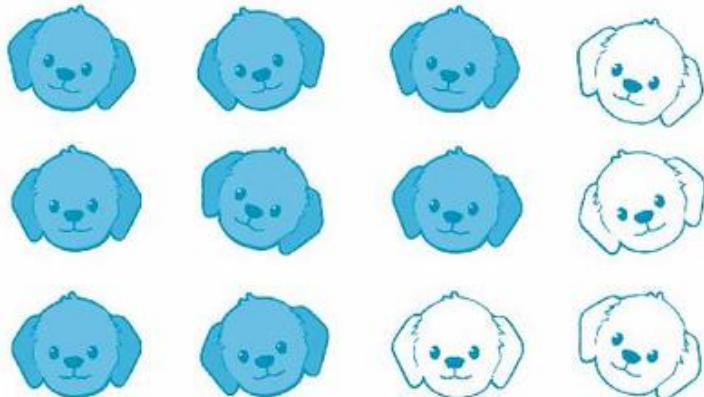
4 7 1

6 Xếp hình.

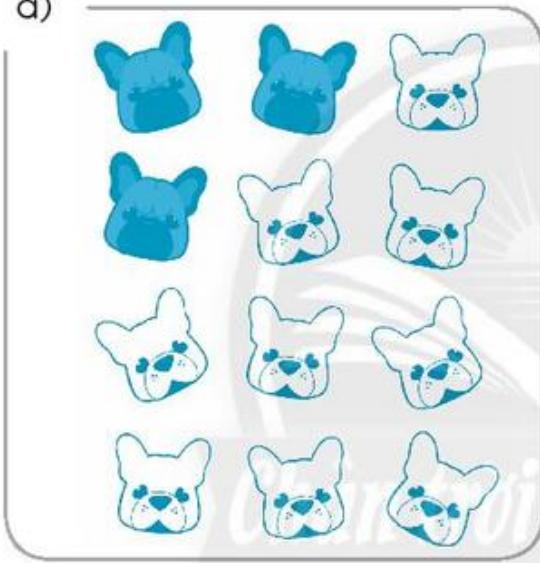


7 Tô màu tiếp để đủ 8.

Mẫu:



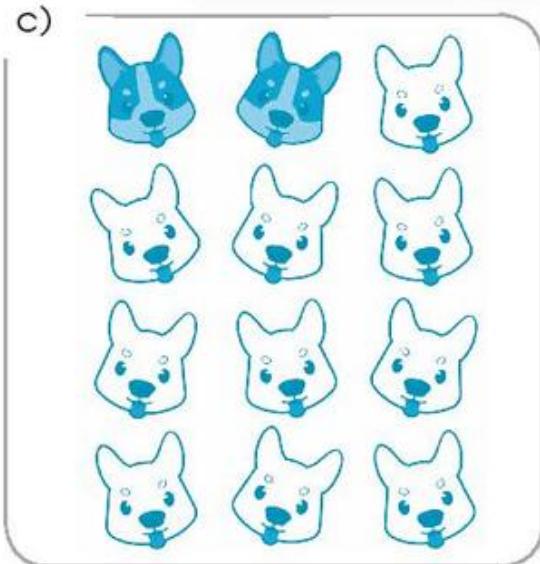
a)



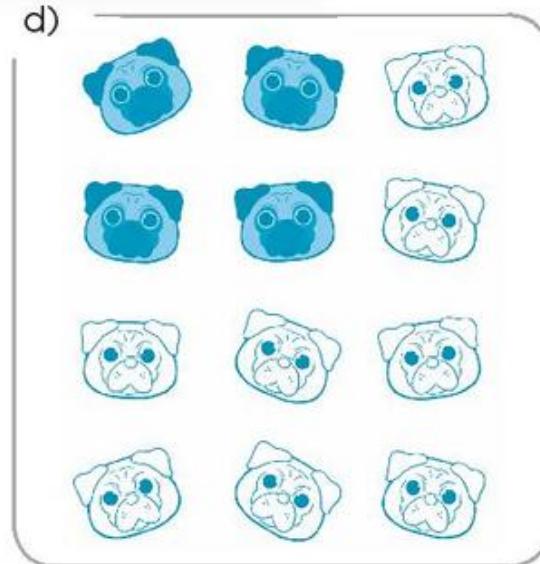
b)



c)



d)





SỐ 9

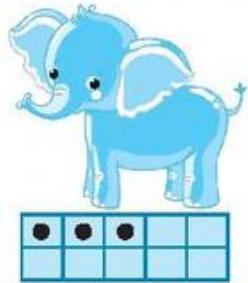
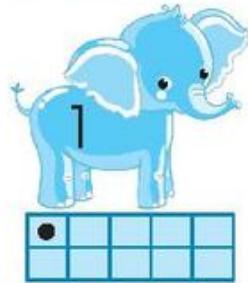
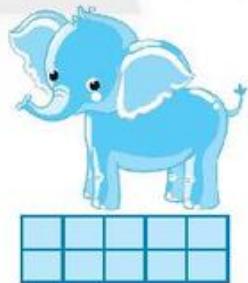
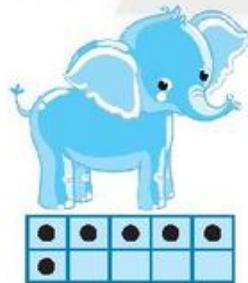
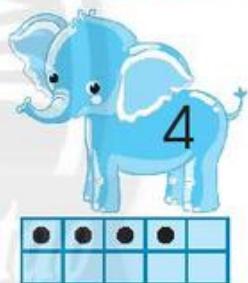
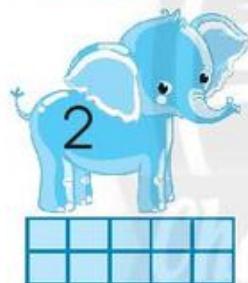
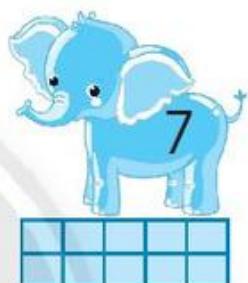
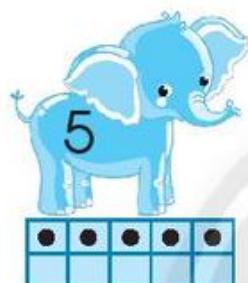
1



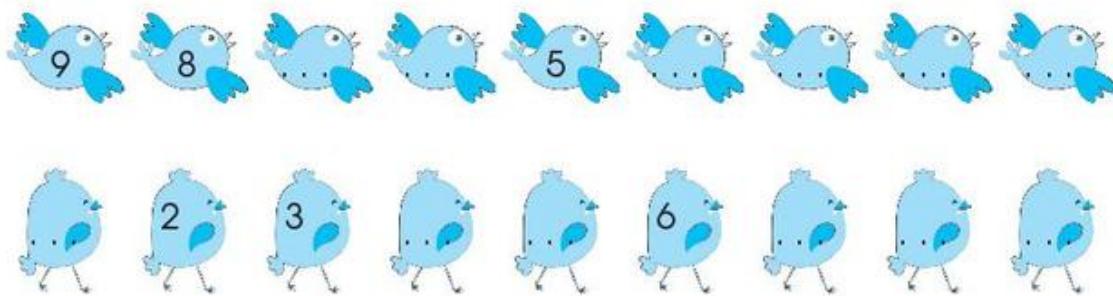
9

1 2 3 4 5 6 7 8 9

2 Vẽ thêm chấm tròn hoặc viết số phù hợp, rồi nối hai con voi tạo thành 9 (theo mẫu).



3 Số?



4 Đúng ghi **d**, sai ghi **s**.

Các số sau được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn.

a) 2, 5, 6, 9

b) 1, 4, 9, 7

c) 9, 8, 3, 2

d) 3, 6, 7, 9

5



7 ... 2

5 ... 8

8 ... 9

?

6 ... 9

4 ... 1

9 ... 9

6 Nối để tạo thành sơ đồ tách - gộp số.

a)

9

3

6

8

b)

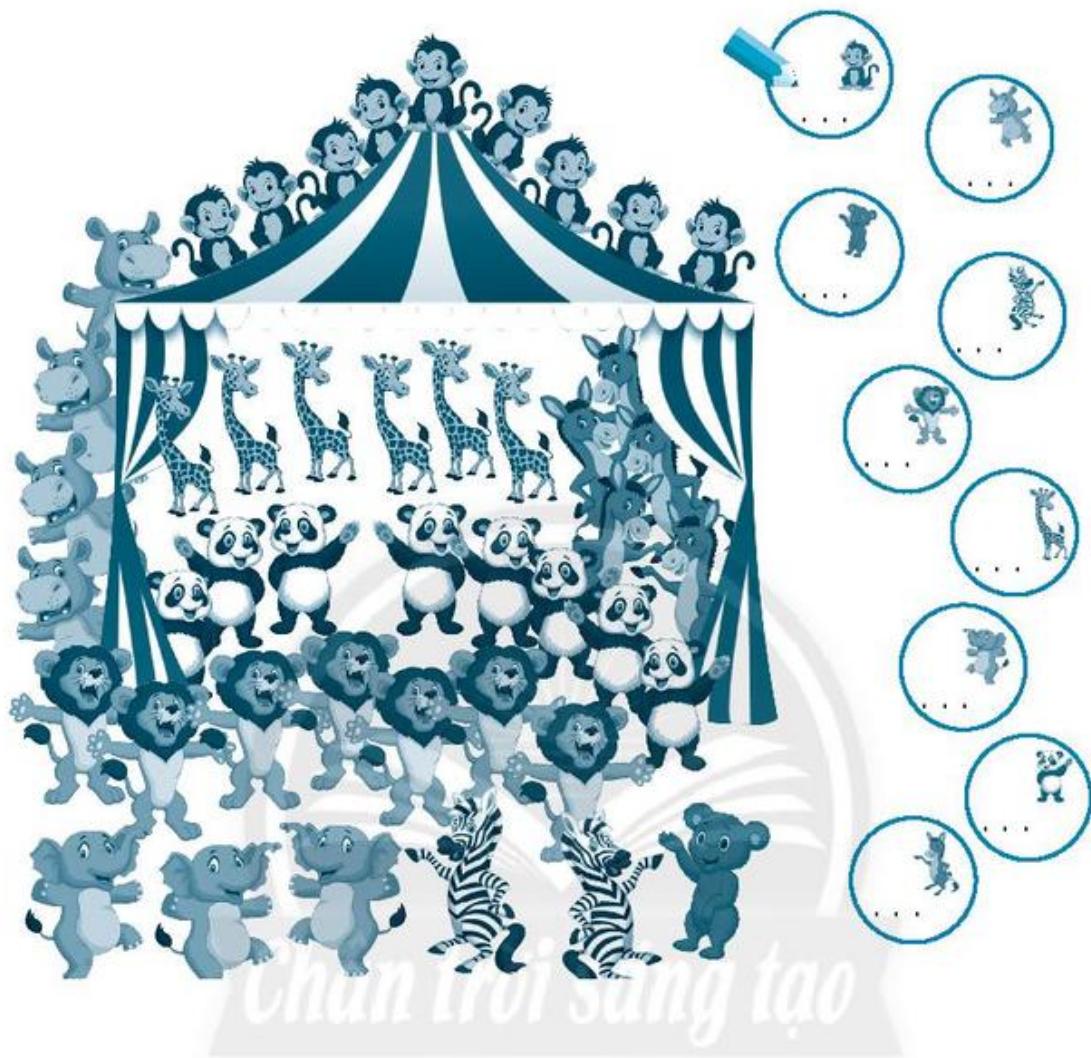
6

8

1

9

7 Số?



Vui học

Em có biết các con vật này?





số 0

1



0					
---	--	--	--	--	--

0	1	2	3	4	5

2 Số?



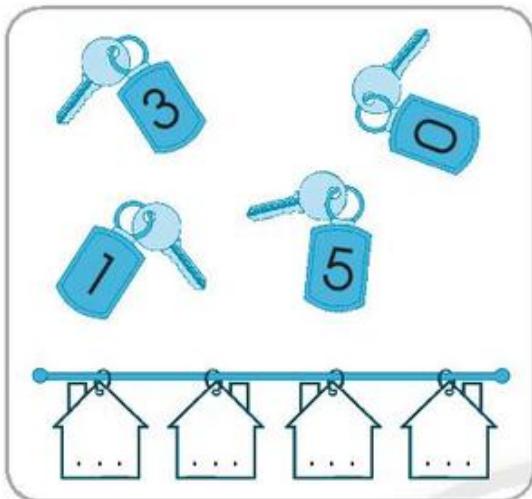
3 Số?

9	...	7	6	1	...
---	-----	---	---	-----	-----	-----	-----	---	-----

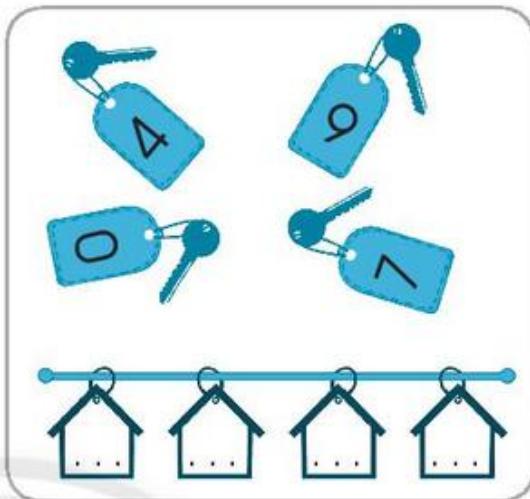
...	...	2	3	4
-----	-----	---	---	---	-----	-----	-----	-----	-----

4 Viết các số theo thứ tự:

a) Từ bé đến lớn.



b) Từ lớn đến bé.



5 Số?

Mẫu:



a)



b)





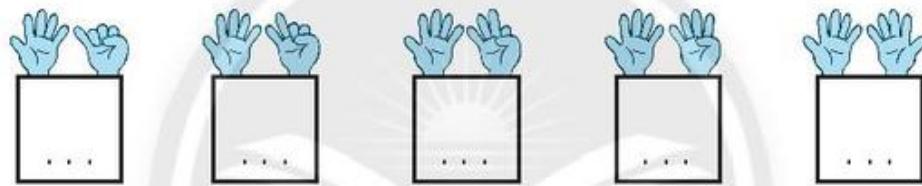
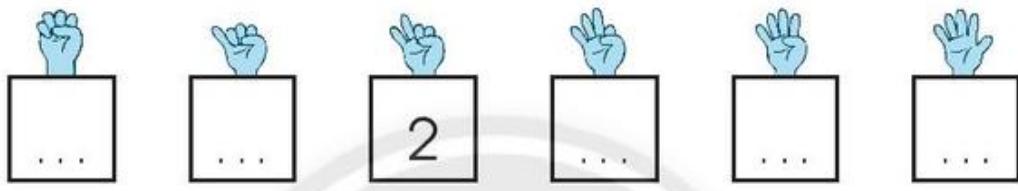
số 10



0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

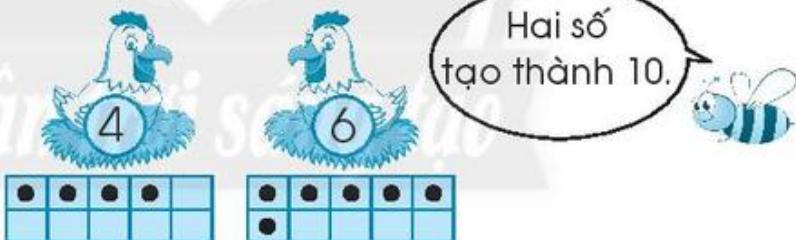
10

2 Số?

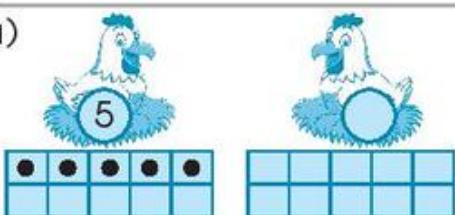


3 Làm theo mẫu.

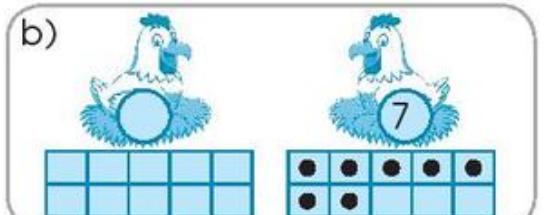
Mẫu:



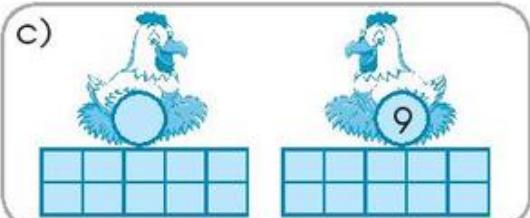
a)



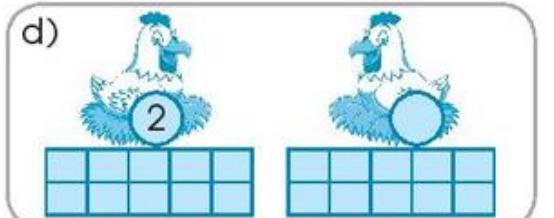
b)



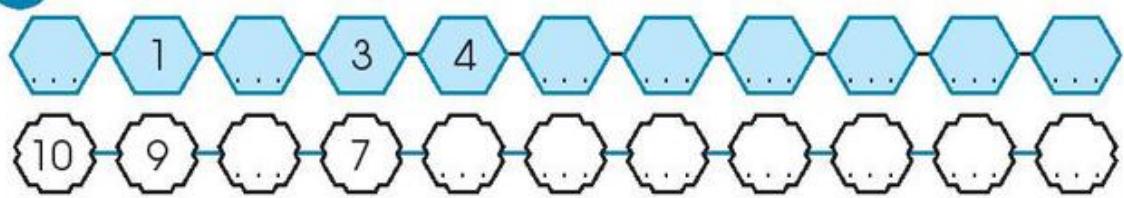
c)



d)



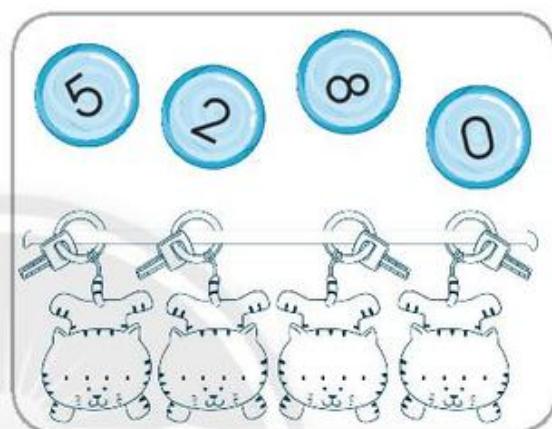
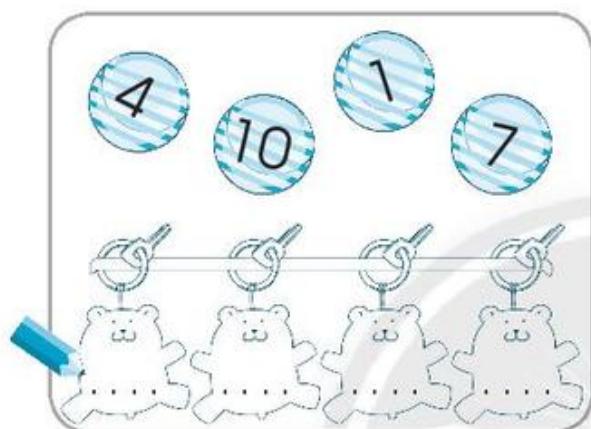
4 Số?



5 Viết các số theo thứ tự:

a) Từ bé đến lớn.

b) Từ lớn đến bé.



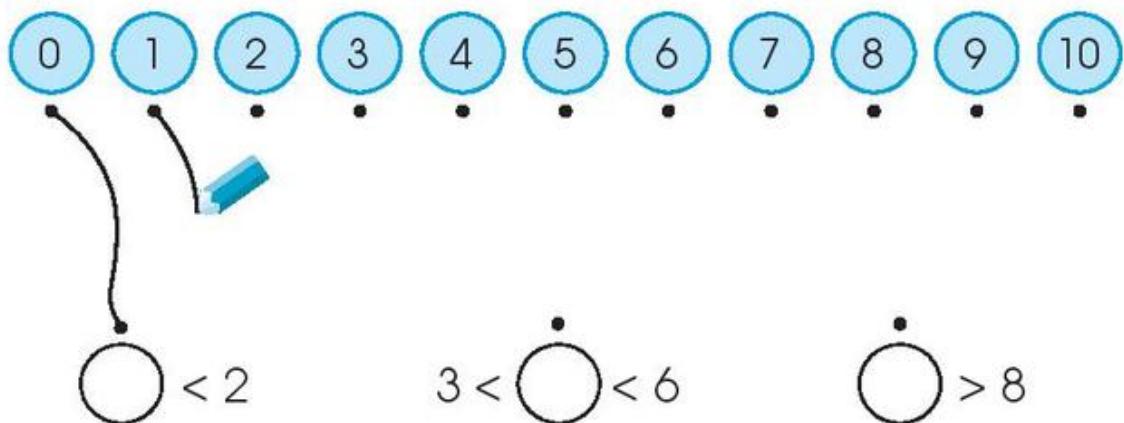
6 Đánh dấu (✓) vào:

a) Số lớn nhất.

b) Số bé nhất.



7 Nối theo mẫu.

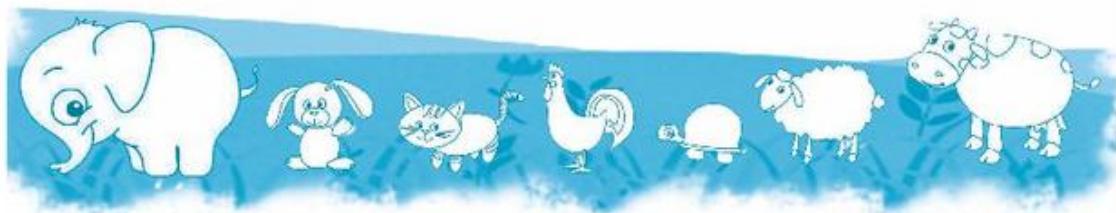


8 Từ trái sang phải, đánh dấu (✓) vào con vật:

• Thứ hai

• Thứ năm

• Cuối cùng



9 Số?

6	5	4	
1		3	

7		5	
1			

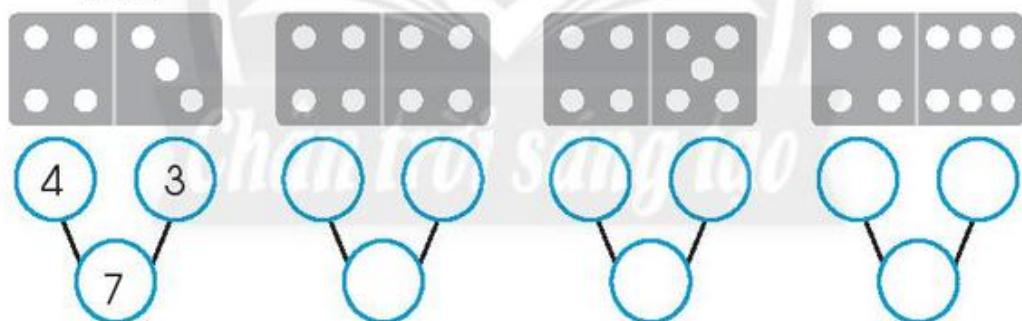
7	6		4
1		3	

8		6	
1	2		4

10	9	7	6	
	2			5

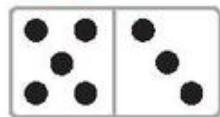
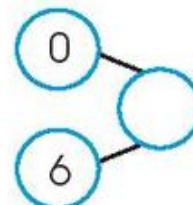
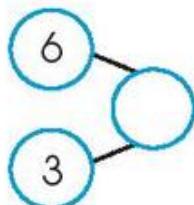
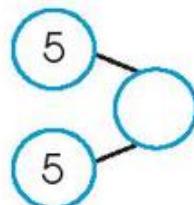
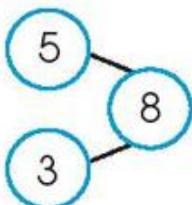
10 Số?

Mẫu:

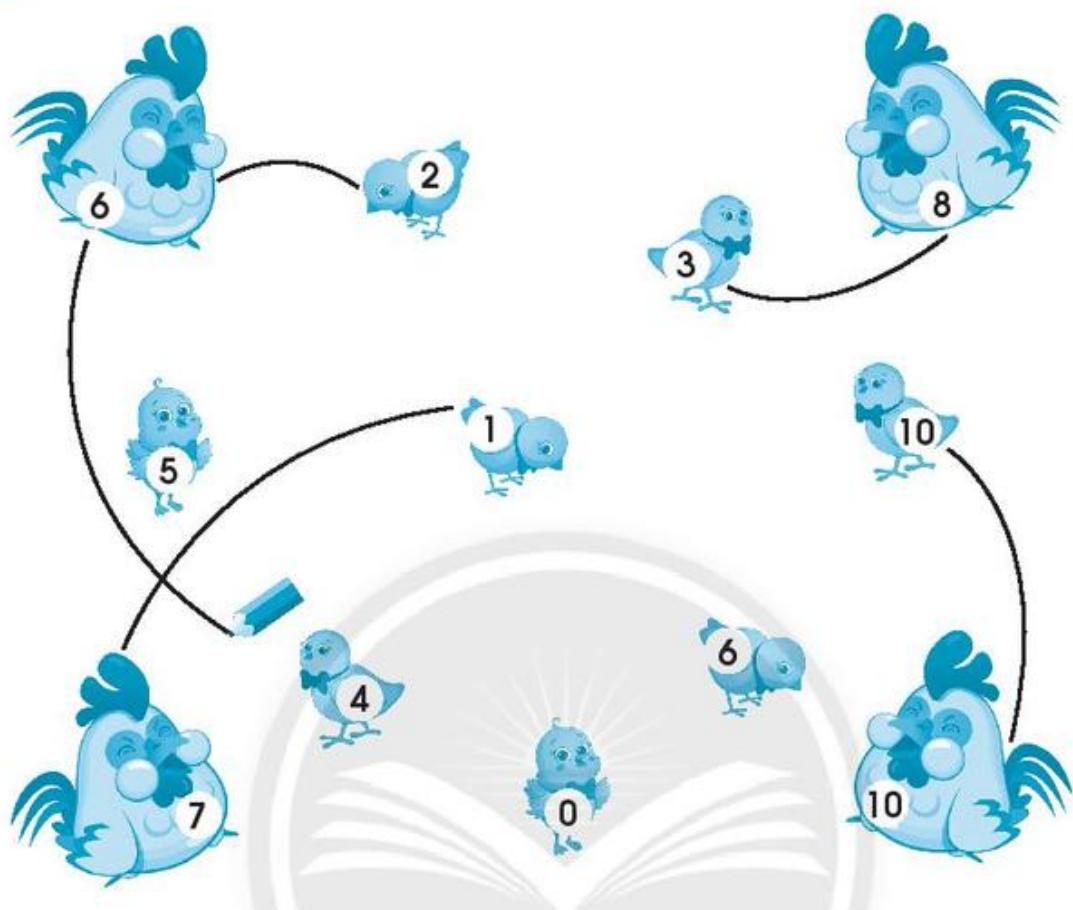


11 Làm theo mẫu.

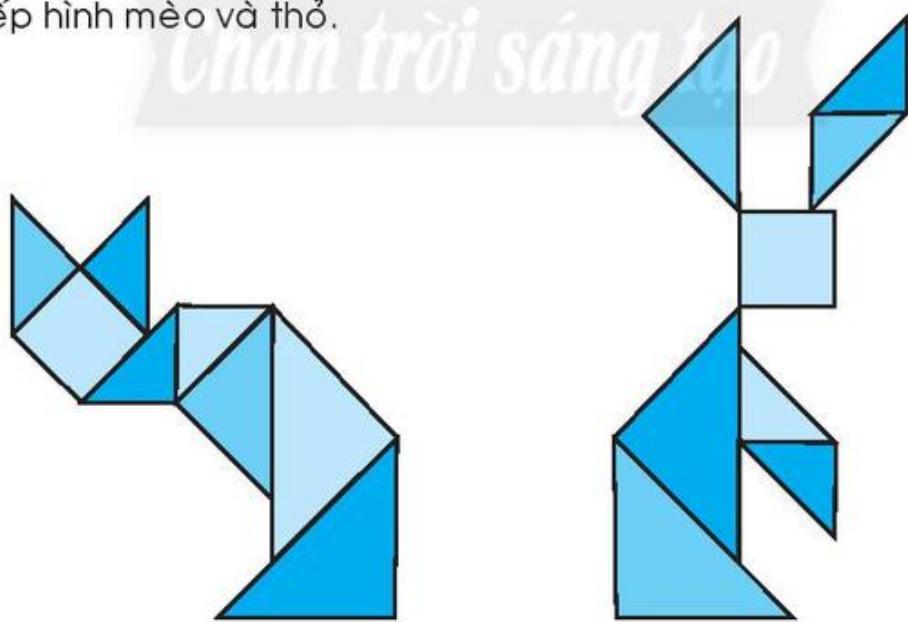
Mẫu:



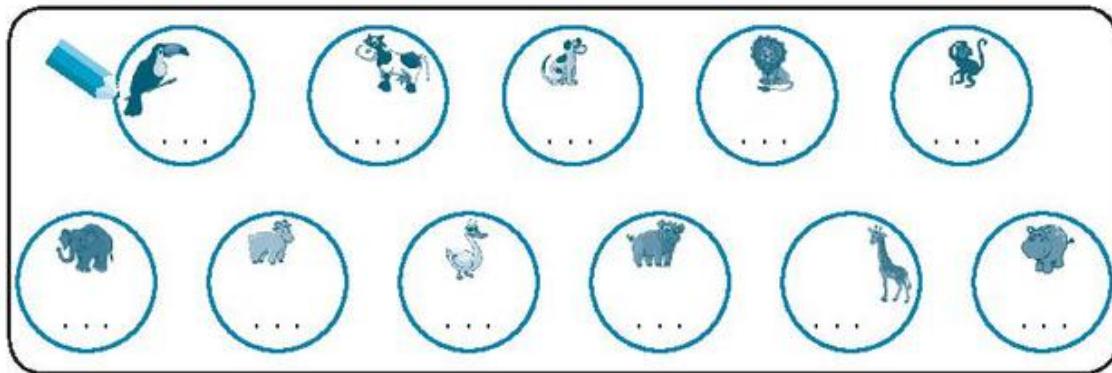
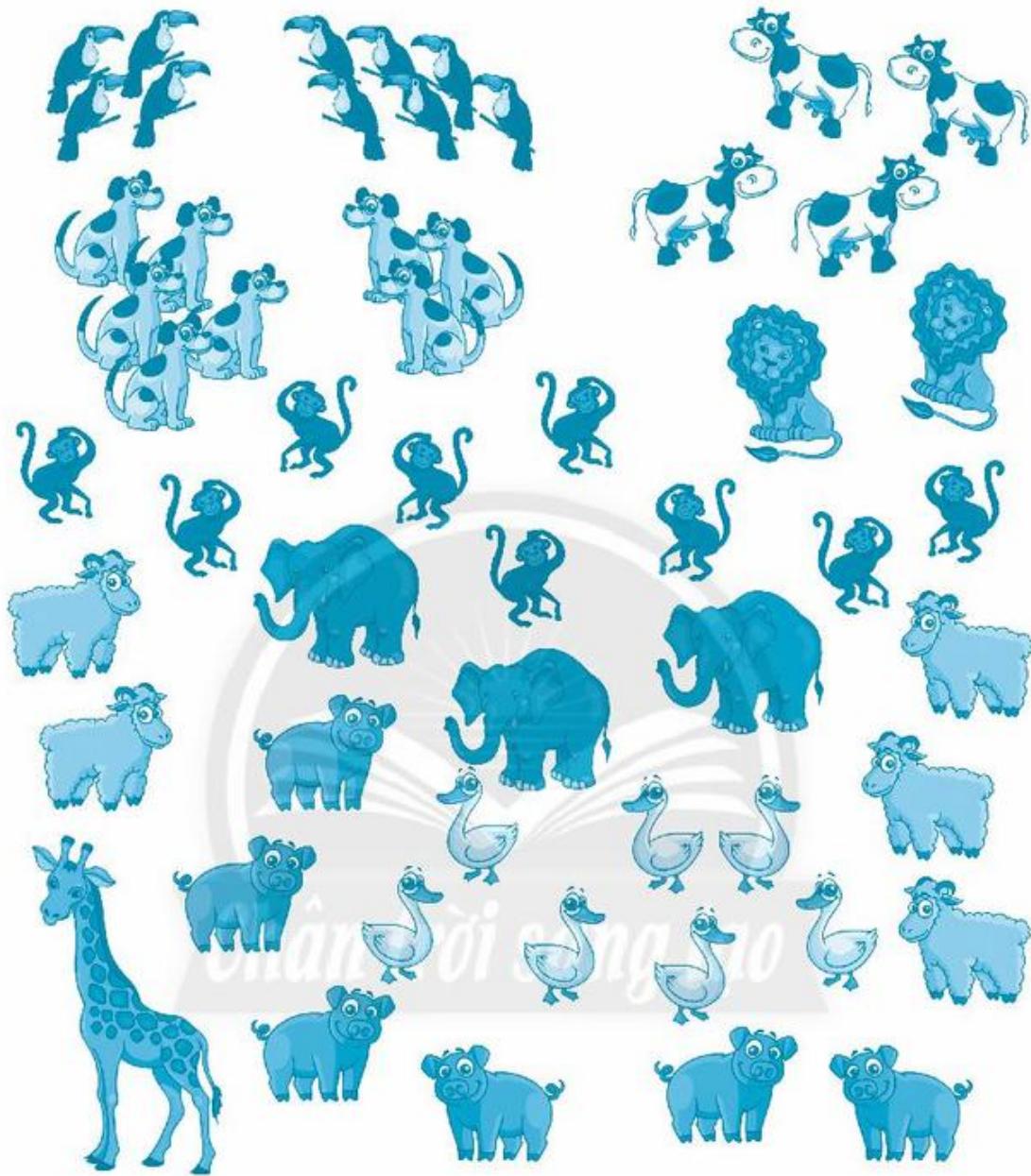
12 Tìm thêm 1 gà con cho mỗi gà mẹ (theo mầu).



13 Xếp hình mèo và thỏ.



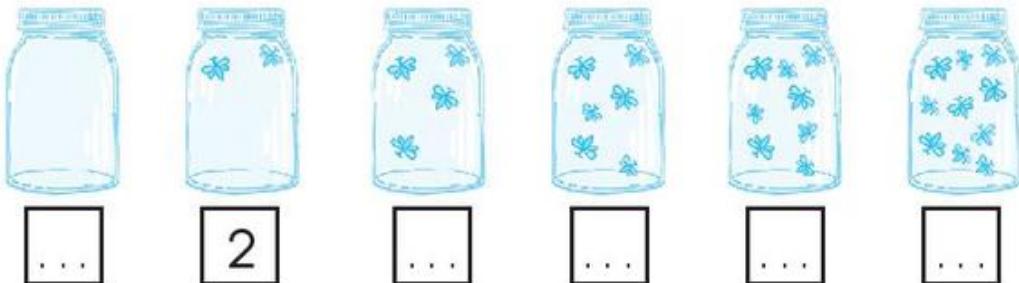
14 Đếm rồi viết số con mỗi loại.



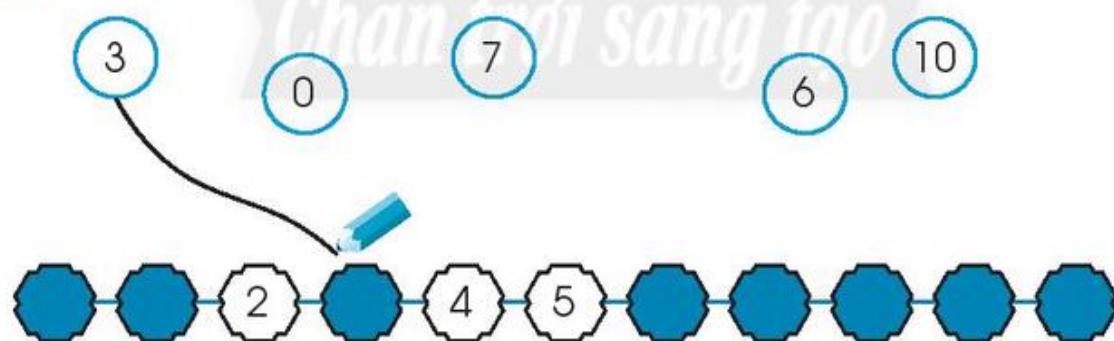


EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

- 1 Đếm số con đom đóm rồi viết số.



- 2 Nối (theo mẫu).



7 ... 10

8 ... 8

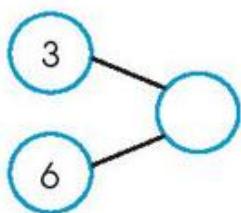
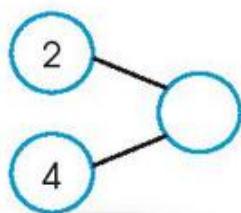
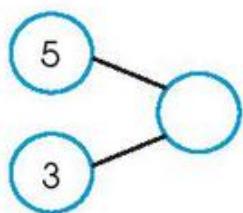
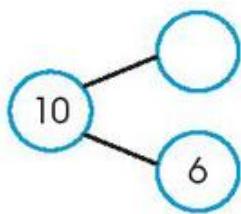
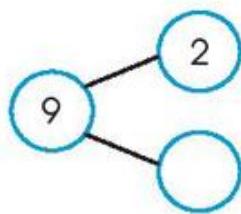
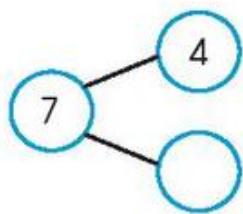
10 ... 6

3 ... 0

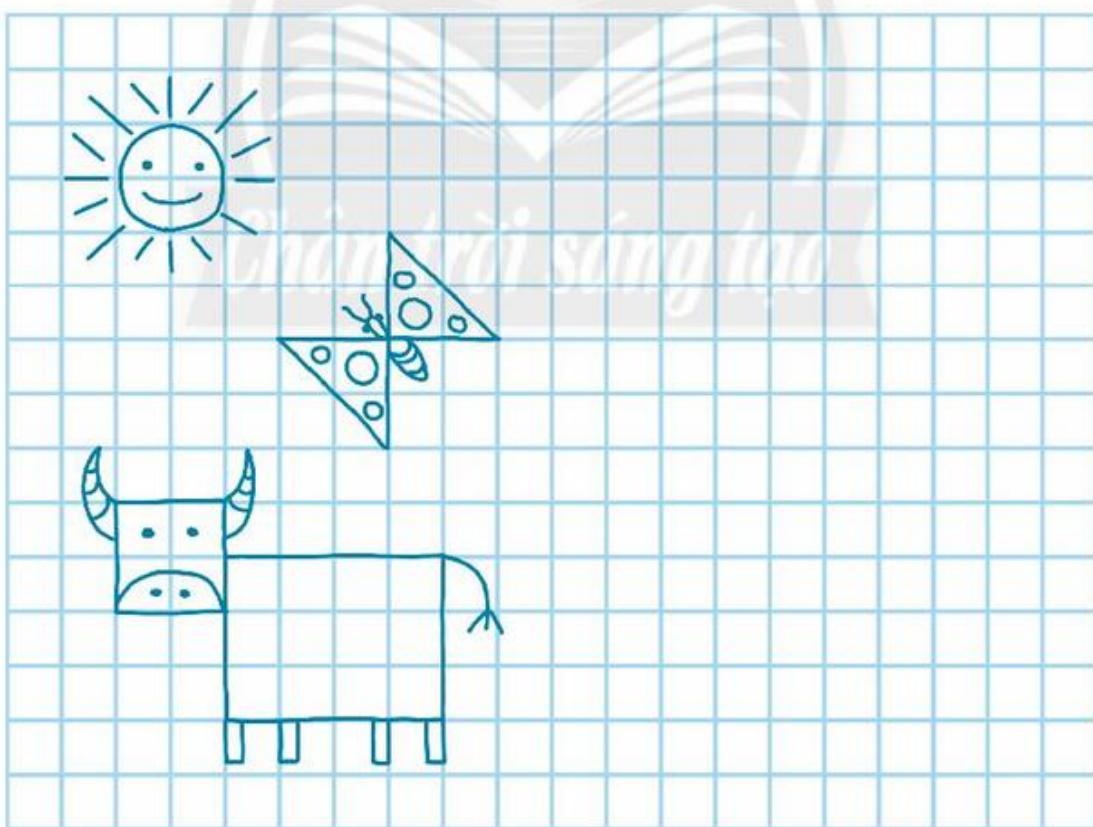
2 ... 9

5 ... 5

4 Số?



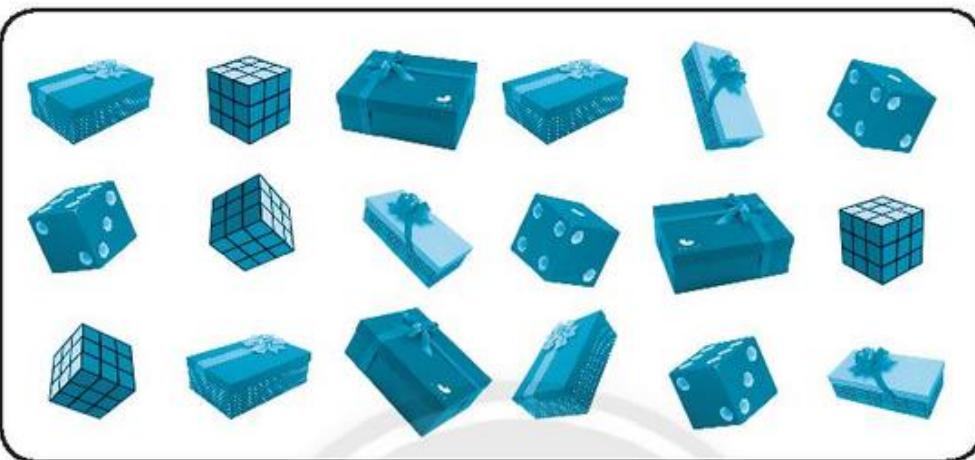
5 Vẽ theo mẫu.





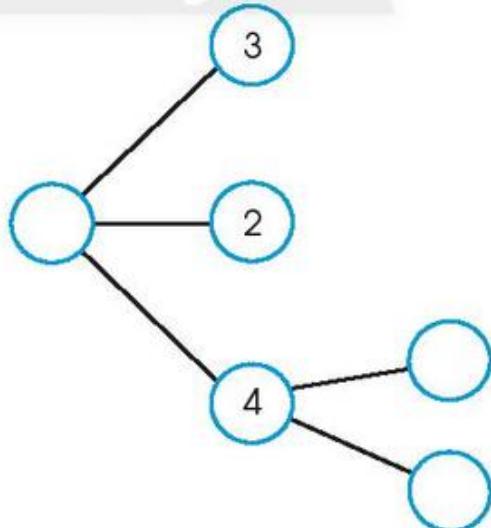
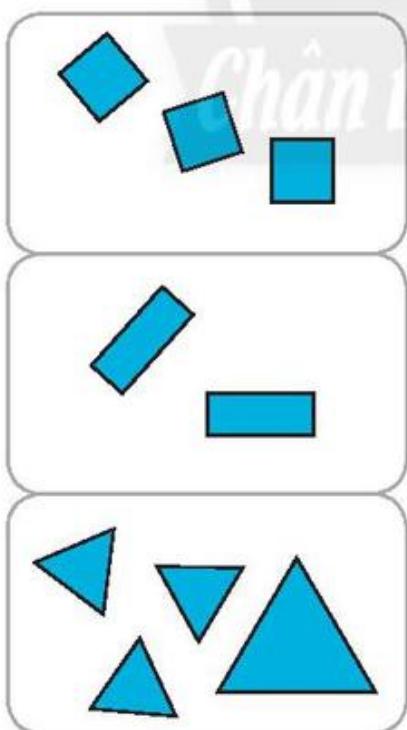
THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

- Đếm khối hộp chữ nhật, khối lập phương.



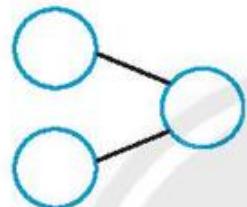
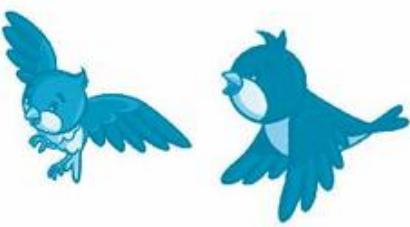
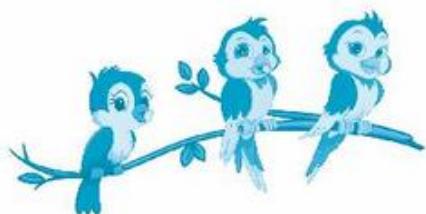
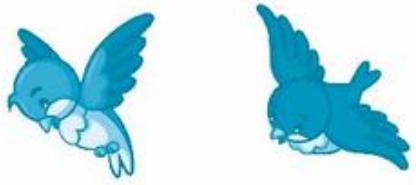
Có ... Có ...

- Số?



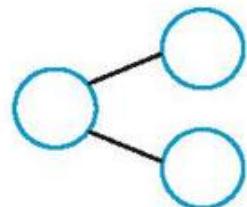
3 Viết số rồi nói theo mẫu câu.

a)



Có con chim
thêm con
Có tất cả con.

b)



Có tất cả con chim
bay đi con
Còn lại con.



KIỂM TRA

A. TRẮC NGHIỆM

I. Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

Câu 1. Viên gạch có dạng hình gì?

- A. Hình tam giác
- B. Hình tròn
- C. Hình vuông



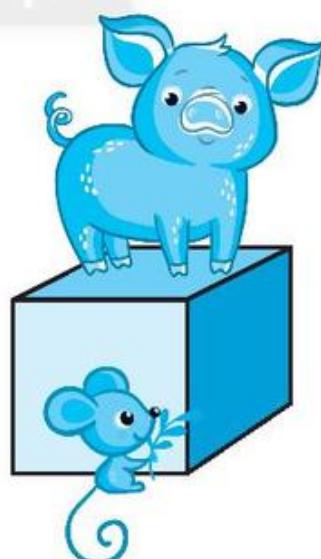
Câu 2. Trong ba số: 1, 10, 0, số bé nhất là:

- A. 1
- B. 10
- C. 0

II. Đúng ghi **d**, sai ghi **s**.

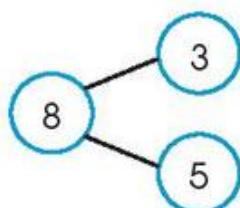
Câu 3.

- a) Con heo (con lợn)
ở trên khối lập phương.
- b) Khối lập phương
ở trên con heo.
- c) Khối lập phương
ở phía sau con chuột.

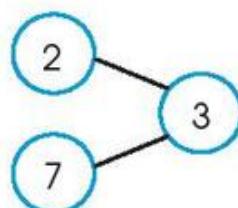


Câu 4.

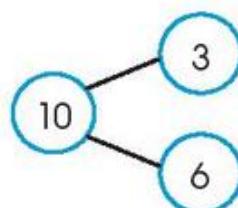
a)



b)

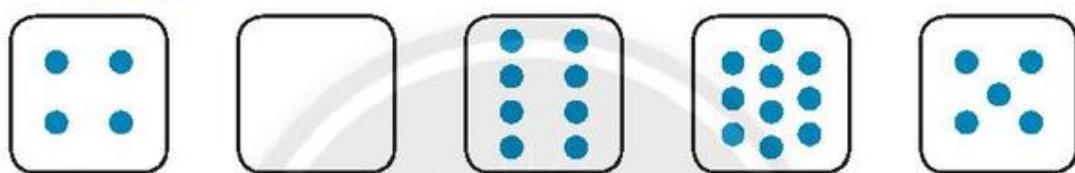


c)

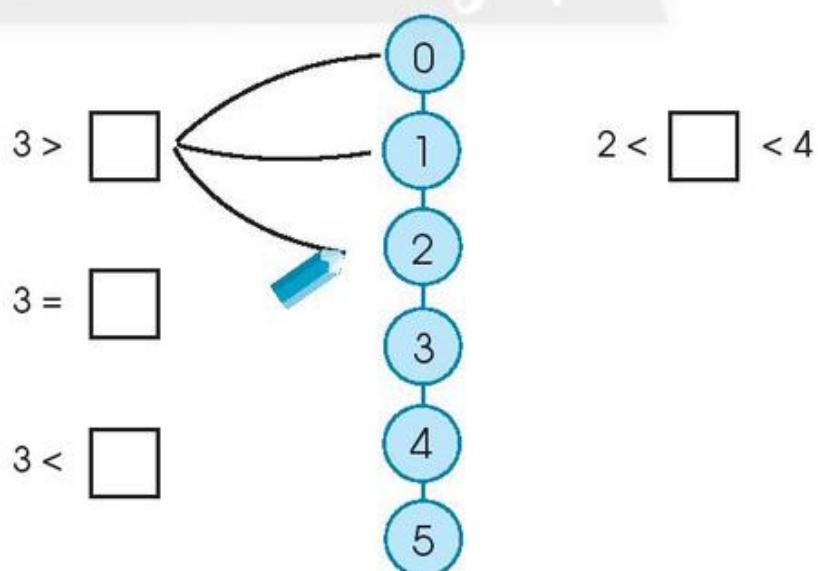


III. Nối theo mẫu.

Câu 5.



Câu 6.



B. TỰ LUẬN

Câu 1. Khoanh vào số (theo mẫu).

	10 5 8 1 6 2 9 4 7
	8 6 9 1 3 7 2 10 5 4
	1 8 7 6 10 3 5 4 9 2
	9 7 6 3 8 2 4 1 5 10
	4 7 3 10 1 5 8 9 6 2

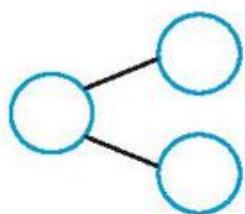
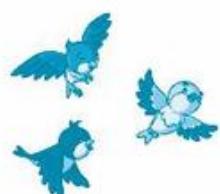
Câu 2. Viết các số 7, 0, 9, 4
theo thứ tự từ lớn đến bé.

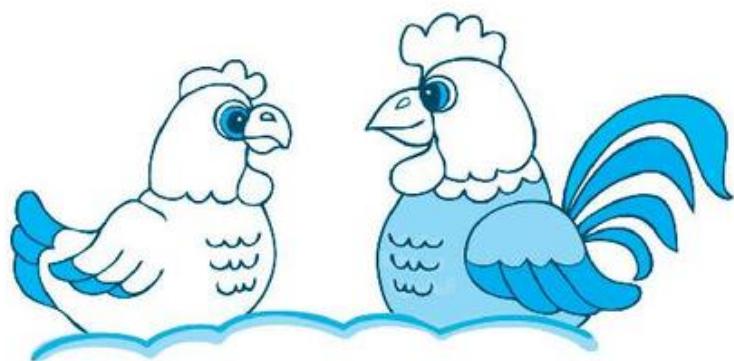
.....

Câu 3. Vẽ thêm để có
nhiều hơn 5 cái bánh.

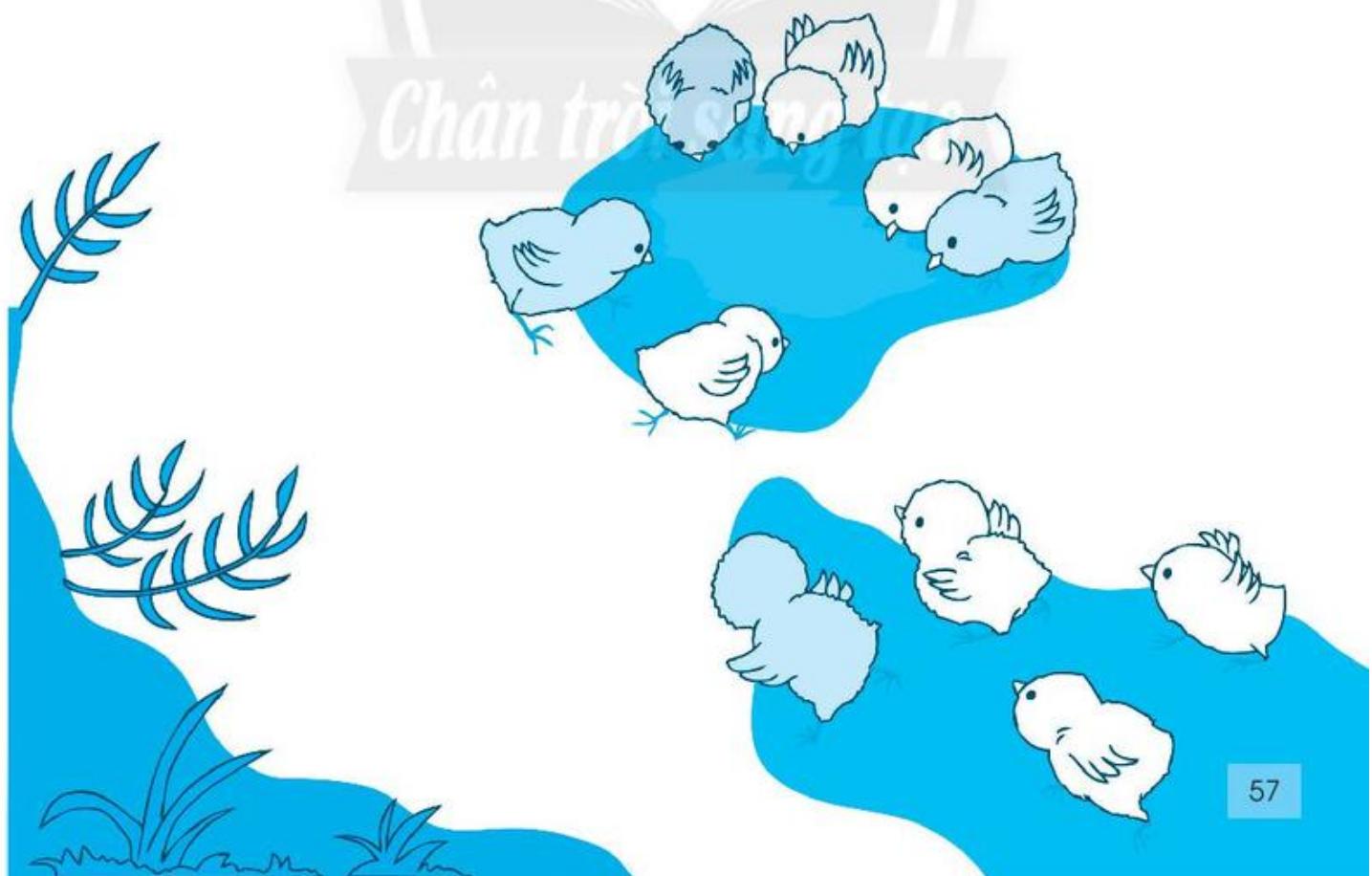


Câu 4. Số?





3. Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10





PHÉP CỘNG

1



+	+	+						
---	---	---	--	--	--	--	--	--

2 Viết phép cộng (theo mẫu).

Mẫu:

3 + 4 = 7

a)



b)

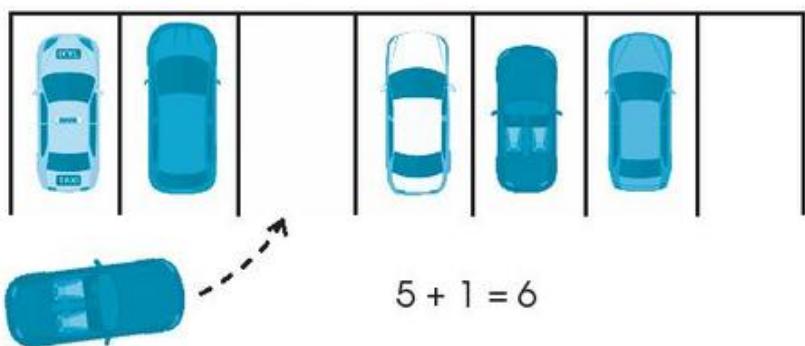


c)

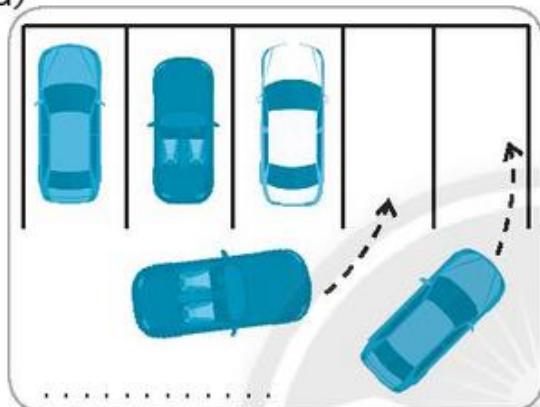


3 Viết phép cộng (theo mẫu).

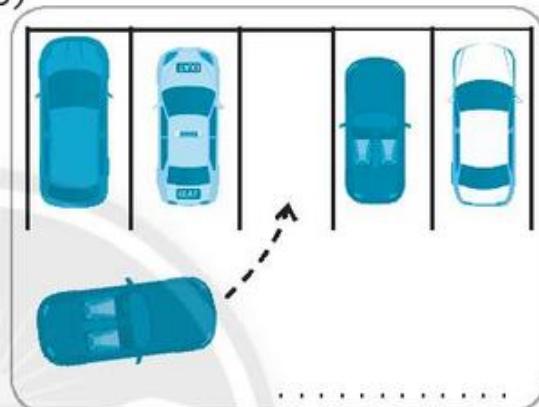
Mẫu:



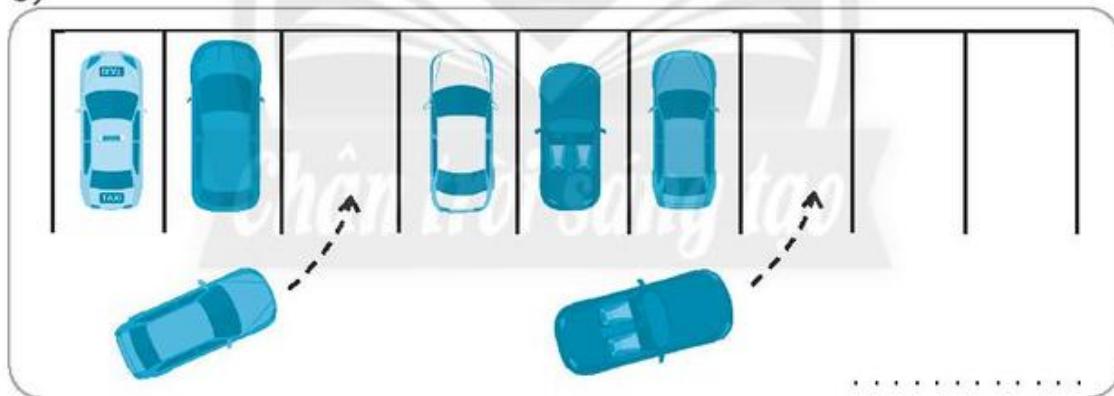
a)



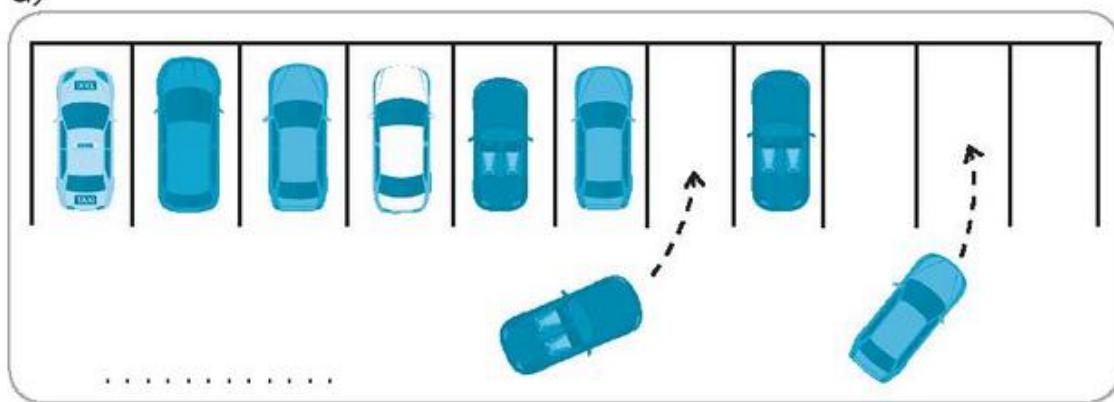
b)



c)

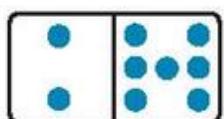


d)



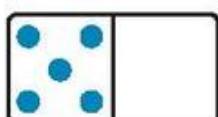
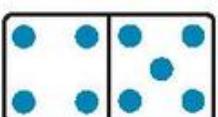
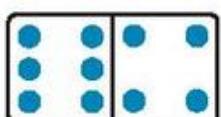
4 Làm theo mẫu.

Mẫu:



$$2 + 7 = 9$$

a)

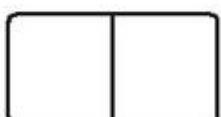


.....

.....

.....

b)



$$1 + 3 = \dots$$



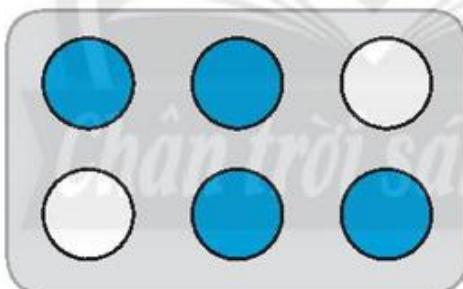
$$0 + 2 = \dots$$



$$3 + 3 = \dots$$

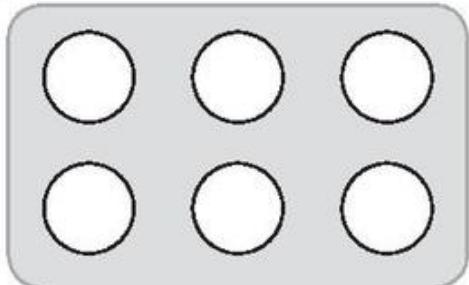
5 Tô màu (theo mẫu).

Mẫu:



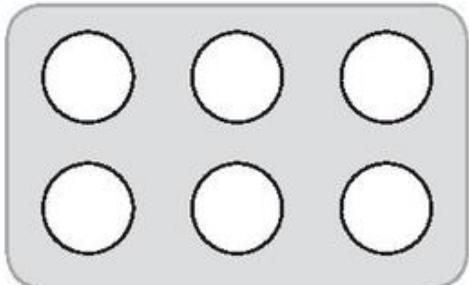
$$6 = 4 + 2$$

a)



$$6 = 3 + 3$$

b)



$$6 = 5 + 1$$

6 Viết phép tính (theo mẫu).

Mẫu:



$$2 + 6 = 8$$

$$6 + 2 = 8$$

a)



b)



c)



d)

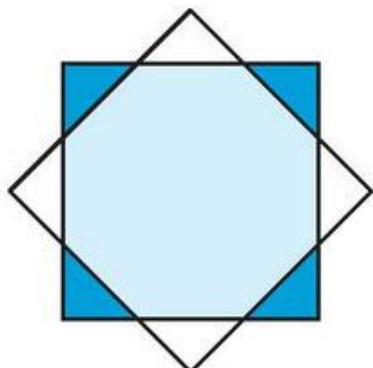


7 Số?

a) Có 

Có 

b) Có tất cả hình tam giác.

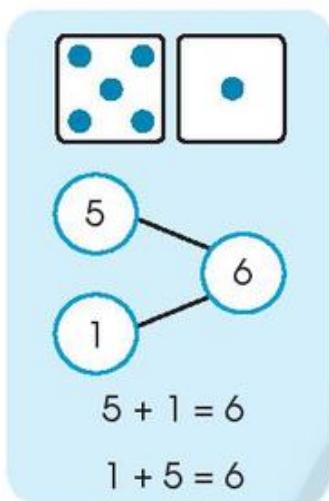




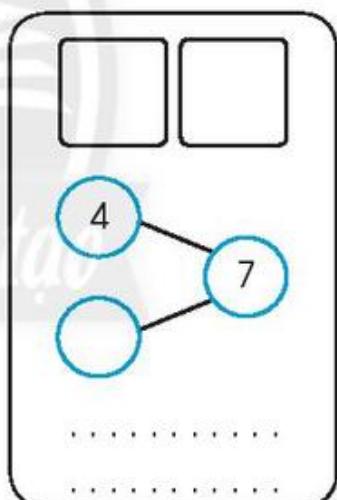
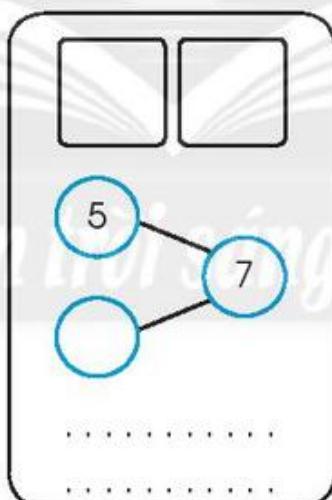
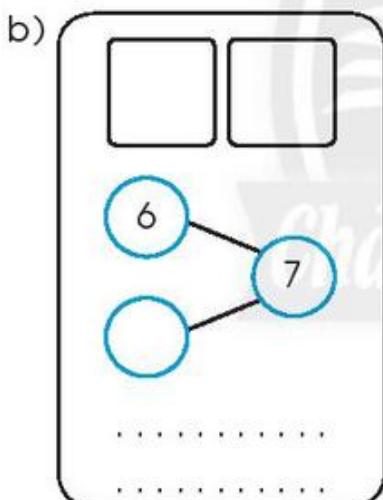
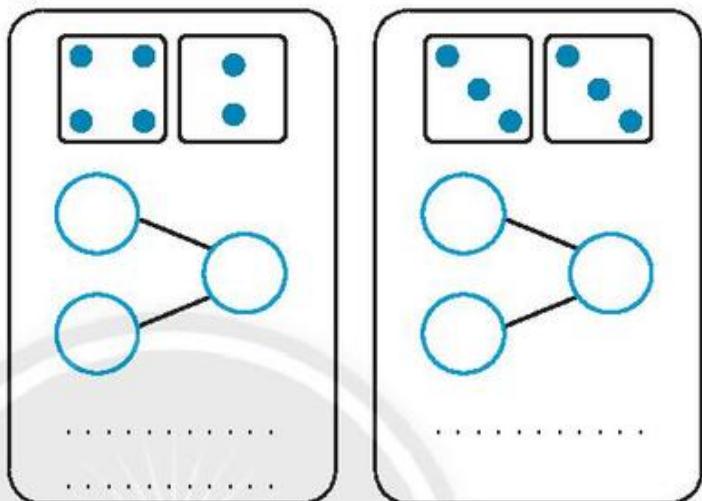
PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10

- 1 Làm theo mẫu.

Mẫu:

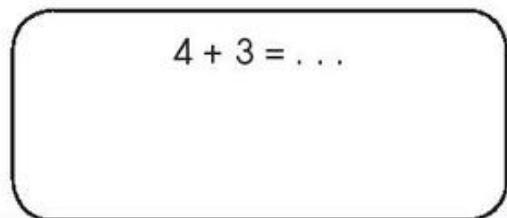
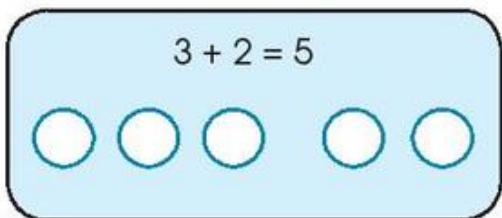


a)



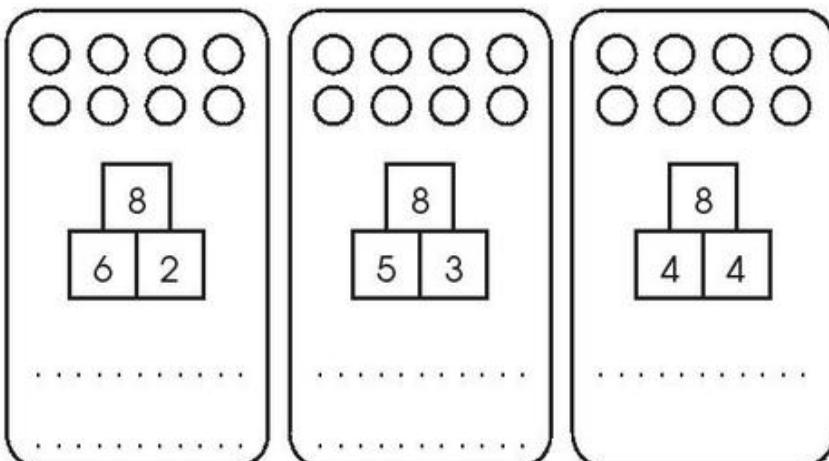
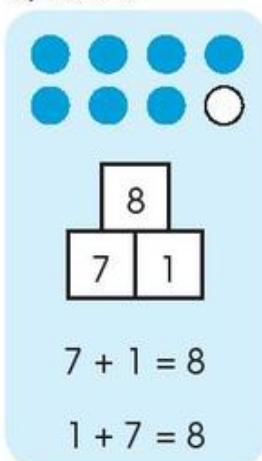
- 2 Vẽ hình thể hiện phép tính (theo mẫu).

Mẫu:

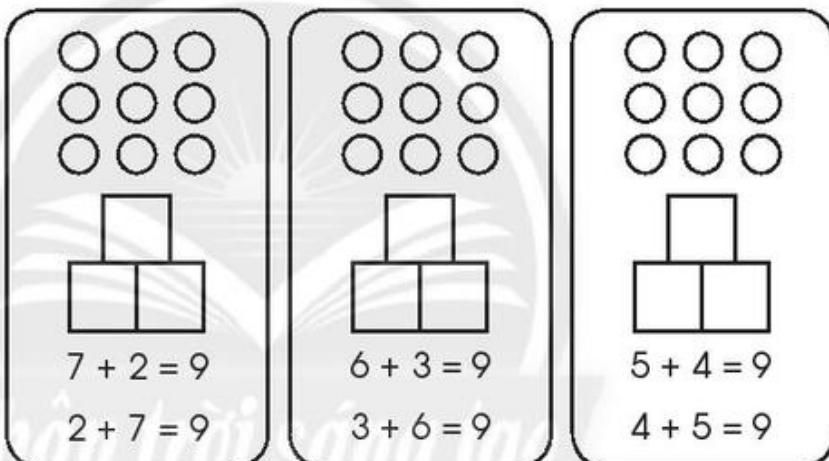
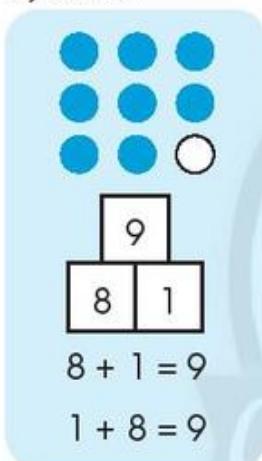


3 Làm theo mẫu.

a) Mẫu:

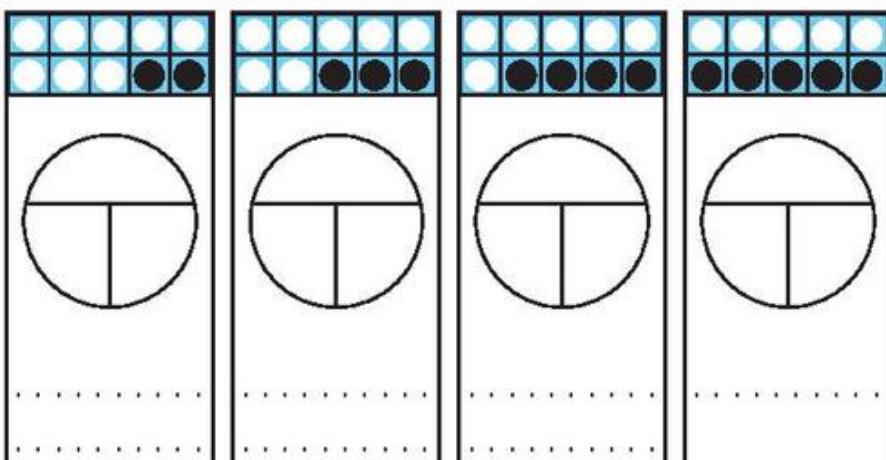
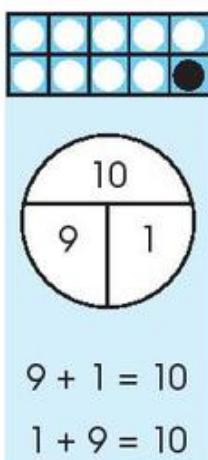


b) Mẫu:



4 Làm theo mẫu.

Mẫu:



5. Làm theo mẫu.

Mẫu:

5	
4	1
3	2

5	
4 + 1	
3 + 2	

a)

6	
5	
2	
3	

b)

7	
1	
5	
4	

c)

8	
1	
6	
3	
4	

d)

9	
8	
2	
6	
4	

e)

10	
1	
8	
3	
6	
5	

6 Tính.

$$6 + 3 = \dots$$

$$3 + 7 = \dots$$

$$1 + 7 = \dots$$

$$5 + 4 = \dots$$

$$4 + 6 = \dots$$

$$4 + 3 = \dots$$

7 Số?

$$3 = 1 + \dots$$

$$10 = 7 + \dots$$

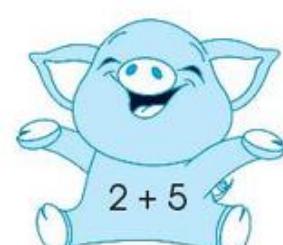
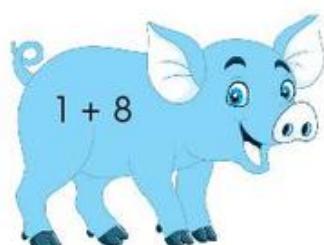
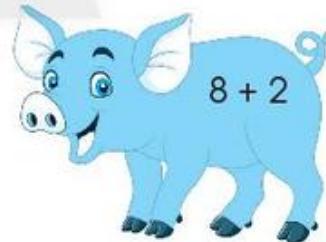
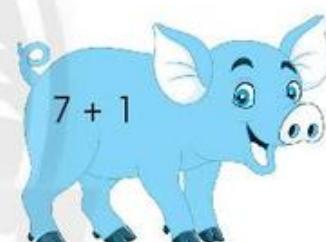
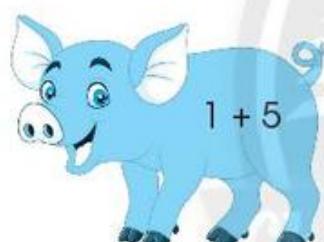
$$6 = 2 + \dots$$

$$9 = 3 + \dots$$

$$8 = 1 + \dots$$

$$7 = 3 + \dots$$

8 Nối (theo mẫu).



9 Số?

$$\boxed{\quad} + 1 = 4$$

$$5 + \boxed{\quad} = 10$$

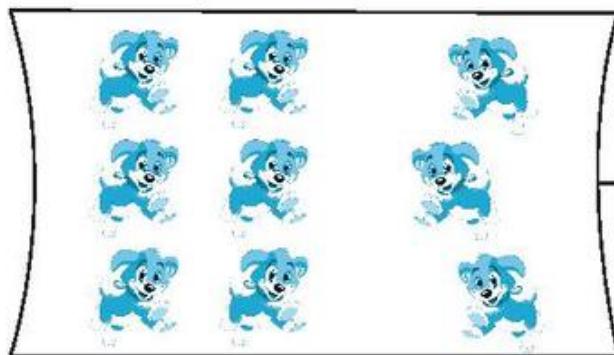
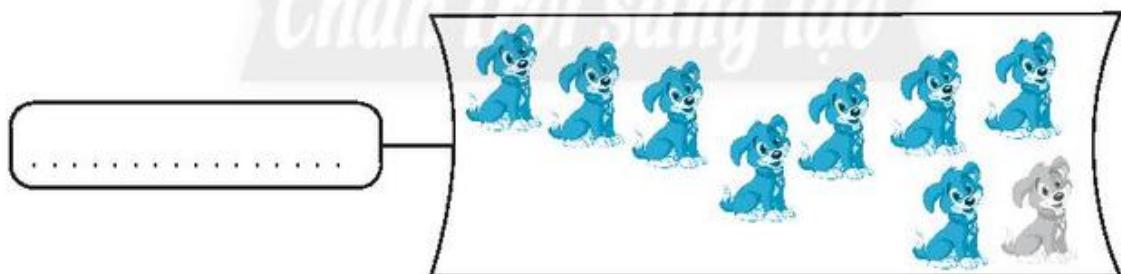
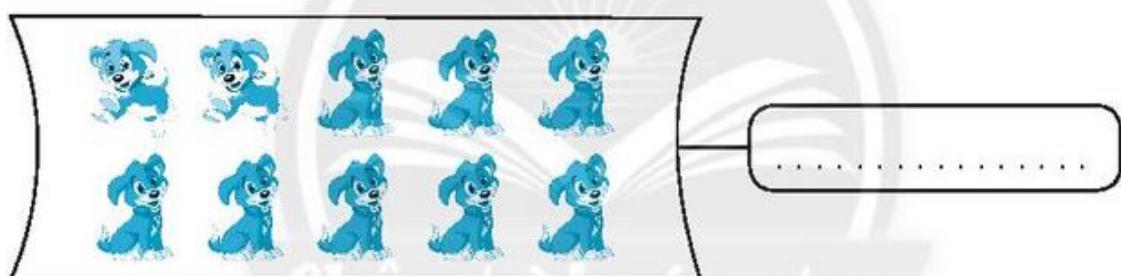
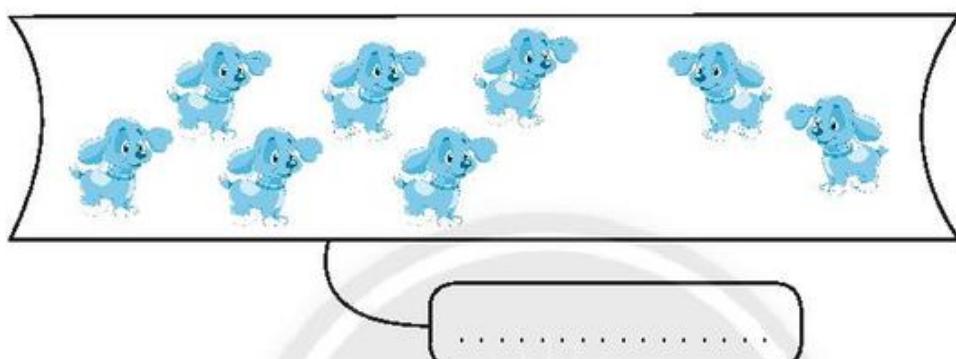
$$\boxed{\quad} + 7 = 7$$

$$1 + \boxed{\quad} = 10$$

$$\boxed{\quad} + 3 = 8$$

$$4 + 5 = \boxed{\quad} + 4$$

10 Viết phép cộng thích hợp.



11 Đúng ghi đ, sai ghi s.

a) $1 + 3 > 3$

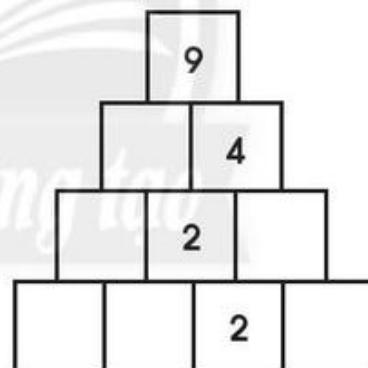
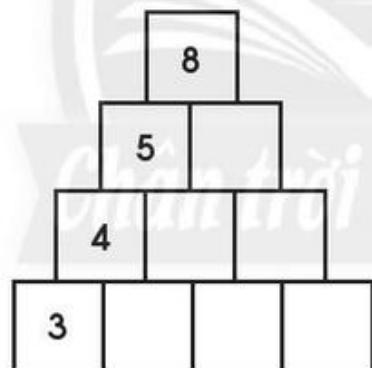
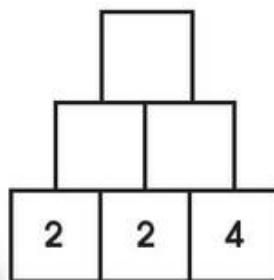
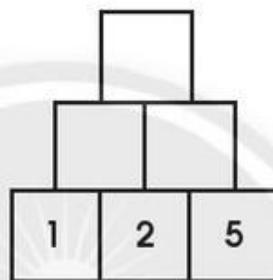
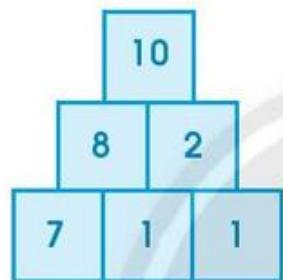
b) $9 + 1 = 8$

c) $6 + 4 = 4 + 6$

d) $10 + 0 > 10$

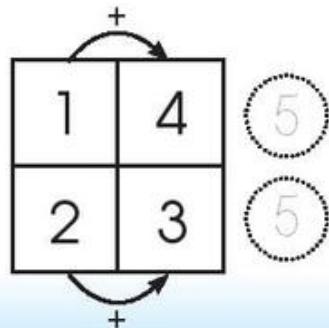
12 Viết số theo mẫu.

Mẫu:

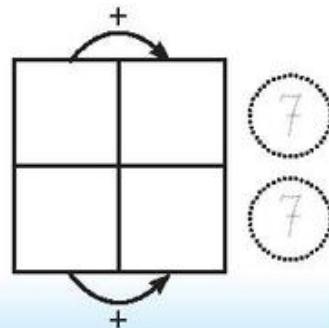


13 Quan sát và làm theo mẫu.

Mẫu: Viết số 1, 2, 3, 4.



Viết số 2, 3, 4, 5.

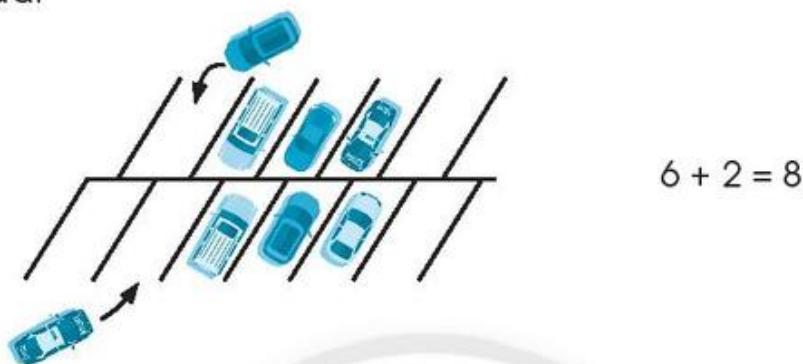




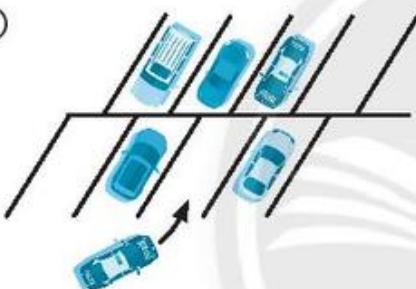
CỘNG BẰNG CÁCH ĐẾM THÊM

- 1 Viết phép cộng (theo mẫu).

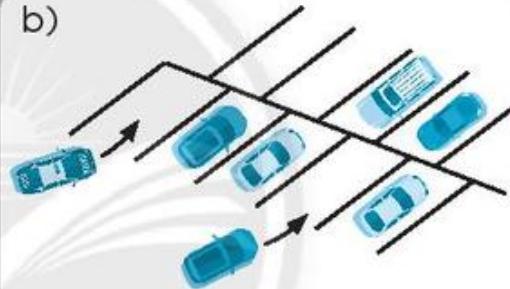
Mẫu:



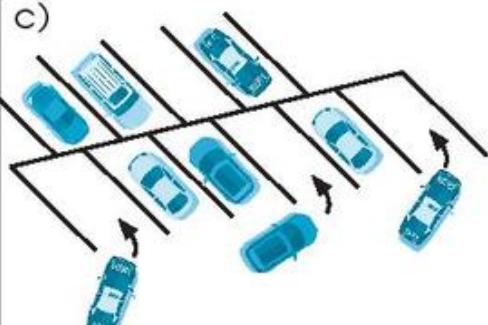
a)



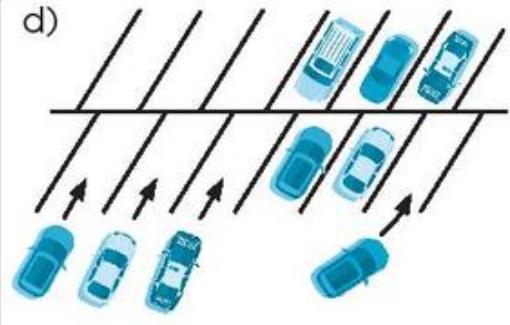
b)



c)

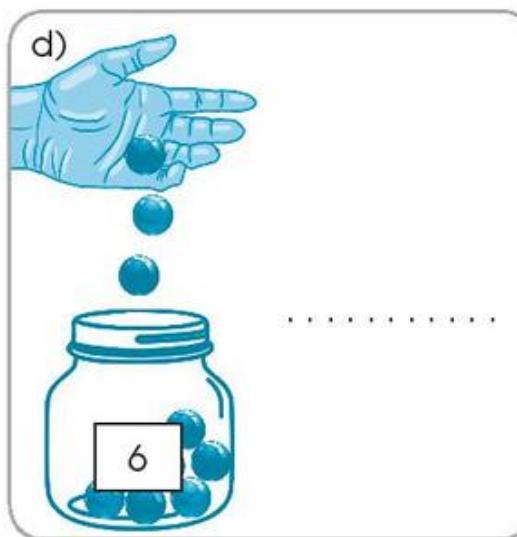
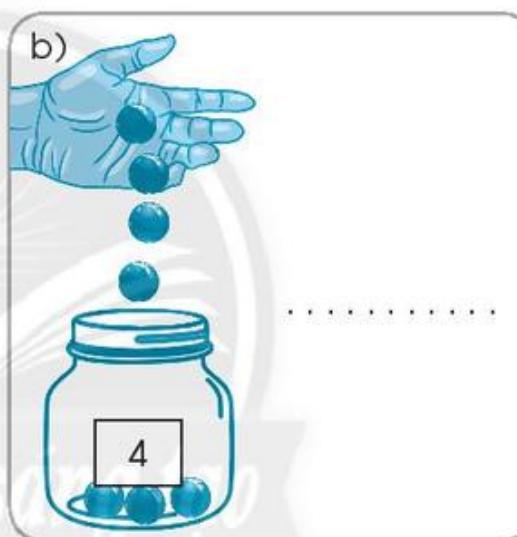


d)



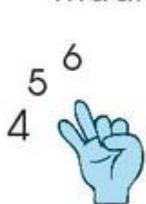
2 Nói và viết phép tính theo mẫu.

Mẫu:



3 Cộng bằng cách đếm thêm ngón tay (theo mẫu).

Mẫu:



5	6
4	
5	
6	
7	
8	

+2	↗
1	
2	
3	
4	
5	

+4	↗
0	
1	
3	
5	

+5	↗
0	
1	
2	
4	

4 Tính.

$$8 + 1 = \dots$$

$$2 + 7 = \dots$$

$$7 + 3 = \dots$$

$$1 + 8 = \dots$$

$$3 + 5 = \dots$$

$$2 + 5 = \dots$$

$$6 + 1 = \dots$$

$$2 + 6 = \dots$$

$$7 + 1 = \dots$$

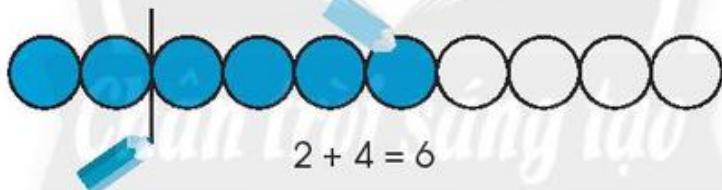
$$1 + 6 = \dots$$

$$1 + 4 = \dots$$

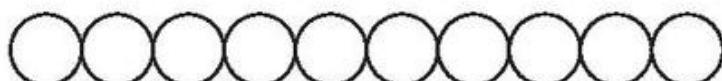
$$2 + 8 = \dots$$

5 Làm theo mẫu.

Mẫu:



a)



$$3 + 2 = \dots$$

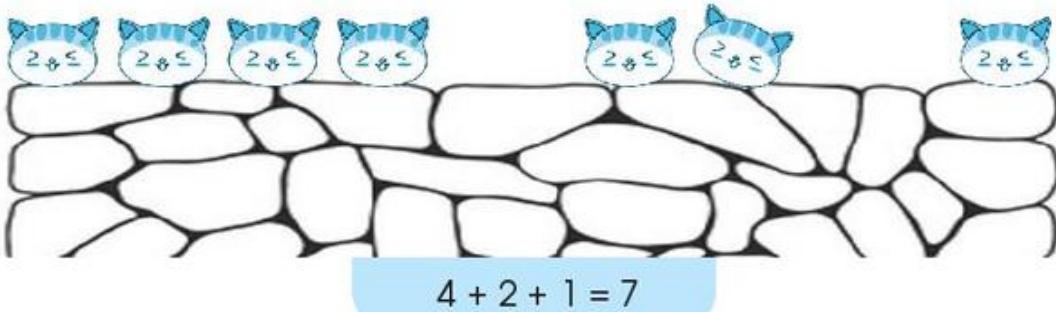
b)



$$4 + 5 = \dots$$

6 Viết phép tính (theo mẫu).

Mẫu:



a)



b)



c)



7 Tính.

$$3 + 6 + 1 = \dots$$

$$1 + 1 + 3 = \dots$$

$$1 + 2 + 7 = \dots$$

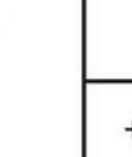
$$1 + 9 + 0 = \dots$$

$$4 + 1 + 5 = \dots$$

$$3 + 1 + 5 = \dots$$

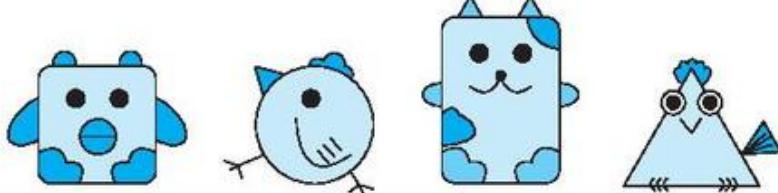
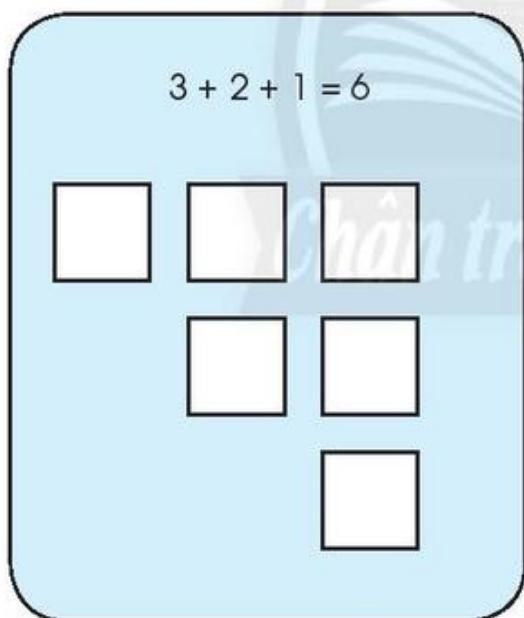
8 Số?

5	+	4	=	
+			=	
=				
9	=		+	4

7	+	0	=	
+			=	
=				
7	=	7	+	

9 Vẽ hình thể hiện phép tính (theo mẫu).

Mẫu:





PHÉP TRÙ

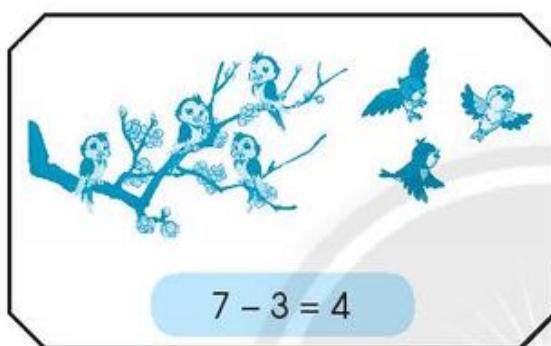
1



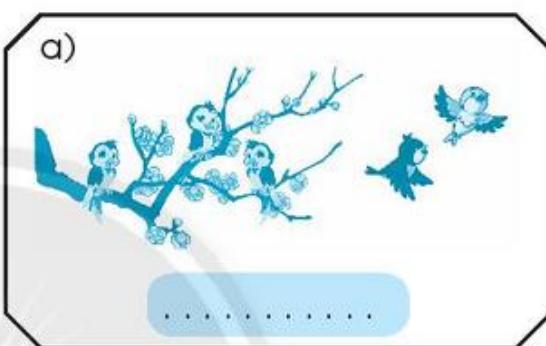
A horizontal ten-frame grid consisting of two rows of five squares each. The first three squares in the top row are filled with black dots, representing the number 3.

2 Viết phép trừ (theo mẫu).

Māya:



$$7 - 3 = 4$$



• • • • •

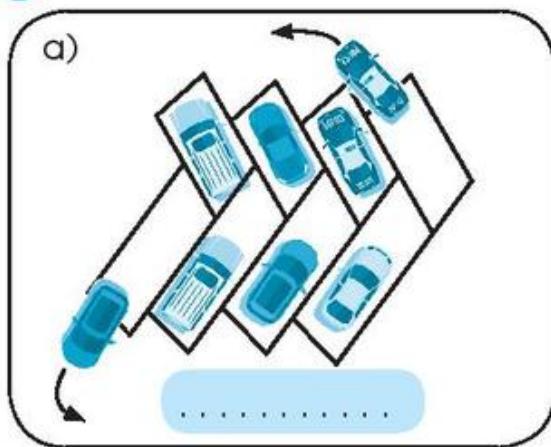


Chân trời sáng tạo

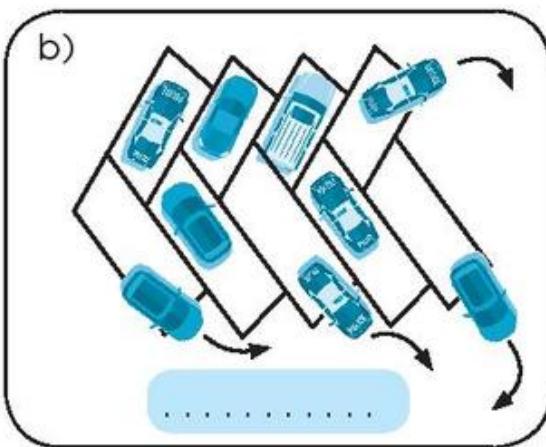


áng áo

3 Viết phép trừ.



b)



4 Làm theo mẫu.

Mẫu:



$$7 - 5 = 2$$

a)



b)



c)



d)



$$5 - 4 = \dots$$

e)



$$8 - 5 = \dots$$

g)



$$9 - 6 = \dots$$

5 Viết một phép trừ (theo mẫu).

Mẫu:



$$5 - 2 = 3$$

a)



.....

b)



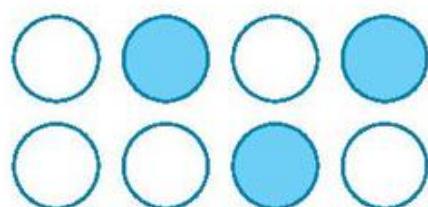
c)



.....

6 Viết các phép cộng, phép trừ (theo mẫu).

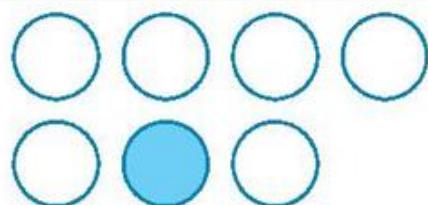
Mẫu:



$$5 + 3 = 8 \quad 8 - 3 = 5$$

$$3 + 5 = 8 \quad 8 - 5 = 3$$

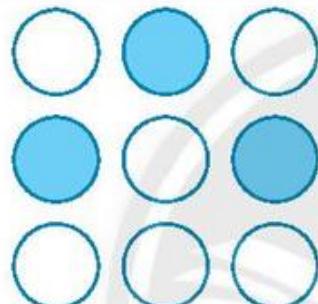
a)



.....

.....

b)



.....

.....

7 Quan sát tranh.



a) Nói theo mẫu câu:

Có tất cả ... quả trứng.

Đã nở ... quả trứng.

Còn lại ... quả trứng.

b) Viết một phép trừ.

.....



PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10

1. Làm theo mẫu.

5	
4	1
3	2

$5 - 4 = 1$
 $5 - 3 = 2$

a)

6	
5	
2	
3	

b)

7	
6	
2	
4	

c)

8	
1	
6	
3	
4	

d)

9	
8	
2	
6	
4	

e)

10	
1	
8	
3	
6	
5	

2 Tính.

$$6 - 4 = \dots$$

$$9 - 7 = \dots$$

$$10 - 6 = \dots$$

$$8 - 1 = \dots$$

$$7 - 3 = \dots$$

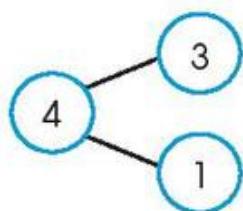
$$6 - 5 = \dots$$

$$4 - 2 = \dots$$

$$10 - 8 = \dots$$

$$9 - 5 = \dots$$

3 Làm theo mẫu.



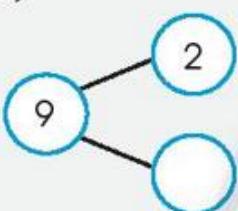
$$3 + 1 = 4$$

$$1 + 3 = 4$$

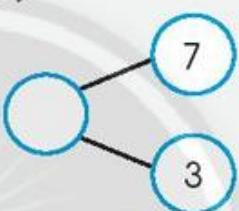
$$4 - 3 = 1$$

$$4 - 1 = 3$$

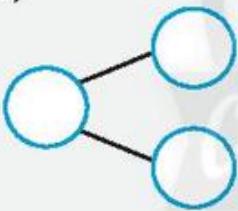
a)



b)



c)



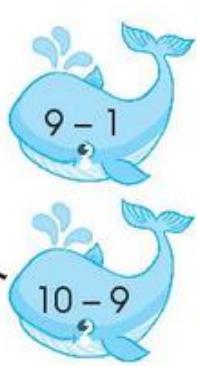
$$4 + 2 = 6$$

d)



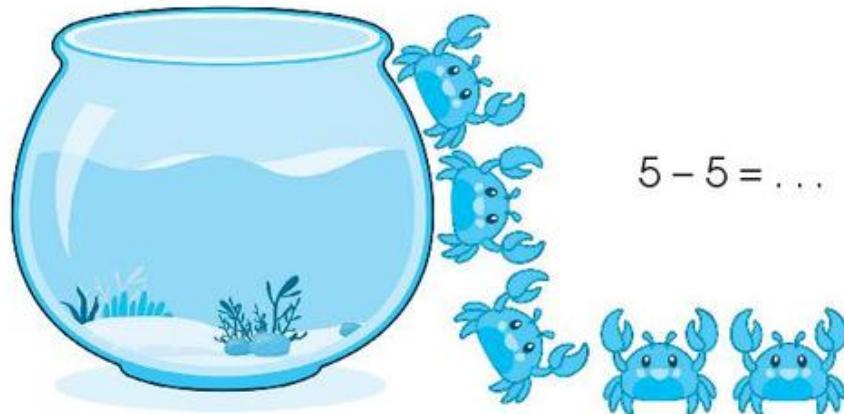
$$8 - 6 = 2$$

4 Nối (theo mẫu).



5 Xem tranh và viết kết quả phép trừ.

a)



$$5 - 5 = \dots$$

b)



$$5 - 0 = \dots$$

6 Tính.

$$6 + 0 = \dots$$

$$6 - 6 = \dots$$

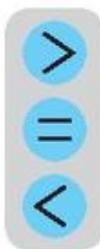
$$0 + 10 = \dots$$

$$0 + 6 = \dots$$

$$6 - 0 = \dots$$

$$10 - 10 = \dots$$

7



$$7 + 2 \dots 7 + 1$$

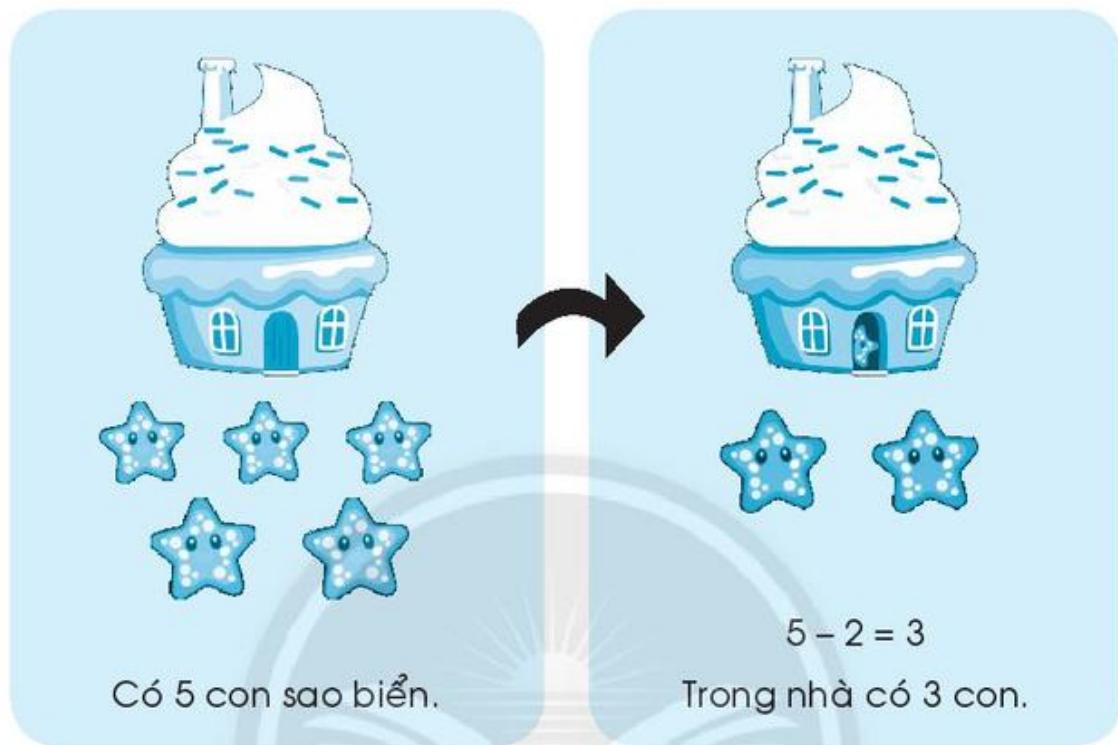
$$9 + 0 \dots 9 - 0$$

$$2 + 8 \dots 8 + 2$$

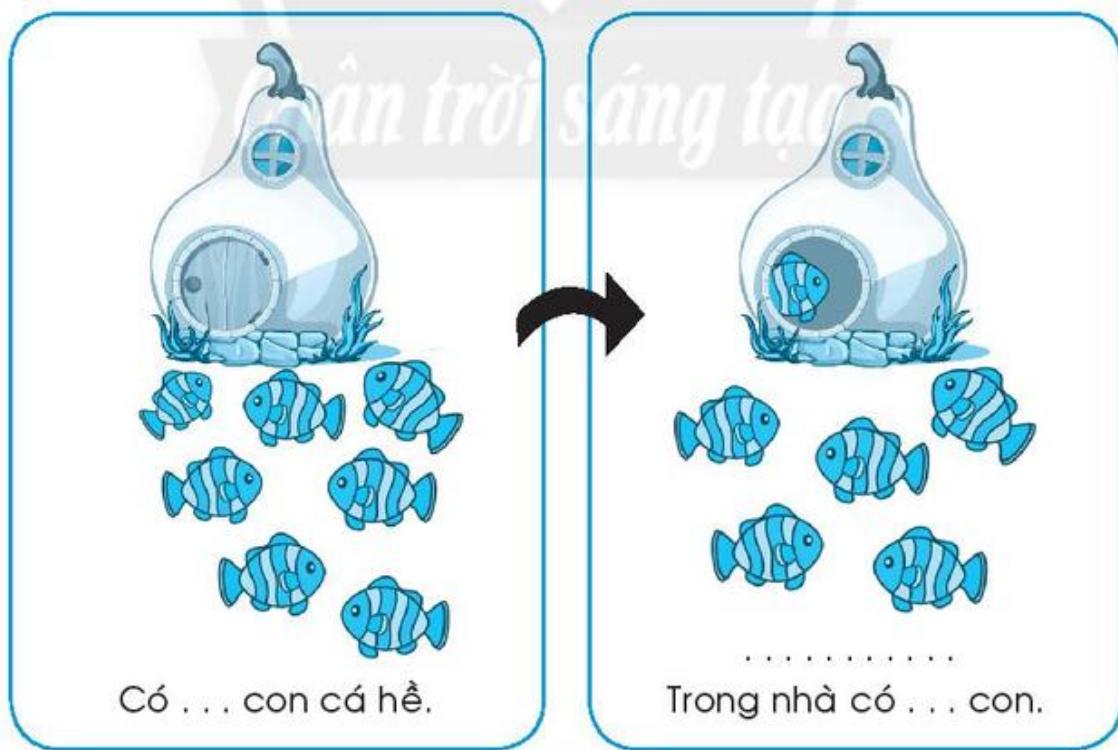
$$8 - 1 \dots 8 - 0$$

8 Viết số và phép tính (theo mẫu).

Mẫu:



a)



b)



Có ... con rùa.



Trong nhà có ... con.

c)



Có ... con cá ngựa.



Trong nhà có ... con.

9 Số?

$$8 + \boxed{\quad} = 10$$

$$10 - \boxed{\quad} = 8$$

$$6 + 4 = \boxed{\quad} + 6$$

$$2 + \boxed{\quad} = 10$$

$$10 - \boxed{\quad} = 2$$

$$\boxed{\quad} + 9 = 9 + 1$$

10 Nối (theo mẫu).

$$3 - 1 > \boxed{\quad}$$

$$5 - \boxed{\quad} = 0$$

0

1

2

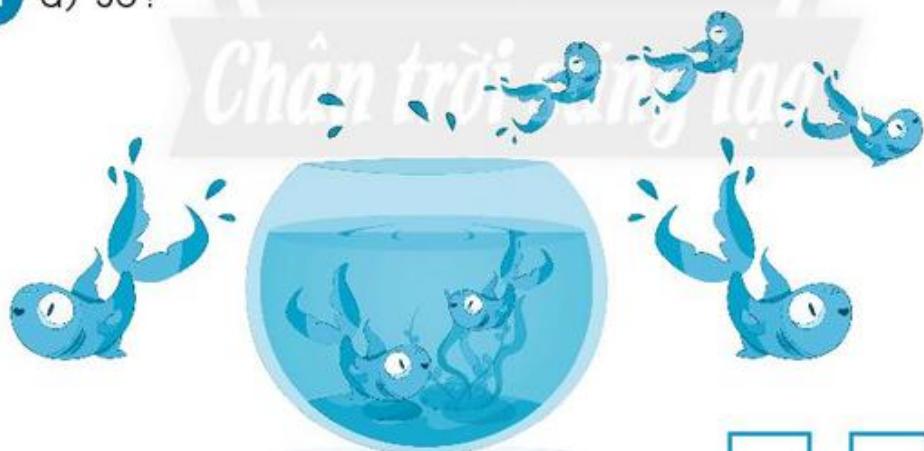
3

4

5

$$3 + \boxed{\quad} < 5$$

11 a) Số?



$$7 - \boxed{\quad} - \boxed{\quad} = 2$$

b) Tính.

$$8 - 3 - 1 = \dots$$

$$2 + 1 - 2 = \dots$$

$$10 - 2 - 2 = \dots$$

$$9 - 6 + 1 = \dots$$



TRƯỜNG CÁCH ĐẾM BỚT

- 1 Viết phép trừ (theo mẫu).

Mẫu:

$$10 - 1 = 9$$

$$10 - 2 = \dots$$

$$\dots$$

$$\dots$$

$$\dots$$

$$\dots$$

- 2 Viết phép trừ (theo mẫu).

Mẫu:

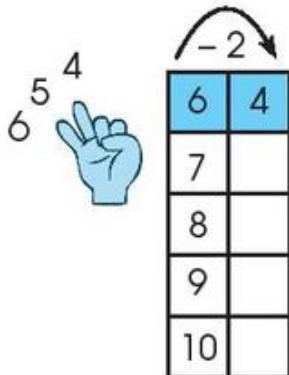
$$9 - 3 = 6$$

$$\dots$$

$$\dots$$

$$\dots$$

3 Trừ bằng cách đếm bớt ngón tay (theo mẫu).



	- 3 ↗
7	
8	
9	
10	

	- 4 ↗
8	
9	
10	

	- 5 ↗
9	
10	

4 Tính.

$$5 - 1 = \dots$$

$$10 - 2 = \dots$$

$$8 - 3 = \dots$$

$$7 - 3 = \dots$$

$$9 - 4 = \dots$$

$$10 - 5 = \dots$$

$$8 - 5 = \dots$$

$$6 - 1 = \dots$$

$$8 - 4 = \dots$$

$$9 - 1 = \dots$$

$$8 - 2 = \dots$$

$$10 - 3 = \dots$$

5 Tính.

$$5 - 3 + 1 = \dots$$

$$10 - 9 + 1 = \dots$$

$$1 + 9 - 8 = \dots$$

$$9 - 6 - 2 = \dots$$

$$1 + 8 + 1 = \dots$$

$$6 - 5 - 1 = \dots$$

6 a) Số?

b) Viết dấu + hay - vào ô trống.

6	+	4	=	
+				-
=				4

8		5	=	3
-				
3				5
=				

7 Làm theo mẫu.

Mẫu:

$$5 - 2 = 3$$



a)

$$6 - 1 = \dots$$



b)

$$9 - 2 = \dots$$



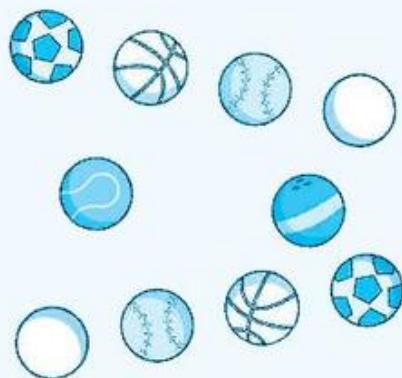
c)

$$7 - 5 = \dots$$



d)

$$10 - 4 = \dots$$



8 Viết các phép tính để kết quả theo thứ tự từ bé đến lớn.

a)

$5 + 2$

$5 + 0$

$5 + 3$

$5 + 1$

b)

$5 - 1$

$5 - 3$

$5 - 0$

$5 - 2$

9 Vẽ số chấm tròn thích hợp vào khung trống.

a)



b)



c)





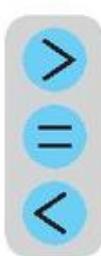
EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

- 1 Đọc bảng cộng, bảng trừ trong phạm vi 10.

1 + 1	2 + 1	3 + 1		5 + 1	6 + 1	7 + 1	8 + 1	9 + 1
1 + 2	2 + 2		4 + 2		6 + 2	7 + 2	8 + 2	
1 + 3		3 + 3	4 + 3	5 + 3		7 + 3		
	2 + 4	3 + 4		5 + 4	6 + 4			
	2 + 5	3 + 5	4 + 5	5 + 5				
1 + 6		3 + 6	4 + 6					
	2 + 7							
1 + 8	2 + 8							
1 + 9								
2 - 1	3 - 1	4 - 1	5 - 1		7 - 1	8 - 1	9 - 1	10 - 1
3 - 2	4 - 2	5 - 2	6 - 2		8 - 2	9 - 2	10 - 2	
4 - 3		6 - 3	7 - 3		9 - 3	10 - 3		
	5 - 4	6 - 4	7 - 4	8 - 4		10 - 4		
	6 - 5		8 - 5					
		7 - 6	8 - 6	9 - 6				
			9 - 7					
			9 - 8	10 - 8				
			10 - 9					

- a) Viết các phép cộng, phép trừ còn thiếu.
b) Tô màu các phép cộng có kết quả bằng 10.
c) Tô màu các phép cộng, phép trừ có kết quả bằng 5.

d)



?

$6 + 1 \quad \square \quad 6 + 2 \quad \square \quad 6 + 3 \quad \square \quad 6 + 4$

$6 - 1 \quad \square \quad 6 - 2 \quad \square \quad 6 - 3 \quad \square \quad 6 - 4$

2 Tính nhẩm.

$$4 + 3 = \dots$$

$$5 - 4 = \dots$$

$$2 + 6 = \dots$$

$$1 + 9 = \dots$$

$$10 - 8 = \dots$$

$$6 - 5 = \dots$$

$$2 + 2 = \dots$$

$$3 - 2 = \dots$$

$$4 - 3 = \dots$$

$$4 + 6 = \dots$$

$$8 - 7 = \dots$$

$$1 + 8 = \dots$$

3 Tính nhẩm.

$$5 + 3 + 1 = \dots$$

$$1 + 7 - 7 = \dots$$

$$1 + 5 - 4 = \dots$$

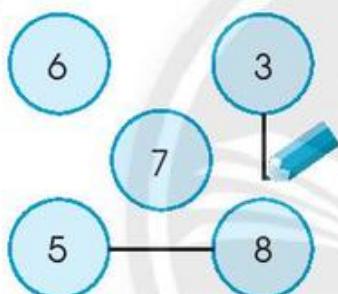
$$8 - 8 + 3 = \dots$$

$$10 - 7 - 1 = \dots$$

$$2 + 1 - 3 = \dots$$

4 Làm theo mẫu.

Mẫu:



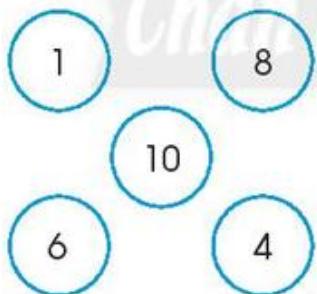
$$3 + 5 = 8$$

$$5 + 3 = 8$$

$$8 - 5 = 3$$

$$8 - 3 = 5$$

a)

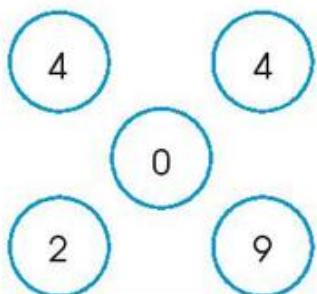


$$\dots \dots \dots$$

$$\dots \dots \dots$$

$$\dots \dots \dots$$

b)



$$\dots \dots \dots$$

$$\dots \dots \dots$$

$$\dots \dots \dots$$

$$\dots \dots \dots$$

5 Số?

$$9 - 6 = \square$$

$$7 + \square = 10$$

$$5 + \square = 9$$

$$6 + \square = 9$$

$$10 - 3 = \square$$

$$9 - 4 = \square$$

6 Trừ bằng cách đếm thêm ngón tay.

Mẫu:

$$9 - 5 = ?$$



$$9 - 5 = 4$$

$$4 - 3 = \dots$$

$$8 - 6 = \dots$$

$$10 - 7 = \dots$$

$$6 - 5 = \dots$$

$$10 - 8 = \dots$$

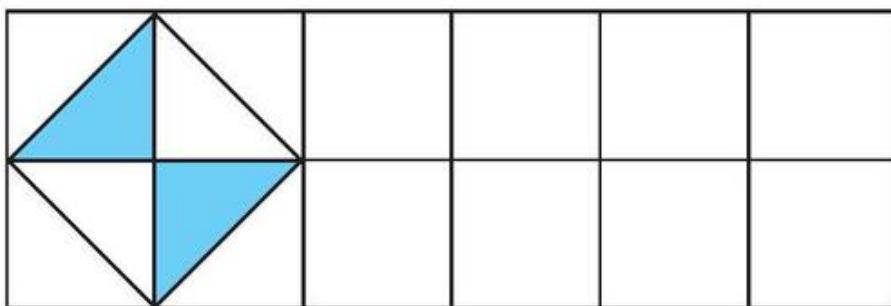
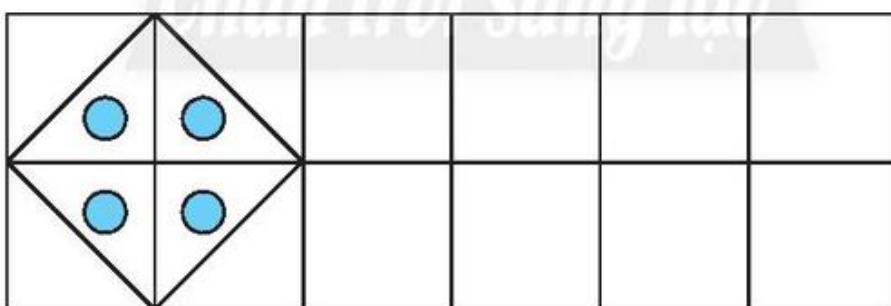
$$10 - 6 = \dots$$

$$9 - 8 = \dots$$

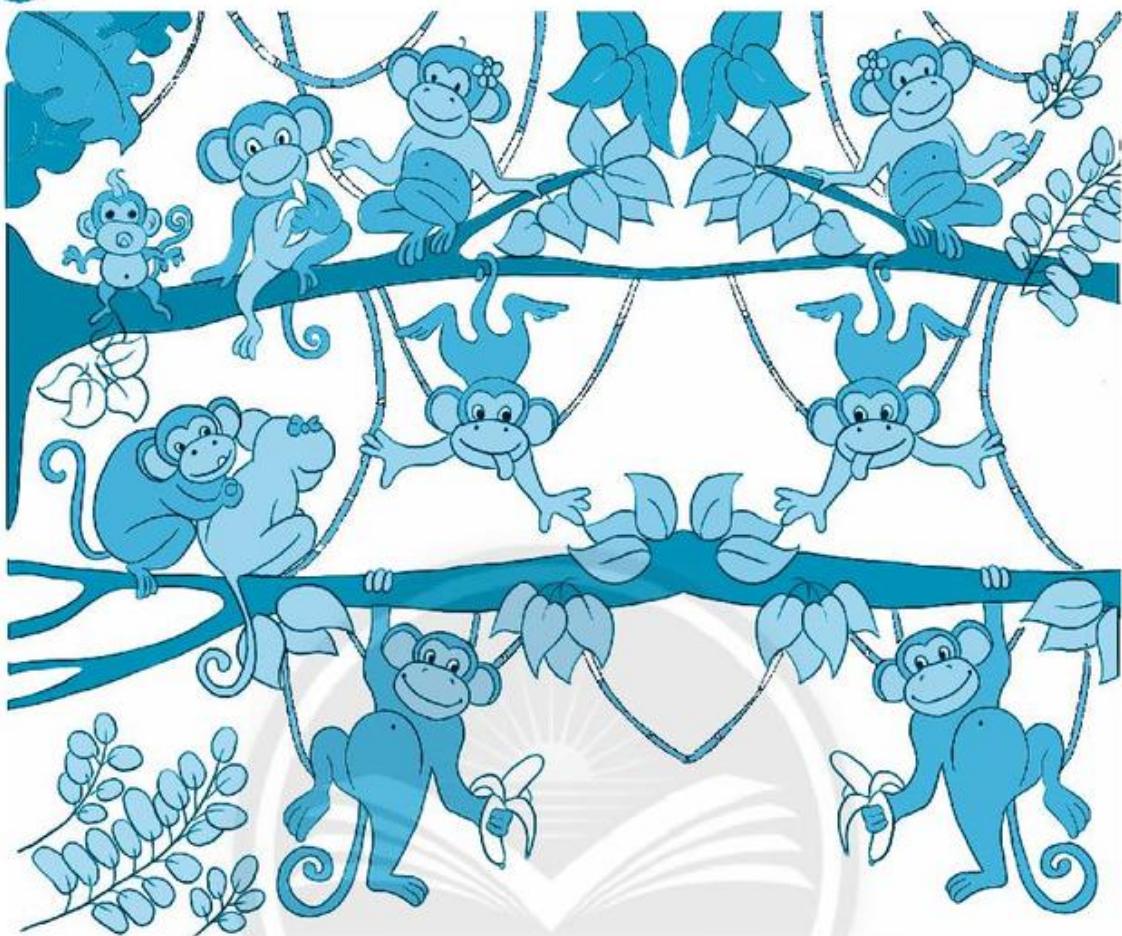
$$7 - 5 = \dots$$

$$8 - 4 = \dots$$

7 Vẽ tiếp rồi tô màu.

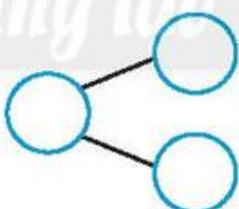


8 Quan sát bức tranh sau.



a) Số?

Có tất cả . . . con khỉ,
gồm . . . con ở cành trên
và . . . con ở cành dưới.

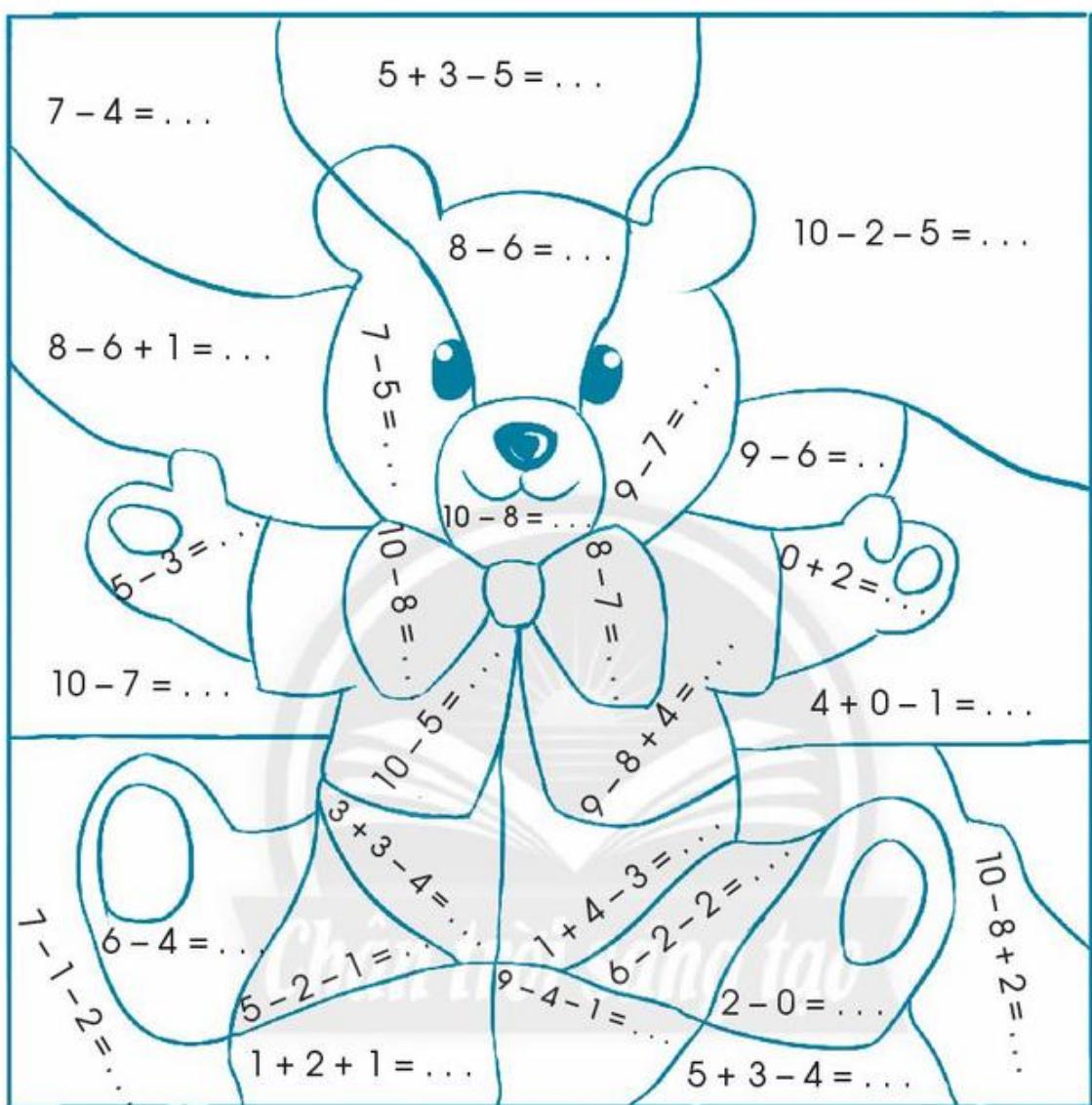


b) Viết bốn phép tính từ sơ đồ tách – gộp trên.

.....
.....
.....
.....

9

a) Tính nhẩm.



b) Tô màu theo kết quả.

- 1 xanh dương (xanh nước biển)
- 2 nâu
- 3 vàng
- 4 xanh lá cây
- 5 đỏ



ÔN TẬP HỌC KÌ 1

1 Xem tranh, viết số.



a)

Số bạn	Số ngựa vằn	Số hươu cao cổ	Số voi
.....

b)

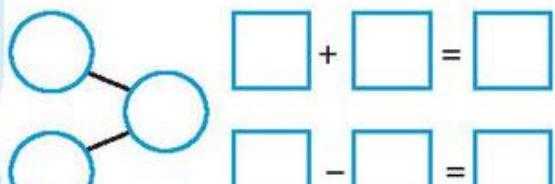
Có ... con ngựa vằn

và ... con hươu cao cổ.

Có tất cả ... con ngựa vằn và
hươu cao cổ.

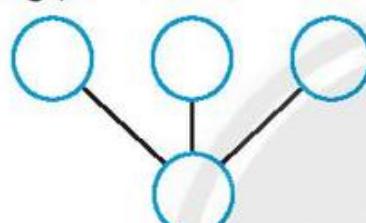
Có tất cả ... con ngựa vằn
và hươu cao cổ.

Trong đó có ... con ngựa vằn,
còn lại ... con hươu cao cổ.



$$\boxed{} - \boxed{} = \boxed{}$$

c) ngựa hươu voi

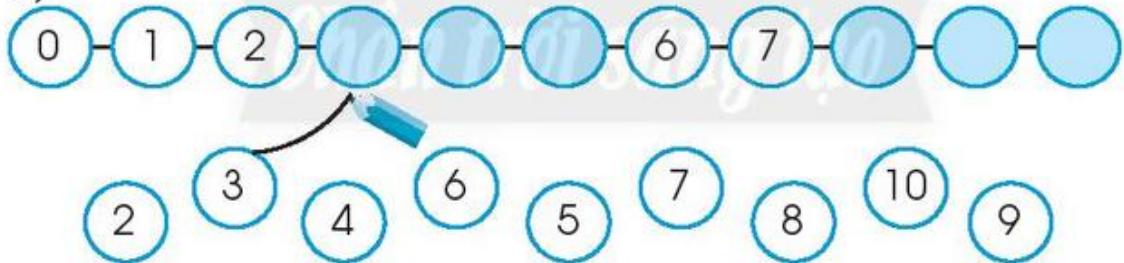


$$\boxed{} + \boxed{} + \boxed{} = \boxed{}$$

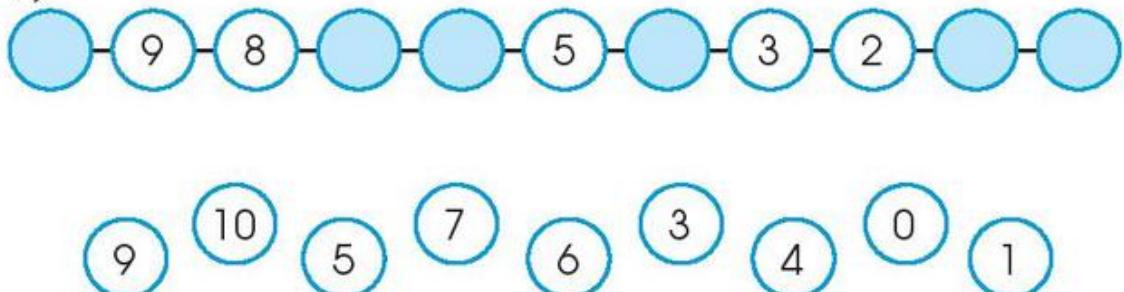
tất cả

2 Chọn số phù hợp rồi nối (theo mẫu).

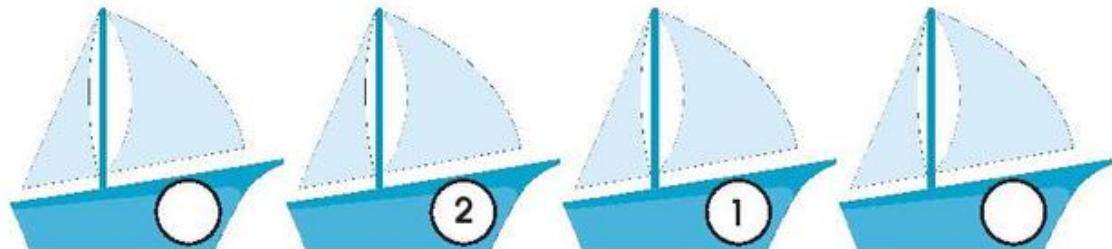
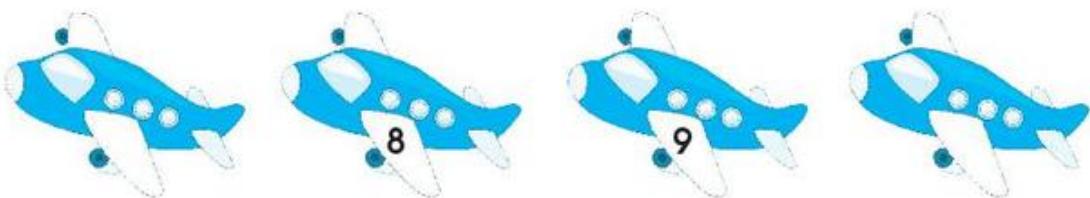
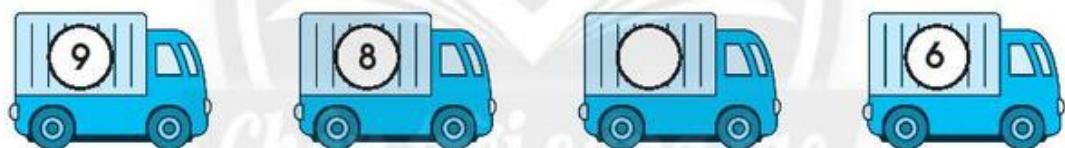
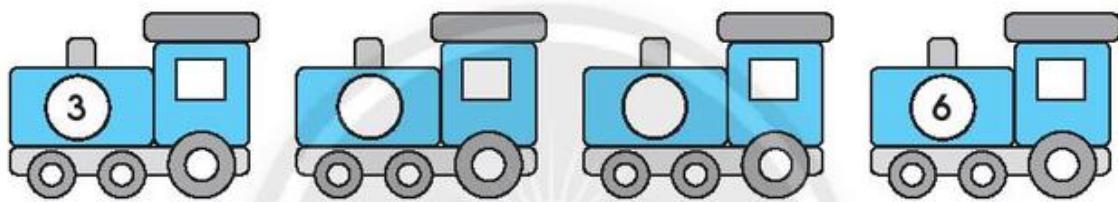
a)



b)



3 Số?



4 Viết các số theo thứ tự:

a) Từ bé đến lớn.



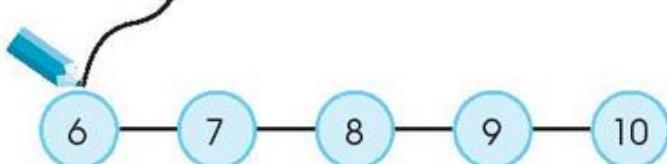
b) Từ lớn đến bé.



5 Nối (theo mẫu).

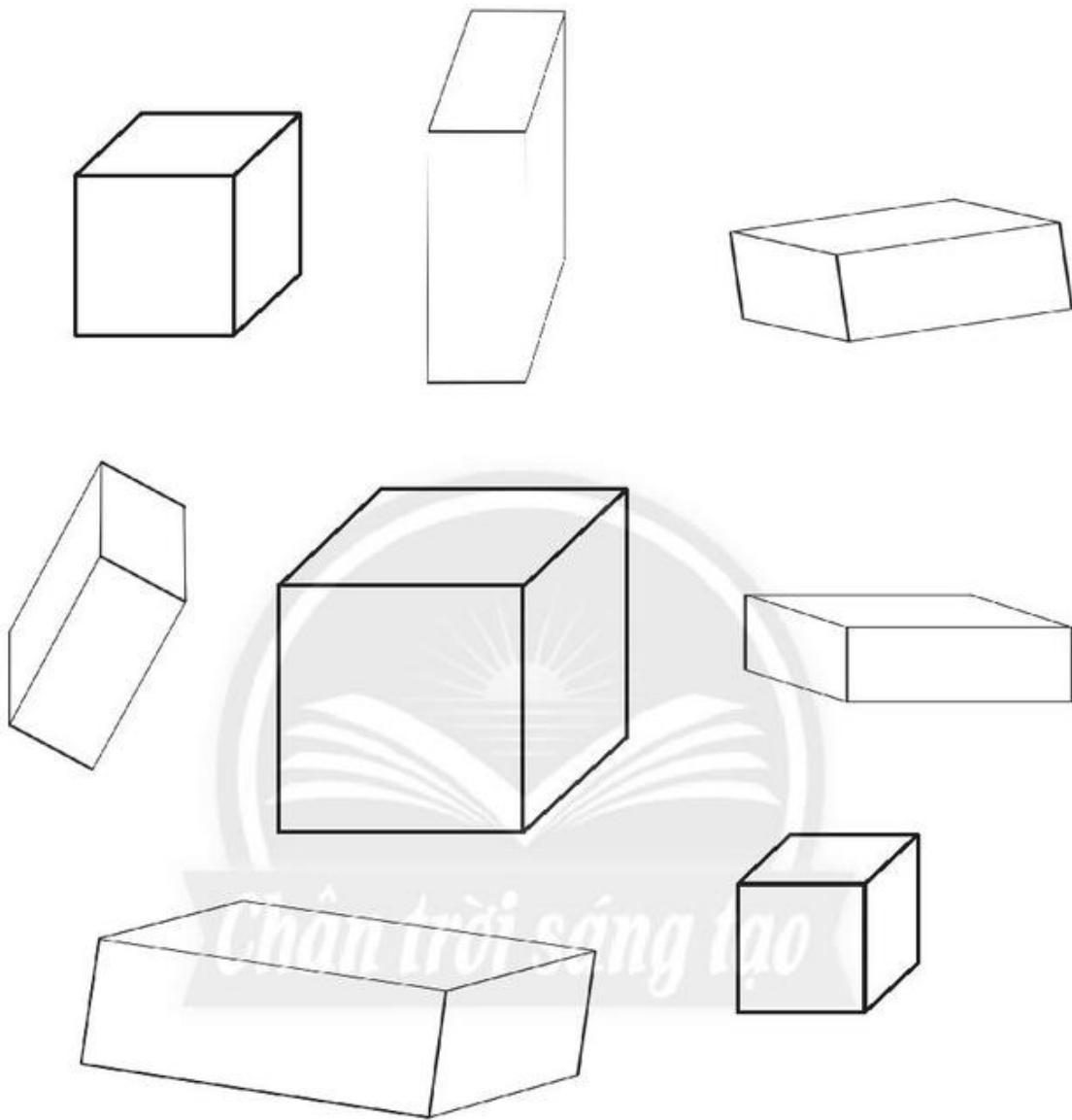
$$2 + \square = 8$$

$$10 - 2 < \square$$



$$7 < \square < 10$$

6 a) Tô màu các khối lập phương.



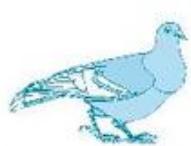
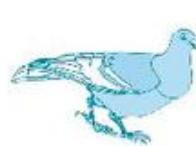
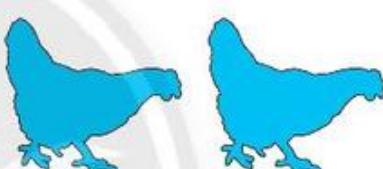
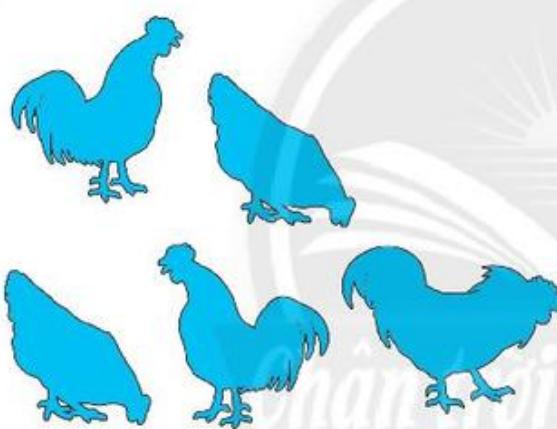
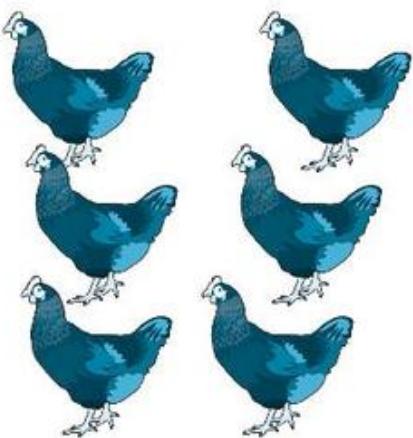
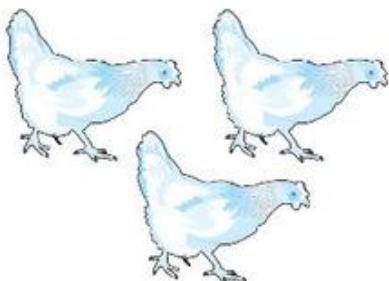
b) Số?

Có tất cả ... hình khối,
trong đó có ... khối lập phương,
còn lại ... khối hộp chữ nhật.

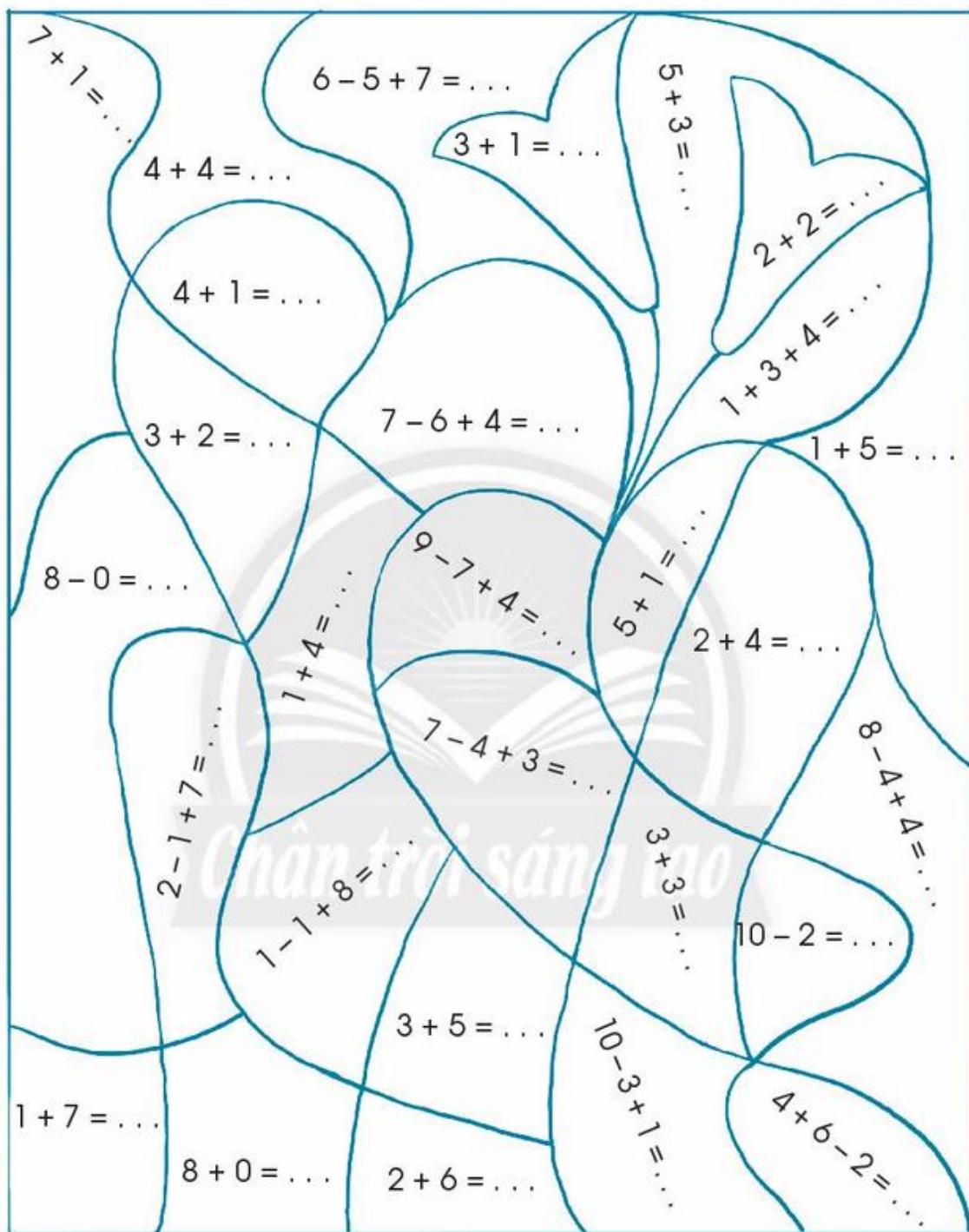
$$\dots - \dots = \dots$$

7

Xem tranh, viết một phép tính thích hợp.



8 a) Tính nhẩm.



b) Tô màu theo kết quả.

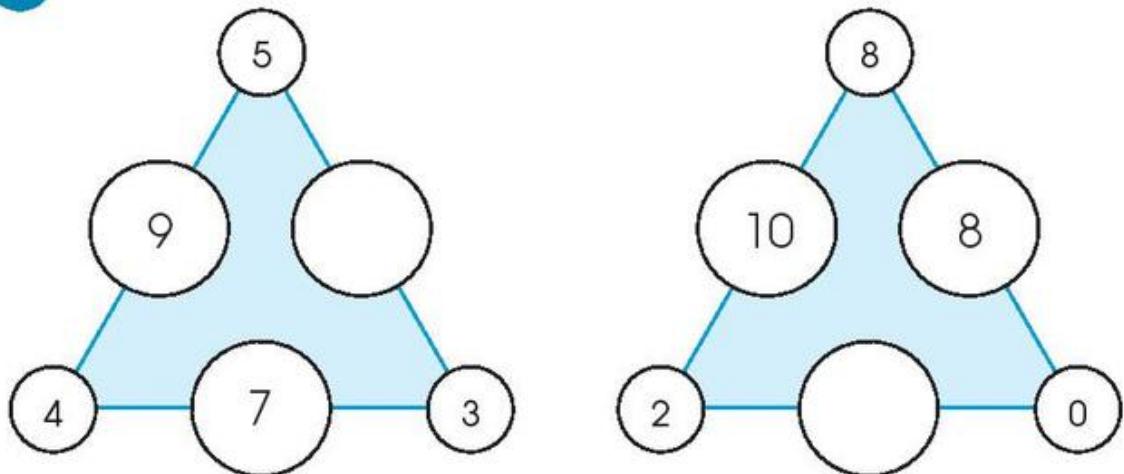
4 Đỏ

6 Cam

5 Xanh lá cây

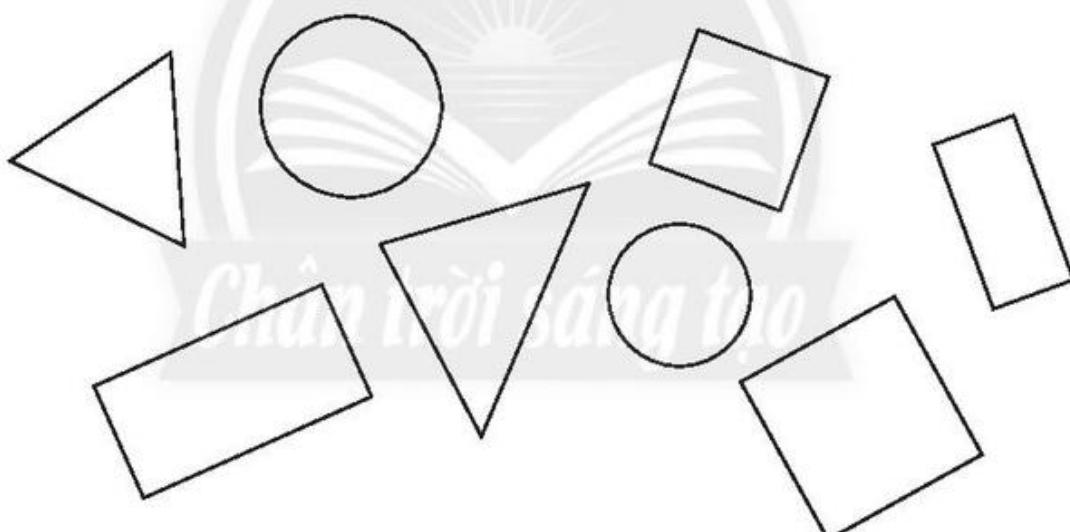
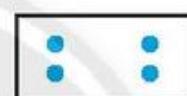
8 Xanh dương

9 Số?



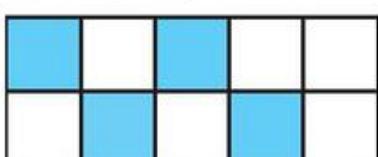
10 Vẽ chấm tròn (theo mẫu).

Mẫu:

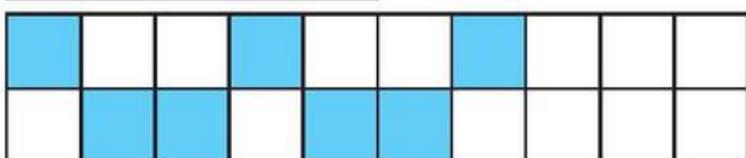


11 Tô màu tiếp.

a)



b)



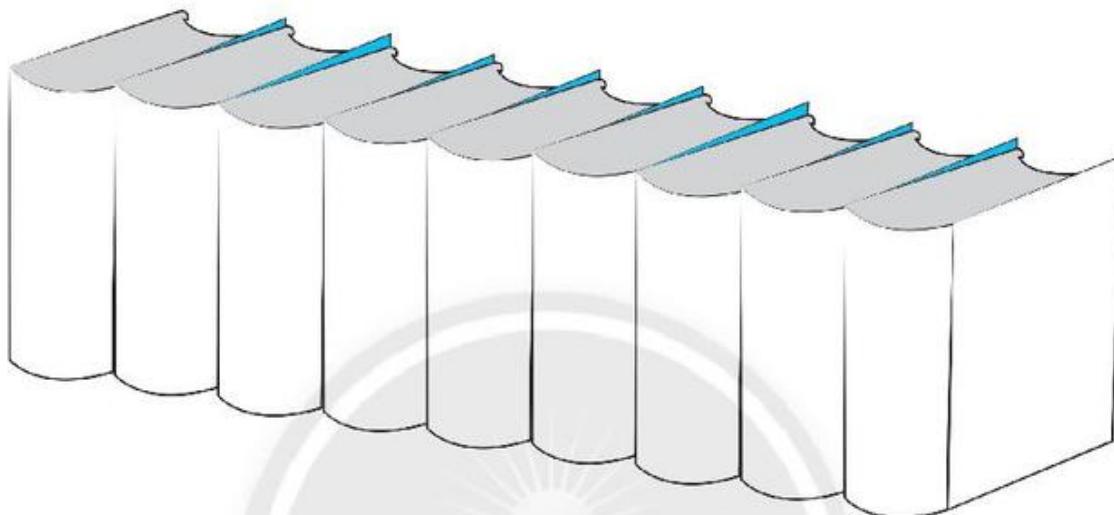


THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

1

a) Từ trái sang phải, tô màu các cuốn sách:

thứ ba, thứ tư và thứ bảy.

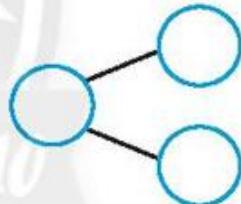


b) Số?

Có tất cả ... cuốn sách.

Đã tô màu ... cuốn.

Còn lại ... cuốn chưa tô màu.



c) Viết một phép cộng và một phép trừ phù hợp với sơ đồ
tách – gộp trên.

.....

.....

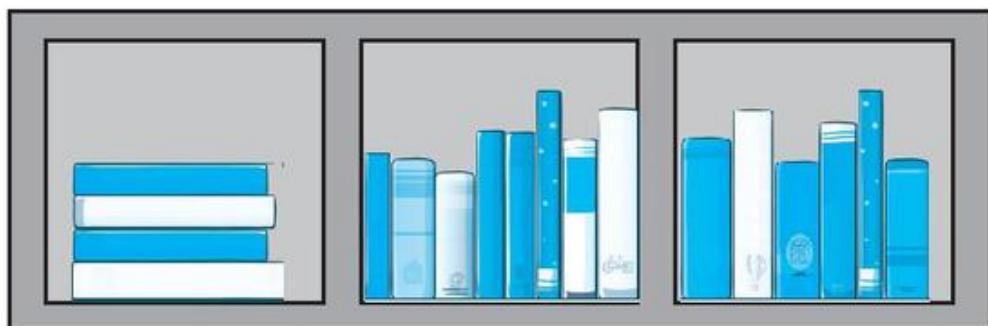
d) Đúng ghi đ, sai ghi s.

Các cuốn sách trên có dạng hình:

▪ Khối lập phương

▪ Khối hộp chữ nhật

Quan sát kệ sách, khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng ở các bài 2 và 3.



2 Số sách nhiều nhất ở ngăn:

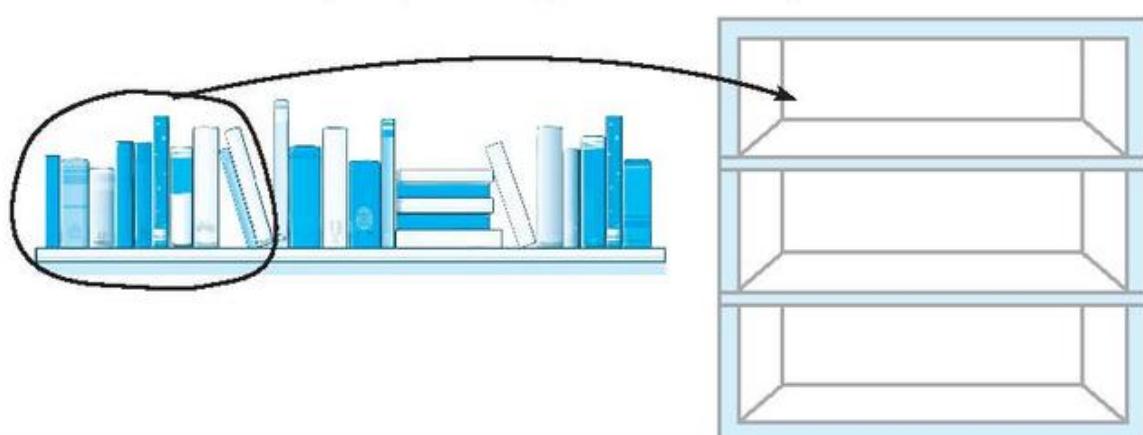
- A. Ngoài cùng, bên trái
- B. Ngoài cùng, bên phải
- C. Ngăn giữa

3 Kệ sách có số sách:

- A. Ít hơn 10 cuốn
- B. 10 cuốn
- C. Nhiều hơn 10 cuốn

4 Xếp sách vào kệ (theo mẫu).

- Mẫu:
- 10 cuốn đầu xếp vào ngăn trên cùng.
 - 6 cuốn cuối cùng xếp vào ngăn giữa.
 - Còn lại: xếp vào ngăn dưới cùng.



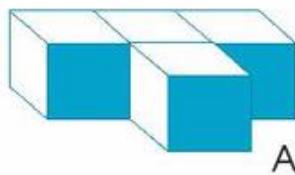


KIỂM TRA HỌC KÌ 1

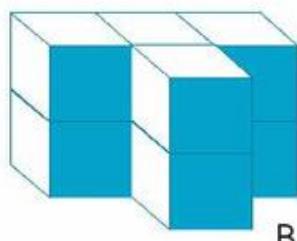
A. TRẮC NGHIỆM

I. Đúng ghi , sai ghi .

Câu 1.



A



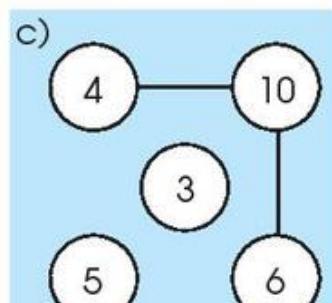
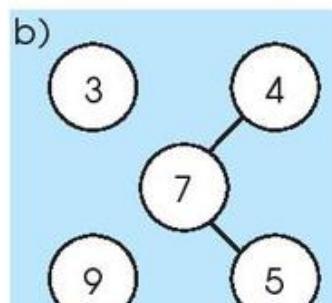
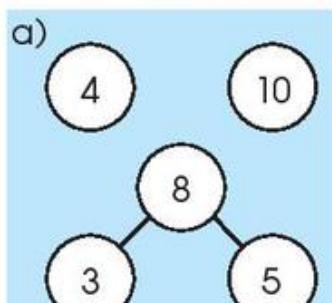
B

- a) Hình A có 3 khối lập phương
- b) Hình A có 4 khối lập phương
- c) Hình B có 8 khối lập phương

Câu 2. Các số sau được sắp xếp từ bé đến lớn.

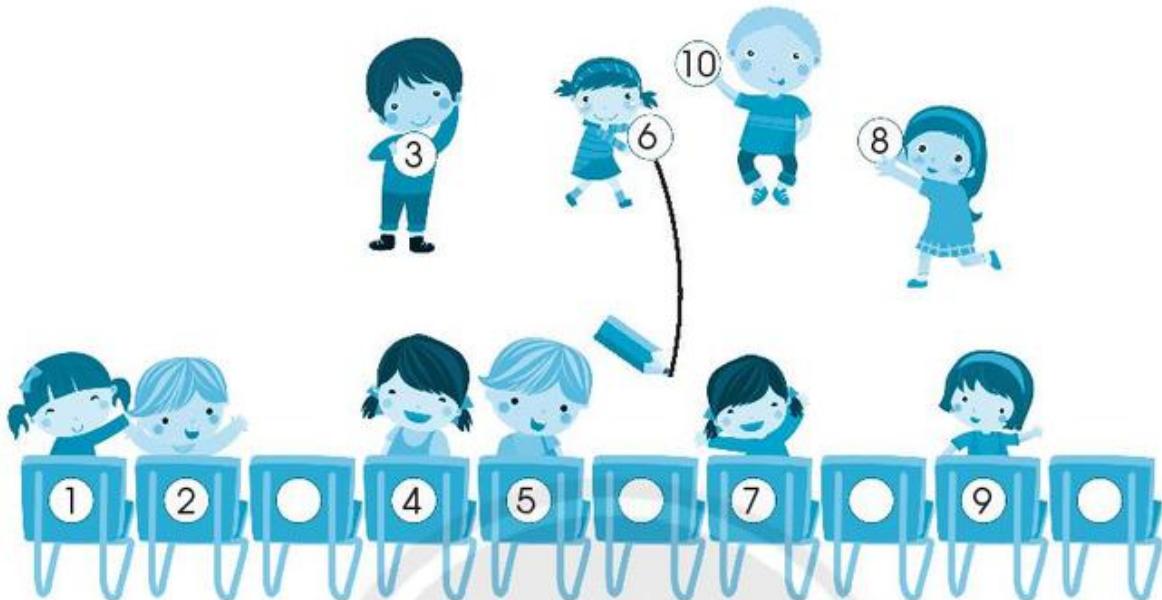
- a) 1, 4, 7, 6
- b) 4, 6, 7, 1
- c) 1, 4, 6, 7

Câu 3. Có một bạn lập các sơ đồ tách - gộp số như sau:

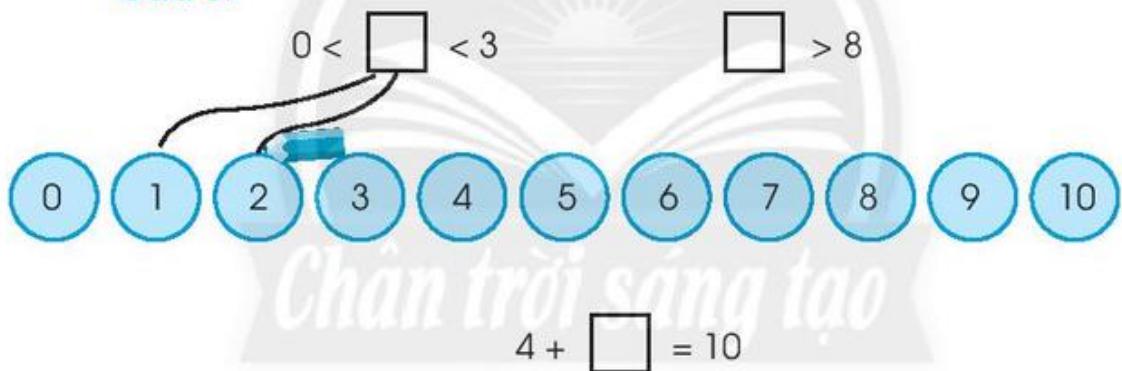


II. Nối (theo mẫu)

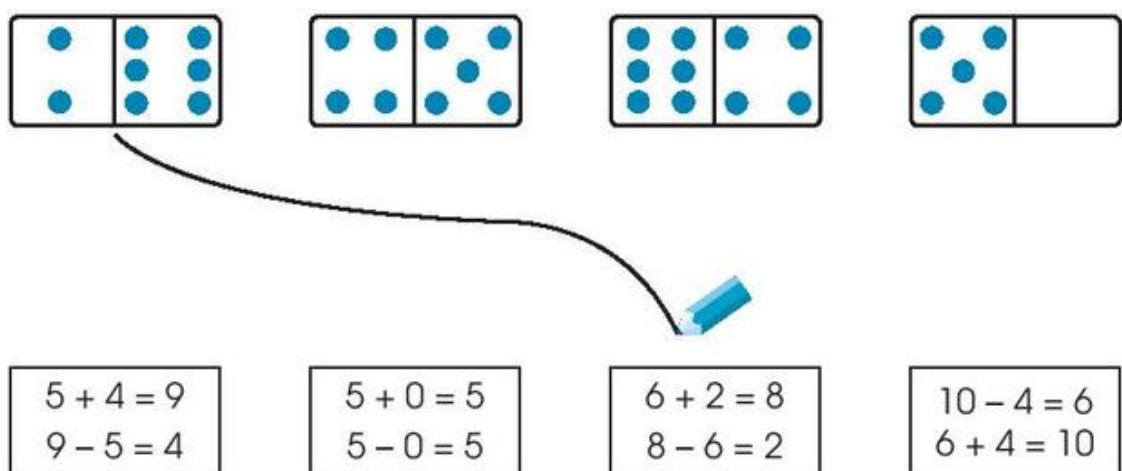
Câu 4.



Câu 5.



Câu 6.



B. TỰ LUẬN

Câu 1. Tính.

$$7 - 5 = \dots$$

$$2 + 7 = \dots$$

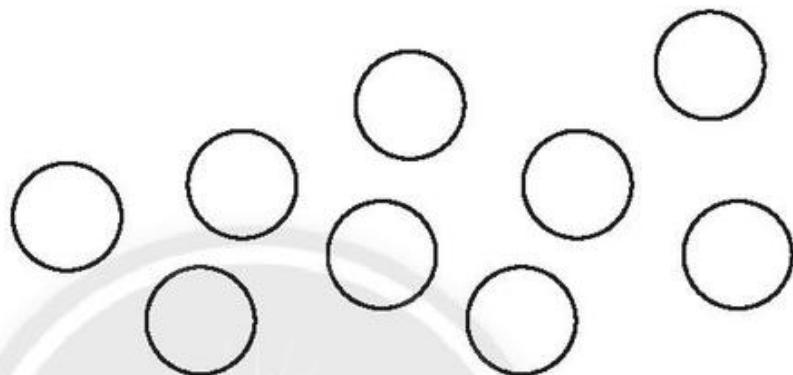
$$10 - 7 + 6 = \dots$$

$$6 + 4 = \dots$$

$$8 - 7 = \dots$$

$$2 + 6 - 5 = \dots$$

Câu 2. Tô màu để thể hiện phép tính: $9 - 3 = 6$.



Câu 3. Viết số thích hợp vào ô trống.

3	+	5	=	
+		-		-
1	-		=	
=		=		=
	+		=	8

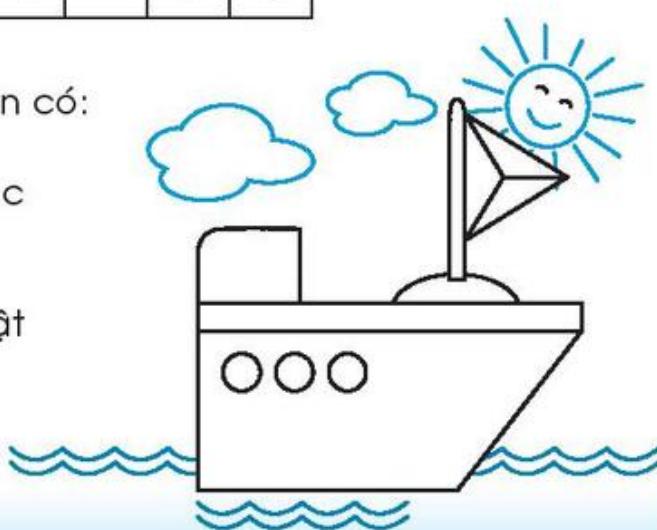
Câu 4. Hình vẽ bên có:

... hình tam giác

... hình tròn

... hình chữ nhật

... hình vuông



Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHAN XUÂN THÀNH

Biên tập nội dung: HOÀNG NGỌC PHƯƠNG – TRẦN THANH HÀ

Thiết kế sách: ĐẶNG NGỌC HÀ – PHẠM NGỌC KHANG

Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG

Minh họa: NGỌC HÀ – NGỌC KHANG

Sửa bản in: HOÀNG NGỌC PHƯƠNG – TRẦN THANH HÀ

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

VỎ BÀI TẬP TOÁN 1 TẬP MỘT

Mã số: G2BH1T001M20

In bản, (QĐ) khổ 17 x 24 cm.

Đơn vị in: địa chỉ

Cơ sở in: địa chỉ

Số ĐKXB: 07-2020/CXBIPH/4-1783GD.

Số QĐXB: .../QĐ- GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: Tập 1: 978-604-0-19593-7

Tập 2: 978-604-0-19594-4